

Phong, thị trấn Kiện Khê là những đơn vị có phong trào Đoàn vững mạnh.

Mười năm đầu thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước (1986-1995), Đảng bộ Thanh Liêm đã vượt qua mọi khó khăn, trở ngại lãnh đạo nhân dân đạt được những thành tựu lớn trên nhiều lĩnh vực. Kinh tế nông nghiệp tiến những bước dài với lực đẩy mạnh mẽ của Khoán 10, cơ cấu giống cây con, mùa vụ chuyển đổi nhanh chóng, tỉ trọng lương thực trong vụ đông ngày càng cao, tác phong điều hành, chỉ đạo sản xuất của cấp uỷ, triển khai thực hiện của chính quyền được đổi mới. Kinh tế tăng trưởng, bước đầu có tích lũy, an ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, hệ thống chính trị được củng cố và lòng tin của nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới được khẳng định dù trong gần 10 năm qua, có nhiều biến động lớn về chính trị diễn ra. Đó là những tiền đề về vật chất và tinh thần vô cùng quan trọng để Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm xiết chặt đội ngũ, nỗ lực phấn đấu đưa huyện phát triển nhanh, mạnh khi bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

II. ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ (1996-2005)

1. Những năm đầu chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá (1996-2000)

Sau 10 năm, công cuộc đổi mới toàn diện đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo đã thu được những thành tựu to lớn, đánh dấu bước ngoặt quan trọng, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài trong nhiều năm để bước tiếp trên một chặng đường mới: chặng đường đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện

đại hoá đất nước. Tháng 6-1996, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội. Báo cáo chính trị của Đại hội khẳng định: *"tiền đề cho công nghiệp hoá đã cơ bản hoàn thành cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước... xây dựng đất nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất"*¹. Trong đường lối công nghiệp hoá, Đại hội xác định trọng tâm là công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn; phát triển công nghiệp chế biến nông sản và hàng tiêu dùng cùng một số ngành công nghiệp mũi nhọn; xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển du lịch, phát triển hợp lý các vùng lãnh thổ;...

Từ ngày 9 đến 10-2-1996, Đảng bộ Thanh Liêm tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ XXV tại Hội trường Nhà văn hoá huyện (Non - Thanh Lưu). Đánh giá kết quả mà Đảng bộ và nhân dân đạt được trong nhiệm kỳ 1991-1995, Đại hội chỉ rõ bên cạnh những thành tựu là cơ bản vẫn còn có những khó khăn, tồn tại cần khắc phục: Tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa đồng đều giữa các vùng, vấn đề lao động việc làm đặt ra gay gắt; việc tạo nguồn thu ngân sách còn yếu... Về phương hướng, nhiệm vụ những năm tiếp theo, Đại hội nhấn mạnh tiếp tục đẩy mạnh đổi mới toàn diện, từng bước đẩy lùi yếu kém và khắc phục tụt hậu trên từng lĩnh vực. Trong cơ cấu kinh tế, chú trọng đổi mới cơ cấu ngành và cơ cấu kinh tế nông thôn, chuyển mạnh sang nền kinh tế có tỷ

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.68, 80.

suất hàng hoá cao hơn. Tập trung phát triển nông nghiệp toàn diện, giải quyết cân đối, vững chắc lương thực, thực phẩm, ưu tiên phát triển cây, con đặc sản có giá trị cao. Phát triển ngành nghề công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ và xuất khẩu. Tăng cường các hoạt động kinh tế thương mại, tạo tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Các mục tiêu cụ thể được Đại hội bàn bạc và thống nhất cao là tích cực chủ động giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, mỗi gia đình đều phấn đấu đủ lương thực tiêu dùng, sản xuất ra hàng hoá và có tích lũy. Mỗi làng xã đều có ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp, phát triển và mở rộng thị trường với 50% số hộ và 20% nhân khẩu có ngành nghề. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo tỷ trọng: Nông nghiệp từ 50-55%; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ từ 45-50% trong tổng sản phẩm. Hàng năm giảm 3-4% tỷ lệ số hộ đói nghèo, phấn đấu đến năm 2000 xoá hộ đói, giảm hộ nghèo xuống dưới 10%.

Trong đường lối phát triển kinh tế, Đại hội đặc biệt chú trọng phát triển kinh tế vùng, đề ra hướng đi cụ thể phù hợp với đặc trưng từng vùng:

- Vùng sông Đáy: Tập trung mũi nhọn kinh tế đồi rừng, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất bột nhẹ, nguyên liệu cho công nghiệp xi măng và các nghề khác dùng nguyên liệu từ đá. Đổi mới cơ cấu kinh tế nông nghiệp, giải quyết tiêu úng phía tây sông Đáy để có năng suất lúa ổn định. Khai thác vườn đồi, trồng cây ăn quả và cây công nghiệp, phát triển mạnh chăn nuôi gia súc.

- Vùng phía Bắc huyện: Tập trung trồng cây ngắn ngày có hiệu quả kinh tế cao, phát triển chăn nuôi, công nghiệp và mở rộng nghề truyền thống theo hướng sản xuất hàng hoá, tạo thành

vùng thực phẩm cho khu công nghiệp thị xã Hà Nam và tiêu thụ ngoài tỉnh.

- Vùng nội đồng: Đẩy mạnh thâm canh, chuyên vụ đông thành vụ sản xuất có giá trị kinh tế cao. Phát triển kinh tế V.A.C, cải tạo vườn tạp, khai thác mặt nước nuôi trồng thủy sản...

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XXV, nhiệm kỳ 1996-2000 gồm 31 đồng chí. Đồng chí Trần Mạnh Tiến được bầu giữ chức vụ Bí thư Huyện uỷ. Đồng chí Nguyễn Mạnh Hùng và đồng chí Nguyễn Văn Hoá giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện uỷ¹.

Bước vào thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm có những thuận lợi cơ bản. Sau chặng đường 10 năm đổi mới, Thanh Liêm đã đạt được những thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá xã hội, an ninh quốc phòng... cùng cố thêm niềm tin trong quần chúng nhân dân, tạo thành sức mạnh đưa phong trào của huyện đi lên; đặc biệt Đảng bộ đã đúc kết được những kinh nghiệm quý báu trong lãnh đạo nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh đó, thực hiện Nghị quyết kỳ họp thứ 10 Quốc hội khoá IX ngày 6-11-1996 về việc tách tỉnh Nam Hà thành hai tỉnh Hà Nam và Nam Định, ngày 1-1-1997, tỉnh Hà Nam chính thức được tái lập. Đây là sự kiện quan trọng, tạo những điều kiện phát triển mới cho Thanh Liêm trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

¹ Năm 1997, đồng chí Trần Mạnh Tiến chuyển công tác lên tỉnh, đồng chí Nguyễn Mạnh Hùng được bầu giữ chức vụ Bí thư Huyện uỷ, đồng chí Bùi Hữu Châu được bầu bổ sung làm Phó Bí thư Huyện uỷ.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Thanh Liêm lần thứ XXV đề ra, trên lĩnh vực kinh tế, Đảng bộ chủ trương tiếp tục mở hướng tiên phong vào mặt trận nông nghiệp, bởi xét cả mục tiêu trước mắt và cả nhiệm kỳ, nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu ngành kinh tế, đồng thời cũng là giải pháp để giải quyết những vấn đề đang đặt ra về lương thực, thực phẩm... Tuy nhiên ngay năm 1996, năm mở đầu kế hoạch 5 năm, Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm đã phải đối mặt với nhiều khó khăn thử thách do thời tiết khắc nghiệt. Từ ngày 22 đến 24-7-1996, cơn bão số 2 đổ bộ vào đất liền, Thanh Liêm bị ảnh hưởng lớn; tiếp đó trong tháng 8, áp thấp nhiệt đới và cơn bão số 4 gây ra mưa to trên diện rộng, lũ sông Đáy trên báo động 3, sạt lở 300 mét mái đê thượng lưu tại kilômét 135 thuộc khu vực Đoàn Vĩ (xã Thanh Hải). Hơn 3.000 ha lúa và hoa màu bị ngập, trong đó có hơn 1.200 ha mất trắng; hơn 1.200 ngôi nhà bị tốc mái, 70 cột điện gãy đổ, hệ thống điện thoại bị gián đoạn, 700m đê bồi sông Châu Giang bị tràn, các bồi khác bị đe dọa nghiêm trọng, tổng giá trị thiệt hại gần 40 tỷ đồng... Tình hình sản xuất và đời sống của nhân dân, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội toàn huyện bị ảnh hưởng lớn. Với tinh thần chủ động, Đảng bộ lãnh đạo nhân dân vượt qua mọi khó khăn để triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị trong đó phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai được đặt lên hàng đầu. Ngay sau bão, Ban Chỉ huy phòng chống lụt bão của huyện đã huy động 2 đợt với 115.000 công lao động, sử dụng 560 máy bơm dầu, 50 máy điện công suất 33 kw/h, 20 máy công suất 14 kw/h, 40 máy công suất 10 kw/h hoạt động liên tục trong 2 tuần để chống úng cứu lúa, khắc phục các sự cố do mưa bão gây ra.

Với địa hình trũng, úng lụt luôn là mối đe dọa trực tiếp đến sản xuất và đời sống của nhân dân nên Đảng bộ hết sức chú trọng chỉ đạo công tác thủy lợi, đẩy mạnh kiểm tra hệ thống đê điều, hệ thống thủy nông, hệ thống điện, trạm bơm, bờ vùng, bờ thửa, hoàn chỉnh hệ thống kênh tiêu, khai thông dòng chảy, hạn chế thấp nhất thiệt hại khi có mưa to gây úng, ngập. Công tác đắp đê, phòng chống úng, bão được đặt thành một nội dung quan trọng trong lãnh đạo của cấp ủy các cấp. Sau khi tái lập tỉnh, ngày 11-1-1997, tỉnh Hà Nam phát động chiến dịch đắp đê Đại Hà tại hai huyện Duy Tiên và Lý Nhân. Hưởng ứng chiến dịch, toàn huyện tham gia đào đắp 11.000m³, tăng 5,6% so với kế hoạch. Ngoài ra, huyện còn tổ chức đắp đê sông Đáy, sông Con (đào đắp 39.000m³, bằng 114% kế hoạch), làm Kè Tháp với khối lượng 2.000m³, trồng 1.500 cụm tre chắn sóng. Để đảm bảo cho công tác tưới tiêu được chủ động hơn, huyện đã xây dựng trạm bơm Triệu Xá, trạm bơm Thanh Tân, Liêm Sơn, Liêm Túc từ nguồn tài trợ của các tổ chức quốc tế, đặc biệt với việc hoàn thành và đưa vào sử dụng trạm bơm Kinh Thanh đã nâng hệ số tiêu úng từ 2,9 lít/giây lên 4,1 lít/giây, hệ số tưới từ 0,8 lít/giây lên 1,2 lít/giây. Tiếp tục đẩy mạnh tiến độ xây dựng trạm bơm Võ Giang, hoàn thành và đưa vào sử dụng trạm bơm Đình Vạn (Liêm Thuận), La Mát (Kiện Khê), trạm bơm Kho (Thanh Tâm)...

Bước sang năm 1999-2000, thực hiện đề án kiên cố hoá kênh mương của tỉnh, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn giúp các cơ sở xây dựng dự án. Các kênh cấp II trong phạm vi xã được Nhà nước hỗ trợ từ 35-50% kinh phí, còn lại địa phương và nhân dân đóng góp. Ngay trong năm 1999, toàn huyện có 5 xã triển khai 11 dự

án, tổng chiều dài 11,75km, kinh phí thực hiện là 2.637.310.000 đồng, riêng xã Thanh Nguyên có 4 dự án với chiều dài là 3,8km. Phong trào kiên cố hoá kênh mương dù mới thực hiện bước đầu song đã đem lại lợi ích rõ rệt cho sản xuất và đời sống: mở rộng được diện tích tưới; có thêm diện tích đất dôi ra đưa vào sản xuất nông nghiệp¹, mở rộng đường giao thông...

Cùng với kiên cố hoá kênh mương, công tác thủy lợi nội đồng được đẩy mạnh, trong các năm 1998-2000 đã hoàn thành tốt các chiến dịch, điều hành kịp thời đủ nước tưới, tiêu cho 2 vụ chiêm, mùa. Năm 2000, đào đắp được 162.000m³ thủy lợi nội đồng, 26.586m³ đê sông con, đê bồi, 118.322m³ đê sông lớn, đạt 100% kế hoạch.

Để sản xuất nông nghiệp có bước tiến nhanh vững chắc, việc chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật kết hợp trang bị quy trình thâm canh cây trồng đến các hộ xã viên có ý nghĩa quan trọng. Nhận thức được điều đó, Đảng bộ huyện đã chỉ đạo đẩy mạnh cuộc cách mạng về cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ, đưa nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào thâm canh sản xuất.

Về giống, huyện chỉ đạo đẩy mạnh áp dụng, thay thế các giống cũ bằng những loại giống có tiềm lực, năng suất cao, chống chịu sâu bệnh tốt, chất lượng gạo ngon đủ tiêu chuẩn xuất khẩu như giống thuần Trung Quốc, Tạp giao. Ngoài việc quy gọn vùng giống lúa 8865 (X21), C70, Khang dân 18, huyện tổ chức cấy thử nghiệm 3 giống lúa có chất lượng gạo khá cao, đủ tiêu chuẩn xuất khẩu là P4 tại hợp tác xã Tây Hải, Việt Đài 10 tại hợp

¹ Ở các kênh: Bò Đòng (Thanh Nguyên), kênh CT6 (Liên Phong) bình quân 1m kênh được kiên cố hoá thì đem lại từ 2 đến 3m² đất.

tác xã Thanh Tâm, Việt Đài 20 tại hợp tác xã Liêm Tiết. Sau khi chứng tỏ được hiệu quả kinh tế cao của các giống này, đã đưa vào gieo trồng trên diện rộng góp phần hình thành bộ giống chuẩn chung cho toàn huyện. Nhóm xuân sớm chiếm 5% tổng diện tích, trong đó giống chủ lực là 8865 (X21), trồng khảo nghiệm giống P4 (có hàm lượng prôtêin cao 11%); xuân chính vụ là các giống C70, C71 chiếm 15-20% tổng diện tích; nhóm xuân muộn chiếm đến 70-85% tổng diện tích gồm các giống Tạp giao 1, Ải 32, Lương Quảng 164, Khang Dân 18, Kim Cương 90, Việt Đài 10, Việt Đài 20. Riêng giống lúa lai (Tạp giao 1) phần đầu nâng lên 15-20% tổng diện tích vì đây là giống năng suất cao, chống chịu sâu bệnh tốt nhất của vụ chiêm xuân. Qua theo dõi một số vụ sản xuất, huyện đã quyết định lựa nhóm giống xuân muộn gồm hệ thống giống thuần Trung Quốc và các giống lúa tạp giao đóng vai trò chủ lực trong thâm canh, có năng suất cao và ổn định, bình quân đạt năng suất 55,8 tạ/ha. Nhiều hợp tác xã đạt năng suất từ 57 tạ/ha trở lên như Thanh Nguyên, Liêm Tiết, Nội Chiêu, Hương Sơn, Thanh Lưu, Thanh Bình, Tân... Đây cũng là những đơn vị đi đầu trong cuộc cách mạng giống.

Việc chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, chuyển giao kỹ thuật về quy trình thâm canh được cán bộ Phòng Nông nghiệp huyện tập huấn kỹ cho từng xã và được nông dân tích cực áp dụng. Bằng các phương thức gieo mạ nền, mạ non, các hợp tác xã đã đảm bảo gieo cấy, kết thúc đúng thời vụ. Qua thực tế nhiều vụ chiêm xuân, mạ xuân muộn gieo bằng phương thức mạ nền, mạ Nhật - Việt cho kết quả tốt nên được đồng loạt áp dụng kết hợp với chủ động chống rét cho mạ ngay từ đầu vụ bằng các biện pháp bố trí địa điểm gieo, điều tiết nước, bón phân... Phương pháp bón phân

được sử dụng rộng rãi là tập trung bón nhiều vào giai đoạn đầu, giảm dần vào giai đoạn cuối, các giống ngắn ngày bón phân sớm hơn. Kỹ thuật cấy thực hiện theo hướng từ trên xuống và từ ruộng trũng lên, cấy gọn vùng, gọn thửa theo cơ cấu đã quy hoạch. Đổi mới cách chăm sóc các giống lúa ngắn ngày theo đặc tính từng giống. Về cơ cấu mùa vụ, nhóm xuân sớm, xuân chính vụ những năm trước thường chiếm 50-60% tổng diện tích, đến nay chỉ còn 20% tổng diện tích, các hợp tác xã Thanh Nguyên, Liêm Tiết, Thanh Hà, Trung Lương, Đông Hà, Liêm Phong, Liêm Tuyên chỉ còn cấy nhóm xuân chính vụ và xuân muộn.

Kiên trì mục tiêu đưa vụ đông trở thành vụ sản xuất chính, phong trào làm vụ đông được phát động mạnh mẽ ở tất cả các xã. Biện pháp thực hiện là vận động các hộ không cấy lúa xuân sớm ảnh hưởng đến diện tích sản xuất vụ đông, nhanh chóng mở rộng diện tích và sử dụng giống mới có năng suất cao như ngô lai, khoai tây Trung Quốc, Đức, Hà Lan, khoai lang 143... Đối với cây ngô, huyện triển khai trồng giống ngô lai trên 100% diện tích đất 2 lúa. Với cây khoai tây, để đảm bảo có đủ giống đạt chất lượng, huyện chỉ đạo 2 hợp tác xã Đông Hải và Bắc Tân triển khai làm khoai tây lấy giống cung ứng cho các hợp tác xã; phát triển trồng kê và vùng đen xuất khẩu ở 2 hợp tác xã miền núi Thanh Bồng và Thanh Sơn. Nhờ đó, các loại cây màu vụ đông phát triển khá, năm 2000, tổng diện tích đạt 1.920 ha, trong đó ngô đạt 408 ha, khoai lang 522 ha, sắn 364 ha...

Xác định công tác phòng trừ dịch bệnh là yếu tố quan trọng đảm bảo năng suất cây trồng, Trạm bảo vệ thực vật huyện và Ban Quản lý các hợp tác xã khẩn trương xây dựng lại mạng lưới cán bộ bảo vệ thực vật từ huyện xuống cơ sở, thường xuyên dự báo,

phát hiện diễn biến của sâu bệnh, thông báo và vận động nông dân thực hiện phòng trừ và dập tắt dịch bệnh. Huyện ủy, Ủy ban nhân dân chỉ đạo các ngành, các cấp liên quan tổ chức tốt việc thanh tra, quản lý chặt chẽ việc cung ứng thuốc, ngăn chặn việc đưa thuốc sâu giả vào thị trường...

Trong phát triển kinh tế, huyện đặc biệt chú ý đến khu vực kinh tế hộ, bởi đây chính là những hạt nhân thúc đẩy sự phát triển chung, kinh tế cá thể vững mạnh sẽ tác động đến kinh tế tập thể. Phong trào thi đua hộ làm kinh tế giỏi được phát động từ năm 1995 tiếp tục được đẩy mạnh. Mô hình khá phổ biến là kinh doanh tổng hợp trong đó nghề mũi nhọn là chăn nuôi hoặc nuôi trồng thủy sản, đặc sản, nghề thủ công, dịch vụ cùng với các nguồn thu nhập khác như trồng lúa, làm vườn... Với mô hình này nhiều hộ ở xã Thanh Hà, Thanh Hương, Thanh Phong có thu nhập từ 30-50 triệu đồng. Huyện đã tổ chức nhiều đoàn cán bộ và hộ nông dân đi thăm mô hình sản xuất giỏi, thăm trang trại ở các huyện bạn; đã mở 135 lớp tập huấn kỹ thuật thâm canh, lớp IPM, lớp bồi dưỡng kiến thức VAC cho các hộ nông dân... Được sự quan tâm, tạo điều kiện của huyện, các hộ nông dân đã năng động hơn trong cơ chế mới, chủ động cải tạo vườn tạp, ao đầm hoang, nuôi trồng cây, con có giá trị kinh tế cao như tre Bát Độ, cây tinh dầu bạc hà, cây thuốc, vải thiều, hồng không hạt, nhãn Hương Chi, chanh, bưởi, nuôi ong mật... Do tích cực đổi mới phương thức giao khoán đồi, rừng cho hộ xã viên và tổ chức thực hiện tốt dự án 327, 773, nên trồng rừng tập trung trong năm 2000 đạt 125 ha (125% kế hoạch) và 150.000 cây các loại. Phong trào trồng cây nhân dân được duy trì tốt. Các xã tiên tiến điển hình trong phong trào trồng cây là Liêm Sơn, Thanh Nghị, Thanh Thủy, Thanh Lưu...

Các hộ nông dân vùng màu mùa rất tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, thâm canh tăng vụ, phát triển vụ đông, rau màu trái vụ đem lại hiệu quả kinh tế từ 20-22 triệu đồng/ha như ở các xã Liêm Tuyền, Thanh Tân, Liêm Tiết... Ven đường quốc lộ, thị trấn, thị tứ mở rộng mô hình trồng hoa, cây cảnh, cây đặc sản, chăn nuôi tập trung, kết hợp dịch vụ, vận tải... Vùng đồi núi ven sông Đáy tập trung phát triển mô hình kinh tế trang trại, khai thác tiềm năng đồi rừng, trồng cây ăn quả, chăn nuôi. Nhiều trang trại cho bình quân thu nhập 28-30 triệu đồng/năm¹. Từ phong trào này, đã xuất hiện nhiều chi hội, thôn làng đạt danh hiệu làng, xã làm kinh tế giỏi².

Nhìn chung, sự chỉ đạo kiên quyết, kịp thời và đồng bộ của Đảng bộ trong các khâu sản xuất nông nghiệp từ đổi mới cơ cấu giống và cơ cấu mùa vụ, chủ động trong công tác thủy lợi, cơ sở vật chất kỹ thuật được chuẩn bị chu đáo, phục vụ kịp thời nên sản xuất nông nghiệp tăng trưởng nhanh. Tổng sản lượng lương thực quy thóc bình quân 5 năm 1996-2000 đạt 70.185 tấn, vượt 6,3% so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ lần thứ XXV đề ra, tăng 56% so với năm 1995. Bình quân lương thực đầu người đạt 498kg/năm, tăng 29% so với bình quân 5 năm trước. Đặc biệt là năm 1999, sản xuất nông nghiệp đạt đỉnh cao kể từ khi đổi mới, tổng sản lượng lương thực đạt 77.606 tấn, có 18 hợp tác xã đạt trên 10 tấn/ha/năm...

¹ Như trang trại của các ông: Lê Xuân Bền (Thanh Bồng), Phạm Văn Lịch, Nguyễn Văn Giáp (Thanh Nghị), Ngô Lê Ngãi, Phạm Sinh (Thanh Hương)...

² Chi hội nông dân: La Mát (Kiện Khê), Hoà Ngãi, An Hoà (Thanh Hà), làng Nhất (Liêm Cần), Tăng (Thanh Hương), Đoàn Vĩ (Thanh Hải), các xã Thanh Nguyên, Liêm Tuyền, Thanh Hà, Liêm Tiết, Kiện Khê...

Nhiều vụ sản xuất liên tiếp được mùa, giá lương thực, thực phẩm ổn định, thức ăn cho chăn nuôi được đảm bảo, giá lợn giống và lợn thịt tăng càng thúc đẩy chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển. Phòng Nông nghiệp tích cực chủ động đưa tiến bộ kỹ thuật về giống, thức ăn và biện pháp chăm sóc vào chăn nuôi. Đã thay thế đàn lợn nái pha tạp, thoái hóa bằng đàn Móng Cái thuần, phối hợp với lợn đực Landrace hoặc Yoocsin để có lợn nái kinh tế F1 với năng suất và chất lượng thịt cao. Mô hình nạc hóa đàn lợn bằng giống ngoại Yoocsin, Landrace được thực hiện hiệu quả ở hợp tác xã Liêm Tiết; mô hình lợn Móng Cái thuần ở hợp tác xã Thanh Hà phát triển tốt, sau đó được mở rộng ở các hợp tác xã khác. Chương trình cải tạo đàn bò địa phương theo hướng Sin hóa phát triển mạnh ở 5 xã ven Đáy, điển hình là 2 xã Thanh Hải và Thanh Nghị. Mô hình nuôi gia cầm siêu thịt, siêu trứng như nuôi ngan Pháp, vịt Bắc Kinh tại hợp tác xã Liêm Tiết, Thanh Bình, Thanh Thủy, Thanh Hải đạt hiệu quả kinh tế cao. Công tác phòng chống dịch bệnh được chú trọng, công tác kiểm dịch động vật, kiểm soát giết mổ và vệ sinh thú y được tăng cường, đã nâng cao tỷ lệ tiêm phòng, hạn chế dịch bệnh làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất chăn nuôi. Tiến bộ khoa học về giống, kỹ thuật nuôi dưỡng, chăn nuôi theo hướng công nghiệp được áp dụng nhanh, mạnh. Bình quân 5 năm tổng đàn lợn đạt 46.062 con, tăng 36% so với 5 năm trước (riêng năm 2000, đàn lợn đạt 52.080 con); đàn bò tăng 13,1%; sản lượng thịt bình quân đầu người đạt 24,6kg/1khẩu/năm, tăng 46% so với thời kỳ 1991-1995. Đây là kết quả đáng khích lệ, mở đường cho chăn nuôi phát triển, dần trở thành ngành chính trong sản xuất nông nghiệp ở địa phương.

Thực tế sản xuất nông nghiệp trong nhiều năm, nhất là từ khi có Nghị quyết 10, hộ nông dân được giao ruộng đất ổn định trở thành đơn vị kinh tế tự chủ trong sản xuất kinh doanh, thúc đẩy phân công lại lao động trong sản xuất và dịch vụ, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Nhu cầu hợp tác, liên doanh, liên kết đã xuất hiện phù hợp với nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường. Trong khi đó, mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu cũ đã bộc lộ nhiều mặt hạn chế và yếu kém, không phù hợp với cơ chế quản lý mới, thậm chí có lúc còn kìm hãm sự phát triển của kinh tế hộ... Trước thực tế đó, thực hiện chủ trương của Đảng, Nghị quyết của Chính phủ, Nghị quyết số 01 (14-11-1998) của Tỉnh uỷ Hà Nam về chuyển đổi và tổ chức quản lý hợp tác xã nông nghiệp theo Luật hợp tác xã, ngày 22-1-1999, Ban Thường vụ Huyện uỷ ra Chỉ thị số 06-CT/HU về *"chuyển đổi và đổi mới quản lý hợp tác xã nông nghiệp theo Luật hợp tác xã"*. Chỉ thị nhấn mạnh đến mục tiêu thực hiện việc chuyển đổi là nhằm phát huy nội lực kinh tế hợp tác xã, tạo điều kiện cho kinh tế hộ phát triển, tăng cường lực lượng sản xuất, góp phần xây dựng phúc lợi xã hội, xây dựng nông thôn mới, xoá bỏ cơ chế quản lý hành chính bao cấp trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã, khắc phục những tiêu cực trong bộ máy quản lý hợp tác xã nông nghiệp.

Để phục vụ công tác chỉ đạo chuyển đổi, huyện chủ trương thành lập Ban Chỉ đạo cấp huyện và các xã. Ban Chỉ đạo cấp huyện điều hành chung, các Ban Chỉ đạo cấp xã¹ chịu trách nhiệm

¹ Thành phần gồm: Bí thư Đảng uỷ làm Trưởng ban, Chủ tịch UBND làm Phó trưởng ban, Phó Chủ tịch UBND làm Uỷ viên thường trực.

chỉ đạo chuyển đổi và đổi mới tổ chức quản lý hợp tác xã nông nghiệp ở địa bàn phụ trách; nắm vững hiện trạng các hợp tác xã, từ đó phân loại và đề xuất giải pháp chuyển đổi; hướng dẫn, đôn đốc công tác chuyển đổi ở từng cơ sở. Ngoài Ban Chỉ đạo, huyện thành lập các Ban trụ bị¹ với nhiệm vụ tổ chức cho xã viên và hộ nông dân học tập về mục đích, ý nghĩa công tác chuyển đổi; kiểm kê, đánh giá tài sản, quỹ, công nợ của hợp tác xã cũ; chuẩn bị hồ sơ, thủ tục để đăng ký kinh doanh lại cho hợp tác xã; chuẩn bị đại hội xã viên để quyết định việc chuyển đổi...

Ban chuyển đổi của huyện cùng với các xã tập trung điều tra, khảo sát cụ thể ở tất cả các hợp tác xã trong huyện, từ đó hình thành phương án và biện pháp chuyển đổi phù hợp với *hai loại hình cơ bản*. Đối với những hợp tác xã đại đa số xã viên đoàn kết, tự nguyện trở thành đối tượng phục vụ của hợp tác xã thì chuyển thành *hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp ít xã viên*²; Loại hình thứ hai là hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp *đông xã viên*, được chuyển đổi trên cơ sở giữ nguyên quy mô hợp tác xã cũ, sau khi chuyển đổi, hợp tác xã không thực hiện chức năng điều hành sản xuất ở địa phương như trước mà hoạt động dịch vụ ở các chuyên khâu nông nghiệp³. Dù ở loại hình nào, nguyên tắc mà

¹ Thành phần gồm: đại diện UBND xã, đại diện Ban quản trị, Ban kiểm soát hợp tác xã cũ, đại diện xã viên hợp tác xã cũ.

² Gồm những xã viên đủ tiêu chuẩn, tự nguyện cùng góp vốn, góp sức tham gia vào HTX mới, trực tiếp thực hiện các hoạt động dịch vụ nông nghiệp.

³ Trong loại hình hợp tác xã này có hai loại xã viên: một bộ phận thực hiện các dịch vụ của hợp tác xã phục vụ cho các hộ nông dân (phải góp vốn nhiều hơn); đa số xã viên còn lại là đối tượng tiếp nhận các dịch vụ của hợp tác xã thông qua các hợp đồng kinh tế giữa xã viên với hợp tác xã (góp vốn ít hơn).

các hợp tác xã chuyển đổi phải tuân thủ là: mức vốn góp của xã viên không quá 30% tổng số vốn điều lệ hợp tác xã, các xã viên có quyền biểu quyết bình đẳng như nhau không phụ thuộc vào mức vốn đóng góp. Quá trình chuyển đổi được tiến hành tuân tự theo ba bước¹, qua mỗi bước, huyện đều tổ chức sơ kết, rút kinh nghiệm để bước tiếp theo tiến triển thuận lợi hơn. Ba xã được chọn để chuyển đổi hợp tác xã thí điểm là Liêm Tiết, Thanh Hà, Thanh Nguyên.

Chuyển đổi và đổi mới quản lý hợp tác xã nông nghiệp ở Thanh Liêm là cuộc vận động lớn. Tinh thần chung của Đảng bộ là tìm mọi biện pháp để vực dậy kinh tế tập thể mà sự chuyển đổi nói trên là một hình thức thích hợp để đến giai đoạn tiếp theo, khi các hợp tác xã vượt qua thời điểm khó khăn nhất đã từng bước được củng cố, làm ăn hiệu quả, hoạt động theo đúng tinh thần Luật Hợp tác xã mà Nhà nước ban hành. Đến cuối năm 1999, Thanh Liêm hoàn thành việc chuyển đổi hợp tác xã theo Luật, dựa trên nguyên tắc: các hộ nông dân có nhu cầu lợi ích chung, tự nguyện cùng góp vốn, góp sức để phát huy sức mạnh tập thể. Trong quá trình thực hiện, Huyện uỷ quán triệt quan điểm công tác chuyển đổi phải được tổ chức thực hiện từng bước chặt chẽ, gắn với củng cố tổ chức Đảng và chính quyền cơ sở, bố trí lại cán bộ, nâng cao năng lực quản lý kinh tế của đội ngũ cán bộ cấp xã

¹ Bước 1: tổ chức tập huấn trong toàn huyện; thành lập Ban chỉ đạo, Ban trụ bị; Bước 2; Kiểm kê tài sản, vốn quỹ, công nợ, chuẩn bị đề án chuyển đổi, điều lệ, phương án kinh doanh, bộ máy nhân sự, xây dựng mô hình thí điểm; Bước 3: Hoàn thành chuẩn bị, đại hội tổng kết 40 năm hoạt động hợp tác xã, chuyển đổi tất cả các hợp tác xã, bàn giao tài sản, vốn quỹ, lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân huyện duyệt cấp đăng ký kinh doanh...

và trường thôn. Kiên quyết không để tình trạng chiếm dụng đất đai và tài sản tập thể, làm phát sinh mâu thuẫn nội bộ ảnh hưởng đến tư tưởng xã viên và phong trào lao động sản xuất. Huyện uỷ chỉ đạo Uỷ ban nhân dân xây dựng các phương án xử lý tài sản, công nợ, vốn quỹ của hợp tác xã cũ, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện. Quá trình thực hiện việc thu hồi công nợ, xử lý vốn quỹ, đặc biệt là việc hoá giá tài sản hợp tác xã, nhiều cơ sở gặp những khó khăn, vướng mắc nhất định song đã được các Ban chỉ đạo kịp thời hướng dẫn, phối hợp tìm biện pháp tháo gỡ... Sau khi chuyển đổi, các hợp tác xã đã xây dựng được phương án sản xuất, kinh doanh, bảo tồn và phát triển được nguồn vốn tập thể. Bộ máy quản lý hợp tác xã được tổ chức lại theo hướng tinh gọn, Ban quản trị chỉ từ 2-3 người, Ban kiểm soát từ 1-2 người, thực hiện đúng chức năng quản lý, giám sát hoạt động. Các khâu dịch vụ nông nghiệp do hợp tác xã điều hành như điện, thủy lợi, giống cây trồng, bảo vệ thực vật... có chuyển biến tích cực. Điều quan trọng hơn, các hợp tác xã đã bước đầu tổ chức được mô hình sản xuất kinh doanh trên cơ sở áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật và chuyển dịch cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi đem lại hiệu quả kinh tế cao trên từng vùng, từng loại đất, mở ra được hướng phát triển lâu dài cho hợp tác xã, đảm bảo thu nhập cho xã viên.

Từ quá trình thực hiện chuyển đổi hợp tác xã, một kinh nghiệm quý được Đảng bộ đúc rút là: trước những vấn đề lớn, hệ trọng, nhạy cảm, người lãnh đạo rất *cần sự quyết đoán song không được phép nóng vội*. Chuyển đổi hợp tác xã không đơn thuần chỉ là vấn đề chuyển đổi một mô hình kinh tế, mà sâu xa hơn, liên quan và gắn bó mật thiết đến suy nghĩ, tư tưởng, tình

cảm của người nông dân Thanh Liêm. Hợp tác xã đã đi cùng nông thôn - nông dân cả một chặng đường dài gần bốn thập kỷ, từ những ngày xây dựng tổ đời công đến cuộc vận động xây dựng hợp tác xã. Những ngày tháng đó, người xã viên - nông dân đã không quản nắng mưa, khó nhọc lao động quên mình cùng tập thể trên cánh đồng, trên công trường thuỷ lợi, dưới bom đạn để bảo vệ mùa màng; để Thanh Liêm luôn hoàn thành nghĩa vụ lương thực với Nhà nước, góp quân lương gửi ra chiến trường, luôn là huyện *"thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người"*, dù nổi khốn khó về lương thực của người ở lại không hẳn đã được lấp đầy... Vì vậy, hợp tác xã vừa là một đơn vị kinh tế, đồng thời là tổ chức mang tính xã hội, cộng đồng với những đặc thù riêng biệt. Trước một vấn đề hệ trọng là xoá bỏ, triệt tiêu mô hình hợp tác xã vì đã hết vai trò lịch sử hay cố gắng tìm một phương cách để nó tiếp tục tồn tại, phù hợp với điều kiện mới đã có nhiều thay đổi? Đảng bộ Thanh Liêm đã thực hiện phương cách thứ hai, dù để đi con đường đó, không chỉ cần trí tuệ, sự sáng tạo mà còn cần cả sự dũng cảm, dám dấn thân vào cái mới, cái khó. Xuất phát từ nhận thức đúng tác dụng nhất định và tích cực của hợp tác xã đối với kinh tế nông nghiệp và đời sống xã hội nông thôn, Đảng bộ đã cố gắng duy trì mô hình hợp tác xã, cho dù trong thời điểm nhất định, hoạt động có lúc gần như ngừng trệ.

Trong khó khăn, Đảng bộ đã kiên trì tìm tòi, học hỏi những mô hình chuyển đổi thành công từ nhiều địa phương khác và rút kinh nghiệm từ mô hình chưa thành công để hình thành cách làm cho riêng mình. Từ ba hợp tác xã thí điểm đầu tiên thành công, huyện đã mạnh dạn sơ kết để nhân rộng. Những hợp tác xã sau

khi chuyển đổi, xây dựng được phương án sản xuất kinh doanh tốt mỗi năm đạt năng suất từ 8-10 tấn/ha, chia lợi nhuận cho xã viên hàng chục nghìn đồng. Chủ trương chuyển đổi, củng cố các hợp tác xã đã đưa đến những tác động tích cực, góp phần thúc đẩy sự phát triển trong sản xuất nông nghiệp của huyện. *Mạnh dạn và kiên quyết song bình tĩnh, khéo léo và sáng tạo* là đặc trưng nổi bật trong công tác lãnh đạo chuyển đổi hợp tác xã của Đảng bộ Thanh Liêm. Điều đó vừa là sự kế tiếp truyền thống của Đảng bộ đồng thời là một minh chứng đầy thuyết phục về năng lực và bản lĩnh lãnh đạo trong tình hình mới.

Sau khi hoàn thành chuyển đổi hợp tác xã nông nghiệp, thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, ngày 4-5-2000 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, ngày 28-6-2000, Ban Thường vụ Huyện uỷ ban hành Thông tri số 27-TT/HU về việc chuyển đổi ruộng đất nông nghiệp. Đây là chủ trương lớn của huyện nhằm khắc phục tình trạng ruộng đất manh mún, phân tán, tạo điều kiện ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp - nông thôn. Đồng thời công tác quản lý đất đai có cơ sở để tổ chức lại chặt chẽ, phù hợp. Một thuận lợi lớn trong thực hiện chuyển đổi ruộng đất là trước đó, huyện đã hoàn thành tốt Chỉ thị số 64 của Chính phủ về giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ổn định, lâu dài cho hộ nông dân. Tuy nhiên, thực trạng ruộng đất ở Thanh Liêm đang có nhiều bất cập: do chia ruộng theo lối bình quân chủ nghĩa, mỗi hộ sử dụng ruộng đều có ruộng tốt, ruộng xấu, ruộng xa, ruộng gần, dù đảm bảo được tính công bằng nhưng lại làm đất đai bị chia nhỏ, manh mún: như Liêm Túc bình quân 1 hộ có 14 thửa, có hộ có tới 33 thửa, "bờ

vùng, bờ thửa" quá nhiều, lãng phí sức lao động, vật tư sản xuất... Đặc biệt là hệ thống giao thông nội đồng khó quy hoạch nên việc áp dụng kỹ thuật - cơ giới hoá trong nông nghiệp bị hạn chế, phần đất công ích do các xã quản lý bị phân tán, chủ yếu là đất xấu... Những hạn chế đó đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Vì vậy mục tiêu phấn đấu là sau khi hoàn thành việc chuyển đổi ruộng đất giữa các hộ nông dân, mỗi hộ tối đa không quá 5 thửa, hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ nông dân.

Để tổ chức thực hiện, tháng 6-2000, Huyện uỷ thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi từ huyện đến các xã. Huyện uỷ quán triệt sâu sắc tới các cấp uỷ, chính quyền cơ sở về lợi ích của chuyển đổi ruộng đất đối với sản xuất nông nghiệp; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị cơ sở với tinh thần Đảng lãnh đạo, chính quyền tổ chức thực hiện, phát huy vai trò làm chủ của các tổ chức chính trị - xã hội và của toàn dân; phân công trách nhiệm rõ ràng và đôn đốc thực hiện tới từng ban ngành. Công tác "dồn điền đổi thửa" được chia thành 2 bước: Bước 1, đo đất thực địa, tiến hành chuyển đổi; bước 2, thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho từng hộ nông dân. Năm 2000, Thanh Liêm tiến hành làm thí điểm ở 5 xã: Thanh Nguyên, Thanh Thủy, Liêm Thuận, Thanh Tuyên, Thanh Lưu với mục tiêu phấn đấu hoàn thành chuyển đổi bước 1. Đồng thời, khuyến khích các xã khác thực hiện chuyển đổi nếu có điều kiện thuận lợi, không nhất thiết phải chờ tổng kết mô hình xã điểm. Ở các xã thí điểm, Ban chỉ đạo chuyển đổi ruộng đất của huyện trực tiếp theo dõi phối hợp với Ban chỉ đạo các xã kịp thời đưa ra những biện pháp điều chỉnh hợp lý. Tuy nhiên, đây là vấn đề

phức tạp, liên quan đến lợi ích của người dân, tâm lý của người nông dân còn bảo thủ, ngại thay đổi, công tác tuyên truyền chưa thực sự hiệu quả nên đến cuối năm 2000 mới chỉ có 3 xã Thanh Lưu, Kiện Khê, Thanh Hương hoàn thành chuyển đổi¹. Thắng lợi ban đầu là cơ sở để Ban chỉ đạo chuyển đổi ruộng đất khẩn trương sơ kết, rút kinh nghiệm và tiếp tục đề xuất phương án triển khai chuyển đổi ở tất cả các xã, thị trấn còn lại.

Những tiến bộ của kinh tế nông nghiệp đã đưa đến sự thay đổi lớn không chỉ trong nền kinh tế - xã hội nói chung, cải thiện rõ rệt chất lượng cuộc sống của nhân dân mà còn có tác dụng tương hỗ, thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển, đặc biệt là sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Để thích nghi với cơ chế, tạo lập được thị trường ổn định, Đảng bộ tập trung khai thác các tài nguyên mũi nhọn như núi đá, đồi rừng, các ngành sản xuất vật liệu xây dựng, phát triển ngành nghề, làng nghề truyền thống trong nông thôn. Nhiều đơn vị sản xuất đã tích cực, chủ động mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm như Công ty trách nhiệm hữu hạn Đồng Tâm, các tổ hợp thù ren, các tổ hợp sản xuất vật liệu xây dựng... Các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống được chú trọng phát triển như thù ren, mộc, nê, đan tre, chế biến bún, giò, chả, dịch vụ xay xát... Ngoài ra, tạo thêm nghề mới cho nông dân như mây tre đan xuất khẩu ở Thanh Hải, Thanh Hương, Thanh Lưu, Liêm Phong, Thanh Bình; nuôi ong mật ở Thanh Lưu... Qua

¹ Xã Thanh Lưu: giảm từ trung bình mỗi hộ hơn 5,6 thửa trước chuyển đổi xuống còn 3,4 thửa; thị trấn Kiện Khê giảm từ 4,4 thửa/hộ xuống còn 4,0 thửa/hộ; xã Thanh Hương từ 10,1 thửa/hộ xuống 3,9 thửa/hộ.

đó, tạo thêm việc làm mới cho 3.150 lao động, góp phần xóa đói giảm nghèo, đảm bảo ổn định đời sống nhân dân trong huyện. Đến năm 1999, tổng giá trị sản lượng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn đạt 41,8 tỷ đồng. Riêng hàng thêu xuất khẩu năm 1998 đạt 38.000 bộ, tăng 50% so với năm 1997. Các sản phẩm chủ yếu như khai thác đá đạt 350.000m³/năm (tăng 106%), phôi thép đúc đạt 650 tấn, bột nhẹ đạt 1.250 tấn/năm (tăng 5%), chế biến nông sản tăng 41% so với bình quân 5 năm 1991-1995. Kinh tế dịch vụ phát triển, giá trị sản lượng bình quân 5 năm đạt 24,3 tỷ đồng... Đến năm 2000, các thành phần kinh tế cơ bản đã vượt qua lúng túng trong chuyển đổi cơ chế, tìm được giải pháp thích hợp chuyển hướng sản xuất... Giá trị công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp bình quân 5 năm đạt 27,625 tỷ đồng, vượt 28% chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ lần thứ XXV.

Mặc dù nguồn thu trên địa bàn huyện còn hạn hẹp, chưa ổn định, nhưng với nỗ lực và quyết tâm cao, ngành tài chính đảm bảo thực hiện nghiêm luật ngân sách với phương châm thu đúng, đủ, kịp thời. Bình quân 5 năm (1996-2000) đạt 8,6 tỷ đồng, tăng 157% so với bình quân 5 năm (1991-1995). Các chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch là thu quốc doanh Trung ương, quốc doanh địa phương, thuế nhà đất... Công tác quản lý ngân sách đã có nhiều cố gắng cân đối giữa thu và chi, đảm bảo chi thường xuyên phục vụ các nhiệm vụ chính trị của địa phương, tiết kiệm chi để đầu tư cho xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị; thực hiện tốt chế độ kiểm tra, kiểm soát việc thu, chi ở các cơ sở...

Thực hiện Quyết định số 07/CP về chính sách tín dụng mới, Ngân hàng đã chủ động huy động vốn bằng nhiều biện pháp, tăng cường vốn điều hoà, vốn tài trợ để đầu tư cho sản xuất nông

nghiệp, kinh doanh, phát triển kinh tế hộ. Trong 5 năm, đã có 28.536 lượt hộ nghèo được vay vốn ưu đãi.

Đồng bộ với phát triển kinh tế, cơ sở hạ tầng kỹ thuật được huyện quan tâm đầu tư xây dựng, nhất là các hạng mục công trình trọng tâm, trọng điểm. Đầu năm 1996, huyện triển khai dự án xây dựng trụ sở của huyện tại Cầu Gừng (xã Thanh Tuyền). Đến cuối năm 1997, những hạng mục công trình lớn được hoàn thành, huyện tiến hành chuyển trụ sở từ Non (xã Thanh Lưu) về địa điểm mới. Cùng với sự giúp đỡ của các tổ chức quốc tế, huyện còn vận động nhân dân huy động vốn để tập trung xây dựng hệ thống thủy lợi, thủy nông, trạm bơm, trường học cao tầng và mái bằng, các cơ sở y tế ở 20/21 xã... Đầu tư xây dựng, nâng cấp lưới điện sản xuất và sinh hoạt, đặc biệt là lưới điện từ Bồng Lạng đi Thanh Bồng. Đến năm 2000, 99% số hộ có điện thấp sáng. Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ các xã miền núi vùng Tây Đáy thực hiện trong 3 năm (1997-1999) với tổng giá trị đầu tư là 2.528 triệu đồng đã giải quyết được các vấn đề giao thông, điện sinh hoạt và sản xuất, trạm bơm phục vụ tưới, tiêu ở các xã Thanh Hải, Thanh Tân, Thanh Nghị.

Tiếp tục thực hiện đề án 3 năm làm đường giao thông (1995-1997) theo Nghị quyết của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân huyện, các xã thành lập Ban Chỉ đạo làm đường do Bí thư Đảng ủy làm trưởng ban, phân định rõ từng loại đường, phân công phân cấp quản lý thực hiện duy tu bảo dưỡng các công trình. Năm 1996, đã có 16/21 xã, thị trấn tổ chức tốt chiến dịch ra quân làm đường giao thông nông thôn, trong đó Liêm Tiết đã làm được 7,7km mặt đường đá dăm với kinh phí 246 triệu đồng; Thanh Nguyên, Thanh Tân, Kiện Khê đã khép kín được mạng đường trục trong

xã. Phong trào giao thông cấp xã phát triển mạnh, rộng khắp trong toàn huyện, hầu hết các xã đều có những công trình trọng điểm hoặc có đường thôn xóm làm điểm, từ đó nhân rộng ra các công trình thôn xóm khác¹. Năm 1997, 100% số xã có phong trào làm đường với tổng kinh phí 20,328 tỷ đồng, tăng hơn 12 tỷ so với năm 1996, trong đó nhân dân đóng góp 15.648 tỷ đồng. Phong trào "Ba hoá", "Ba đẹp", "Đá hoá đường giao thông" đã đi vào từng đường làng, ngõ xóm, phù hợp với lòng mong đợi của nhân dân.

Những kết quả đạt được trong giao thông, nhất là giao thông nông thôn trong những năm 1995-1998 phản ánh sự nỗ lực cả từ phía cấp uỷ, chính quyền và nhân dân trong huyện. Nhưng so với yêu cầu ngày càng cao về dân sinh, về phát triển kinh tế, giao lưu văn hoá thì thực trạng giao thông của huyện vẫn chưa hoàn chỉnh, còn chắp vá. Đến năm 1999, vẫn còn 264km đường liên thôn, 207km đường ra đồng là đường đất, nhỏ hẹp, chất lượng xấu. Điều đó đặt ra cho Đảng bộ cần hình thành chiến lược cải tạo giao thông dài hạn trên quy mô rộng, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động để nhận được sự đồng thuận và ủng hộ của nhân dân.

Ngày 1-1-1999, Huyện uỷ ra Chỉ thị số 09-CT/HU về tăng cường lãnh đạo, đẩy mạnh làm đường giao thông và phát động phong trào làm đường giao thông nông thôn 3 năm (1999-2002) nhằm xây dựng hệ thống giao thông hoàn chỉnh. Chỉ thị xác định

¹ Động Nhất (Liên Cần) là thôn đầu tiên làm được 800m đường nhựa, với kinh phí đầu tư 67 triệu đồng; thôn Lau (Liên Thuận) huy động 40 triệu đồng, rải cấp phối 1km đường thôn; thôn Đào (Liên Tiết) huy động nhân dân đóng góp 25.000 đồng/người, làm 600m đường bê-tông với kinh phí 30 triệu đồng.

làm đường là yêu cầu bức thiết của đời sống dân sinh, là mạch máu phục vụ sản xuất, lưu thông kinh tế - xã hội. Với phương châm "Nhà nước, địa phương và nhân dân cùng làm", các cấp uỷ đảng, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể đã tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân hưởng ứng. Xác định rõ trách nhiệm của mình đối với quê hương, tham gia làm đường giao thông là làm cho làng xóm, địa phương thêm sạch đẹp, văn minh nên nhân dân trong huyện tích cực tự nguyện đóng góp trí tuệ, tiền vốn và lao động. Quá trình làm đường giao thông được các xã gắn với việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, biểu hiện trong huy động và sử dụng vốn, trong phương án thiết kế, thi công và nghiệm thu. Nhân dân được biết, được bàn, tự nguyện ủng hộ đóng góp và kiểm tra giám sát quá trình thi công, đánh giá chất lượng công trình. Bởi vậy, làm đường giao thông nông thôn thực sự là phong trào quần chúng rộng lớn, qua đó vai trò của Đảng bộ, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể được phát huy và thể hiện rõ; mối quan hệ giữa cán bộ và nhân dân được tăng cường; hạn chế thấp nhất những phức tạp nảy sinh. Đến năm 1999, toàn huyện làm được 82,5km, trong đó rải nhựa được 5km tuyến đường vào Kiện Khê, đường đi Thanh Bình; rải bê-tông đường B2 đi Thanh Nghị với tổng số vốn huy động 5,7 tỷ đồng. Trong năm 2000, được tỉnh hỗ trợ 2.500 tấn xi măng, toàn huyện làm mới 94km với kinh phí huy động là 5.690 triệu đồng. Tính chung trong 5 năm 1996-2000, toàn huyện nâng cấp, cải tạo được 590,474km đường gồm 51,06km đường nhựa, 164,324km đường bê-tông, 375,09km đường cấp phối với tổng số vốn 42,1 tỷ đồng trong đó nhân dân đóng góp 34,4 tỷ đồng... Năm 2000 Thanh Liêm vinh dự được tặng cờ thi đua của Bộ Giao thông

vận tải, năm 2001 được tặng cờ thi đua của Chính phủ về thành tích làm đường giao thông nông thôn. Các xã Liêm Tiết, Thanh Hà, Thanh Bình cũng nhận được cờ thi đua của Bộ Giao thông vận tải.

Những thành công nổi tiếp trong công tác giao thông góp phần thay đổi căn bản diện mạo các thôn xóm, thúc đẩy giao lưu, hội nhập của các thành phần kinh tế, đẩy mạnh khai thác tiềm năng, tạo tiền đề quan trọng cho địa phương phát triển, nâng cao đời sống và đẩy nhanh quá trình đô thị hoá nông thôn Thanh Liêm. Quan trọng hơn, đây còn là thành công kết tinh từ sự đồng thuận "ý Đảng, lòng dân" Thanh Liêm trong sự nghiệp đổi mới quê hương.

Mạng lưới thông tin liên lạc từng bước được hiện đại hoá. Được đầu tư vốn và trang thiết bị chuyên dụng lắp đặt tổng đài, cột bê-tông, dây cáp, trong 5 năm, ngành Bưu điện xây dựng 28 tuyến cáp với chiều dài 212km; lắp đặt 3 tổng đài mới, cán bộ, công nhân viên ngành Bưu điện huyện đã tập trung nghiên cứu và ứng dụng thành công nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật, trong đó có 3 sáng kiến được Bưu điện tỉnh công nhận và khen thưởng. Phong trào lắp đặt điện thoại ở các thôn xóm phát triển mạnh với 947 máy điện thoại, đưa tổng số thuê bao trong toàn huyện lên 1.250 máy, bình quân 0,97 máy/100 người dân. Tại xã Liêm Tiết, 100% số thôn được trang bị máy đàm thoại để phục vụ chi đạo sản xuất. Đầu tư xây dựng được 18 nhà bưu điện văn hoá xã với 135 đầu sách các loại, cơ bản đáp ứng được yêu cầu hiện đại hoá mạng thông tin phục vụ nhân dân và yêu cầu của Kế hoạch tăng tốc giai đoạn 2 (1996-2000).

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khoá VIII) về giáo dục - đào tạo, Đảng bộ đã chỉ đạo tổ chức Đại hội giáo dục toàn huyện. Đại hội nhấn mạnh đến tính cấp bách của công tác xã hội hóa giáo dục. Sau Đại hội, sự nghiệp giáo dục chuyển biến khá toàn diện cả về quy mô trường lớp, sĩ số, chất lượng dạy và học của các cấp học từ mầm non đến trung học phổ thông¹. Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục được tăng cường. Các nhà trường cùng với chính quyền địa phương, trường thôn và gia đình tập hợp, thống kê số học sinh trong độ tuổi đi học theo từng ngành học, cấp học, tạo mọi điều kiện đưa con em tới trường đạt tỷ lệ cao nhất, thực hiện tốt "*Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường*". Hoạt động thăm hỏi, động viên những học sinh có hoàn cảnh khó khăn bỏ học trở lại lớp được các cấp ngành cùng phối hợp thực hiện tốt, tỷ lệ học sinh bỏ học hàng năm giảm nhiều. Việc xây dựng quỹ khuyến học, khuyến tài nhằm giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, biểu dương khen thưởng học sinh đạt thành tích cao trong học tập, trong các kỳ thi học sinh giỏi các cấp được các đoàn thể và dòng họ hưởng ứng. Ở một số xã như: Thanh Nghị, Thanh Tâm... nhiều nhà hảo tâm tham gia đóng góp xây dựng quỹ khuyến học với số tiền hàng triệu đồng. Trong các kỳ thi học sinh giỏi, nhiều học sinh đạt giải quốc gia và tỉnh: riêng trong năm học 1996-1997, có 73

¹ Năm học 1998-1999, ngành học mầm non có 21 trường, huy động được 4.693 cháu ra nhà trẻ (đạt 44,8%), có 234 lớp mẫu giáo với 6.091/7.287 cháu ra lớp (đạt 83,6%), 100% số cháu 5 tuổi ra lớp. bậc tiểu học có 25 trường với 504 lớp, huy động được 17.215 học sinh đến lớp, đạt 99,9%. bậc trung học cơ sở có 23 trường với 280 lớp, huy động 12.765 học sinh, đạt 96,6%. bậc phổ thông trung học, có 47 lớp với 2.735 học sinh.

học sinh đạt giải, tăng 68% so với năm học 1995-1996, trong đó có 3 giải ba quốc gia và 9 giải nhất tỉnh. Những thành tích đó góp phần làm rạng danh mảnh đất Thanh Liêm giàu truyền thống hiếu học. Với phương châm "dân góp, ngân sách xã hỗ trợ, nhà nước giúp đỡ", cơ sở vật chất, quy mô trường lớp ngày càng được tăng cường. Toàn huyện có thêm 13 xã xây dựng được trường học cao tầng¹. Năm 1999, Thanh Liêm được Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở giáo dục công nhận phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở; trường tiểu học Liêm Tiết được công nhận đạt tiêu chuẩn quốc gia.

Được sự quan tâm của lãnh đạo huyện, hệ thống y tế từ huyện đến xã có điều kiện được củng cố, nhiều đơn vị được bổ sung và đổi mới trang thiết bị, kết hợp y học hiện đại với cổ truyền. Tháng 12-1996, ngành chủ động ngăn chặn kịp thời dịch thương hàn ở xã Thanh Nghị, nỗ lực thanh toán hoàn toàn bệnh phong². Hệ thống kinh doanh dược phẩm được tổ chức, sắp xếp lại. Cơ sở vật chất phục vụ khám chữa bệnh được tăng cường. Bệnh viện huyện đã có 120 giường, 3 phòng khám đa khoa khu vực, 21 trạm y tế xã và thị trấn. Đến năm 1998, 12 trạm y tế xã được trang bị phòng mổ, 16 trạm y tế có nhà mái bằng. Toàn huyện có 196 cán bộ y tế, trong đó, tuyến huyện có 105 cán bộ,

¹ Như Trường tiểu học xã Thanh Lưu, Trường trung học cơ sở Thanh Tân, Liêm Túc, Trường tiểu học Liêm Sơn B, trị giá 1,8 tỷ đồng; khởi công xây dựng trường cao tầng ở 4 xã miền núi. Hai Trường phổ thông trung học A và B Thanh Liêm đã có đủ phòng học cho học sinh trong năm học 1998-1999.

² Năm 1976, Thanh Liêm có 50 bệnh nhân mắc bệnh phong, đến năm 1996, 13 bệnh nhân đã khỏi, 35 bệnh nhân tiếp tục được chăm sóc tàn phế. Năm 1996, Bộ Y tế công nhận Thanh Liêm là đơn vị thanh toán xong bệnh phong.

có 3 bác sĩ tuyến xã trong tổng số 31 bác sĩ toàn huyện, 180 thôn có cán bộ y tế. Ngành Y tế huyện chủ động triển khai kịp thời nhiệm vụ, kế hoạch từng năm, đáp ứng được yêu cầu phòng bệnh, chữa bệnh cho nhân dân, tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của ngành Y tế phục vụ thiết thực cho lao động, sản xuất. Đến năm 2000 trung bình mỗi người dân được khám 1,87 lần, công suất sử dụng giường bệnh tăng từ 87,81% (năm 1996) lên 95,3% (năm 2000). Việc thực hiện bảo hiểm y tế được mở rộng, chú trọng công tác dự phòng và phòng chống dịch bệnh. Trong năm 2000, khám và điều trị miễn phí cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi với kinh phí 84 triệu đồng; 100% số cháu trong độ tuổi được uống vitamin A và tiêm vắc-xin phòng 6 bệnh: bạch hầu, ho gà, uốn ván, lao, sởi, bại liệt. Công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình luôn được triển khai thực hiện gắn liền với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Ngành Y tế phối hợp với các đoàn thể, tổ chức xã hội mở nhiều chiến dịch truyền thông, lồng ghép dân số - kế hoạch hoá gia đình và chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Tỷ lệ phát triển dân số giảm từ 1,6% năm 1996 xuống 1,08% năm 1999, có 43% thôn xóm không có người sinh con thứ 3. Đến năm 2000, giảm tỷ lệ sinh 0,21%, tỷ lệ không sinh con thứ 3 giảm 2,1% so với năm 1999.

Trong chiến lược phát triển nhân tố con người, các chính sách xã hội được Đảng bộ hết sức quan tâm. Thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 29-11-1997 của Bộ Chính trị về công tác xoá đói, giảm nghèo, Huyện ủy tiếp tục chỉ đạo các ngành chức năng tăng cường các biện pháp giảm tỷ lệ đói nghèo xuống còn 10% như mục tiêu Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXV đặt ra. Phong trào xoá đói, giảm nghèo trở thành một cuộc vận động lớn có tác

dụng thiết thực ở các cấp, các ngành, các địa phương, đơn vị. Các chương trình, mục tiêu quốc gia về xoá đói, giảm nghèo được triển khai tích cực, đồng bộ. Huyện uỷ, Ban Chi đạo xoá đói, giảm nghèo chủ động nắm bắt và đưa vào thực hiện 13 dự án giải quyết việc làm, tạo điều kiện cho hộ nông dân vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh, mở rộng làng nghề và làm giàu chính đáng¹. Cùng với các nguồn vốn từ ngân hàng người nghèo, từ quỹ quốc gia, từ các dự án quốc tế, dự án trồng rừng 327, 773... Đến năm 2000, Thanh Liêm xoá được 1.562 hộ đói, 2.159 hộ nghèo, giảm tỷ lệ hộ đói xuống còn 10,8%, tỷ lệ hộ giàu tăng 25% so với năm 1996. Đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới: hơn 99% số nhà được ngói hoá, số nhà mái bằng tăng 174% so với nhiệm kỳ trước; 22.570 hộ có máy thu hình, tăng 341% so với 5 năm (1991-1995); trên 600 hộ có phương tiện vận tải ô tô, công nông và tư liệu phục vụ sản xuất. Kết quả trên đánh dấu một thời kỳ ổn định và phát triển đi lên bền vững của huyện.

Phong trào đền ơn đáp nghĩa được triển khai rộng khắp. Trong 5 năm, Ủy ban nhân dân huyện tiếp nhận và xét duyệt 7.221 hồ sơ, điều chỉnh mức trợ cấp, phụ cấp đối với người nghèo có công, chế độ thờ phụng liệt sĩ, chế độ kháng chiến. Đã làm thủ tục và được Nhà nước phong tặng và truy tặng danh hiệu *Bà mẹ Việt Nam anh hùng* cho 64 mẹ; xoá 36 nhà tranh cho các

¹ Dự án vay vốn giải quyết việc làm do Ủy ban nhân dân huyện là chủ dự án với số tiền là 602.525.000 đồng, giải quyết cho 162 hộ vay, thu hút 1.300 lao động có việc làm với mức thu nhập bình quân từ 150.000 đến 180.000 đồng/tháng. Dự án vốn vay giải quyết việc làm của Hội liên hiệp phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên... với tổng kinh phí là 315 triệu đồng.

gia đình chính sách; xây dựng được 14 nhà tình nghĩa; cấp 640 sổ tiết kiệm trị giá 106 triệu đồng cho các gia đình chính sách. Ngoài ra, các cấp, các ngành còn đẩy mạnh việc thực hiện công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em, đặc biệt là trẻ em bị ảnh hưởng chất độc Di-ô-xin... Những việc làm trên đã góp phần xoa dịu nỗi đau của các đối tượng chính sách, đền đáp công lao các anh hùng, liệt sĩ trên quê hương.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Thanh Liêm đã đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, khơi dậy luồng sinh khí mới trong sinh hoạt tinh thần ở thôn xóm, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống và cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm trong công cuộc đổi mới. Trong chỉ đạo thực hiện, hệ thống chính trị từ huyện đến xã đã gắn xây dựng văn hoá với xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở theo tinh thần Chỉ thị số 30-CT/TW, ngày 18-2-1998 của Bộ Chính trị; quan tâm xây dựng đạo đức, lối sống văn hóa, nâng cao dân trí và đời sống tinh thần của nhân dân; gắn phát triển kinh tế với văn hóa, không ngừng đổi mới tư duy phát triển kinh tế; bảo tồn các di tích lịch sử văn hóa. Các hoạt động văn hoá, xã hội phát triển mạnh mẽ, với nhiều hình thức phong phú, lành mạnh, góp phần động viên các tầng lớp nhân dân hăng hái thi đua lao động sản xuất, ổn định tư tưởng, tạo nên khí thế đoàn kết nhất trí, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc. Các hình thức sinh hoạt văn hoá mới như hội thơ, câu lạc bộ thơ v.v.. phát triển rộng. Ban Thường vụ Huyện ủy có hướng dẫn cụ thể chỉ đạo các xã xây dựng quy ước, hương ước làng văn hóa, gia đình văn hóa. Nhờ dân chủ thảo luận, nội dung các quy

ước, hương ước được xây dựng, đảm bảo phù hợp với pháp luật của Nhà nước, được nhân dân đồng tình. Đến năm 2000, toàn huyện có 9.000 hộ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa và 95 làng hoàn thành xây dựng hương ước làng văn hóa, trong đó có 7 làng và cơ quan được công nhận là làng văn hóa và cơ quan văn hóa... Công tác quản lý các hoạt động dịch vụ văn hoá, bảo tồn giữ gìn văn hoá vật thể và phi vật thể được chú trọng, đặc biệt là di sản văn hoá Liễn Đồi. Đến năm 2000, toàn huyện có 10 di tích được Nhà nước công nhận là di tích lịch sử văn hoá¹.

Sau 3 năm triển khai thực hiện Thông tri số 03-TT/TW, ngày 2-4-1998 của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo công tác thể dục thể thao, các cấp uỷ đảng, chính quyền và đông đảo các tầng lớp nhân dân coi đây là một nhiệm vụ có ý nghĩa lâu dài và tích cực hưởng ứng. Ngoài 2 bộ môn cơ bản là bóng chuyền, vật võ đã phát triển từ trước, nhiều môn mới như cầu lông, bóng đá, bóng bàn, bơi chải... đã phát triển rộng khắp ở các cơ sở, cơ quan, trường học, nhất là 2 bộ môn cầu lông và bóng chuyền trở thành phong trào khá sôi nổi. Toàn huyện đã làm được 89 sân cầu lông, 5 sân bóng chuyền, 4 bàn bóng bàn và các trang thiết bị trị giá gần 100 triệu đồng. Câu lạc bộ võ thuật với 20 thành viên được thành lập, duy trì luyện tập thường xuyên. Các câu lạc bộ thể thao ở Liêm Túc, Thanh Nguyên, Thanh Thủy, Kiện Khê hoạt động tích cực, hiệu quả. Đến năm 2000 có thêm 15 câu lạc bộ dưỡng sinh, 4 chi hội cầu lông và câu lạc bộ văn hoá Liễn

¹ Đó là đình Đoan Vĩ (Thanh Hải), chùa Châu, chùa Tháp (thị trấn Kiện Khê), đình Đồng Cầu (Liêm Túc), đền Lăng (hay còn gọi là đền Bảo Thái - Liêm Cần), đình An Hoà (Thanh Hà), đình Chày, chùa Gừa (Liêm Thuận), đình An Xá (Thanh Tuyền), chùa Lác Nội (Thanh Hương).

Đôi. Nhiều xã, cơ quan, trường học đã thành lập các hội thể thao, có nội quy, quy chế hoạt động. Huyện đã tổ chức thành công nhiều giải thể thao ở huyện và tham gia thi đấu ở tỉnh đạt thứ hạng cao...

Trong công tác quân sự địa phương, các lực lượng vũ trang của huyện thực hiện nghiêm túc chế độ trực chỉ huy, trực ban, trực chiến, sẵn sàng chiến đấu; tích cực tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nắm chắc tình hình địa bàn để ngăn ngừa và giải quyết những vụ việc phát sinh. Các kế hoạch phòng thủ, kế hoạch A1 và A2 được bổ sung, hoàn thiện. Cuộc diễn tập phòng chống bão lụt, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn ở xã Thanh Nghị, diễn tập tác chiến trị an tại thị trấn Kiện Khê đạt kết quả tốt. Cuộc diễn tập "HN 99" được tổ chức thành công, góp phần nâng cao cảnh giác, tăng cường giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Chính sách hậu phương quân đội, khen thưởng trong kháng chiến, công tác dân vận, công tác hậu cần nhân dân luôn được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

Trong bối cảnh tình hình an ninh trật tự có những diễn biến phức tạp, 13/21 xã, thị trấn, xảy ra tranh chấp đất đai, có đơn thư yêu cầu giải quyết, có cả những vụ khiếu kiện đông người, các hoạt động tôn giáo diễn ra khá phức tạp. Được sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng, chính quyền tăng cường công tác lãnh đạo, thường xuyên, bám sát cơ sở nắm tình hình các điểm phức tạp, kiên quyết xử lý cán bộ có sai phạm, từng bước ổn định tình hình, củng cố lòng tin trong quần chúng.

Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được phát động rộng khắp. Lực lượng công an từ huyện đến cơ sở đã tham mưu cho chính quyền các cấp phát động quần chúng tấn công,

trấn áp tội phạm. Toàn huyện xây dựng được 32 hòm thư tố giác tội phạm trên các tuyến giao thông và địa bàn trọng điểm, hỗ trợ công tác nắm tình hình, điều tra, xác minh nhiều vụ phạm pháp hình sự, ổ nhóm tệ nạn xã hội. Trên địa bàn huyện không có vụ việc bất thường xảy ra, phạm pháp hình sự giảm 11% so với giai đoạn 1991-1995. Đã giáo dục, cảm hóa được hàng chục đối tượng hình sự, giúp đỡ nhiều đối tượng cai nghiện ma túy trở về với cộng đồng và giúp đỡ nhiều người lầm lỗi nhận ra sai lầm, khuyết điểm để phục thiện.

Gắn bó chặt chẽ với nhiệm vụ trọng tâm lãnh đạo phát triển kinh tế, Đảng bộ Thanh Liêm chú trọng đổi mới công tác xây dựng Đảng gắn liền với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII. Quán triệt tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương ba, khoá VIII (tháng 6-1997) về chiến lược cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, Đảng bộ Thanh Liêm đã sớm xây dựng những quan điểm chỉ đạo, nguyên tắc cơ bản trong chiến lược cán bộ của huyện. Trong đó vừa bám sát những quan điểm chung của Trung ương, vừa xuất phát từ thực tiễn, từ đặc thù công tác cán bộ của huyện thời gian qua, nhất là trong những năm thực hiện đường lối đổi mới. Ngay sau khi tiếp nhận Nghị quyết, Thường vụ Huyện uỷ tổ chức họp bàn, triển khai thực hiện, sau đó tổ chức quán triệt trong toàn Đảng bộ từ huyện đến cơ sở. Để công tác cán bộ trở thành một nội dung lãnh đạo thường xuyên và trọng tâm của các cấp ủy, của các đơn vị, Huyện uỷ chỉ đạo và hướng dẫn các cơ sở lập quy hoạch cán bộ cụ thể cho từng giai đoạn, trước hết là tập trung đến năm 2000.

Tiêu chuẩn cán bộ là một trong những yếu tố quan trọng được Huyện uỷ chú trọng xây dựng nhằm tạo ra được một hệ tiêu chí phù hợp để cải thiện và nâng cao chất lượng đội ngũ. Tạo nguồn cán bộ chủ chốt cơ sở ở khối cơ quan, trường học, lựa chọn những cá nhân có trình độ chuyên môn cao, phẩm chất đạo đức tốt, lập trường tư tưởng vững vàng; khối nông thôn ưu tiên lựa chọn quân nhân phục viên có phẩm chất tốt, đoàn viên thanh niên đã học hết phổ thông trung học, có quá trình tham gia hoạt động, trưởng thành từ các phong trào ở địa phương... Huyện uỷ đặc biệt quan tâm đến quy hoạch đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp cơ sở, thôn xóm, bởi đây là nơi trực tiếp thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, cán bộ không chỉ là người điều hành, chỉ đạo thực hiện và gương mẫu đi đầu trong phong trào mà còn là chiếc cầu nối, tạo sự đồng thuận giữa ý Đảng với lòng dân, để mọi chủ trương, đường lối thực sự đi vào cuộc sống. Tiêu chuẩn của cán bộ chủ chốt cơ sở là phải học hết chương trình phổ thông trung học, có trình độ trung cấp về chính trị hoặc về chuyên môn, có năng lực hoạt động thực tiễn. Để nâng cao hơn năng lực của đội ngũ cán bộ chủ chốt cơ sở cả về trình độ chuyên môn và lý luận chính trị, huyện chủ trương đa dạng hoá và đẩy mạnh các loại hình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp. Với cán bộ trẻ, chú trọng đào tạo theo loại hình chính quy ở các trường đại học, cao đẳng và trung cấp của Trung ương và tỉnh. Với cán bộ đã công tác lâu năm bố trí theo học các khoá đào tạo tại chức bằng các hình thức liên kết giữa huyện với các cơ sở đào tạo.

Đánh giá, phân loại cán bộ được xem là khâu có ý nghĩa cực kỳ quan trọng để bố trí sắp xếp, đào tạo, đề bạt hoặc thuyên chuyển cán bộ theo yêu cầu nhiệm vụ từng đơn vị. Từ tiêu chuẩn

chung về cán bộ được Nghị quyết Trung ương đề ra, căn cứ vào tình hình đội ngũ cán bộ của huyện, Huyện ủy dựa vào những tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, lấy hiệu quả thực tiễn làm thước đo căn bản; tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, lập trường tư tưởng trong đó bao gồm việc chấp hành đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, vận dụng vào thực tiễn, ý thức bảo vệ đường lối, chính sách đó và ý thức học tập, rèn luyện bản thân để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ; tiêu chí về phẩm chất đạo đức, tác phong lối sống của cán bộ, cụ thể là việc thực hiện Quy định 55 về những điều đảng viên không được làm... Dựa trên những tiêu chuẩn cơ bản, cán bộ, đảng viên tự đánh giá, sau đó tập thể xét và phân loại. Bên cạnh đó, còn thực hiện chặt chẽ quy trình lấy phiếu tín nhiệm trong tập thể và trong quần chúng nhằm khai thác tối đa lượng thông tin từ nhiều nguồn, nhiều kênh, tránh sai sót, phiến diện trong kết quả đánh giá, đặc biệt đối với cán bộ thuộc diện bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm¹. Kết quả đánh giá, phân loại cán bộ là căn cứ quan trọng nhất để cấp ủy sắp xếp, bố trí cán bộ hợp lý nhằm bảo đảm hoàn thành tốt nhất các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị. Nhờ cách chỉ đạo khoa học, nghiêm túc và khách quan đó, trong suốt nhiệm kỳ, đội ngũ cán bộ luôn đảm bảo về số lượng và chất lượng, là yếu tố góp phần quyết định thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ chính trị của huyện trong những năm từ 1996-2000.

¹ Trong nhiệm kỳ 1996-2000, Thanh Liêm đã đổi mới 29% cấp ủy viên, giải thể 3 chi bộ cơ sở không còn phù hợp về công tác tổ chức, tách và thành lập mới 9 chi bộ trực thuộc Huyện ủy, sáp nhập 2 chi bộ, chuyển cấp 1 chi bộ thành đảng bộ cơ sở, kiện toàn chi bộ theo mô hình thôn xóm.

Huyện uỷ đẩy mạnh việc sắp xếp lại các chức danh cán bộ phù hợp, mạnh dạn đề bạt những cán bộ trẻ, có năng lực; kiên quyết thay thế, chuyển chuyển những cán bộ không hoàn thành nhiệm vụ, chuyển biến chậm, không thúc đẩy được phong trào của cơ sở, đơn vị.

Về chính sách cán bộ: Các cấp ủy kịp thời biểu dương, động viên, khen thưởng những điển hình tốt, có tác dụng nêu gương trong đơn vị. Huyện tạo cơ chế khuyến khích cán bộ học tập nâng cao trình độ bằng việc trích nguồn ngân sách hàng năm cho những đối tượng cán bộ đang đi học. Cấp uỷ ở mỗi đơn vị động viên những cán bộ đang công tác hỗ trợ, giúp đỡ phần việc của những cán bộ đi học để họ yên tâm học tập, rèn luyện nâng cao trình độ đồng thời tạo ra tình đoàn kết, gắn bó trong từng đơn vị. Nhờ những cố gắng đó, chất lượng đội ngũ cán bộ không ngừng được nâng cao. Năm 1999, chỉ tính riêng số cán bộ của Ủy ban nhân dân huyện trong biên chế có 79/82 cán bộ, đạt 96,3% chỉ tiêu biên chế, trong đó 49,4% có trình độ đại học, tăng 19,8% so với năm 1993, 40,5% có trình độ trung cấp, 7,6% có trình độ cử nhân và cao cấp chính trị, 28% số cán bộ có trình độ trung cấp quản lý nhà nước, tăng 17,5% so với năm 1993.

Thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TU ngày 24-12-1977 của Ban Chấp hành Trung ương về chính sách, chế độ với cán bộ, đảng viên hoạt động lâu năm và Thông tri số 07/TT-TC của Ban Tổ chức Trung ương về hướng dẫn vận dụng tiêu chuẩn và xác nhận những đối tượng được hưởng chính sách chế độ đối với cán bộ hoạt động cách mạng trước ngày 19-8-1945, Huyện uỷ đã chỉ đạo thực hiện tốt chính sách đối với cán bộ lão thành, tiền khởi nghĩa, tổ chức chi trả, cấp phát đúng, đủ, kịp thời theo quy định... Nhân

dịp những ngày lễ lớn, Huyện uỷ tổ chức gặp mặt cán bộ chủ chốt của huyện qua các thời kỳ đã nghỉ hưu trên địa bàn nhằm ôn lại truyền thống hoạt động cách mạng, trao đổi kinh nghiệm giữa các thế hệ về công tác lãnh đạo, chỉ đạo trên từng mảng công việc quan trọng và cấp bách của địa phương. Cấp uỷ, chính quyền huyện và xã quan tâm thăm hỏi lúc đau ốm, khó khăn, khi qua đời được tổ chức nghi lễ phù hợp với phong tục và quy định của địa phương... Những hoạt động đó không chỉ nêu cao đạo lý uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa của Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm đối với thế hệ cán bộ đi trước mà còn có tác dụng giáo dục đối với thế hệ cán bộ kế cận đương nhiệm.

Qua quá trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VIII), vấn đề cốt lõi đặt ra cho Đảng bộ là phải tập trung xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh từ cơ sở, lấy đó làm nền tảng trong đổi mới công tác cán bộ; gắn công tác xây dựng Đảng với đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền các cấp; phát huy vai trò của quần chúng nhân dân đối với công tác xây dựng Đảng. Do đó, đồng bộ với thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, Huyện uỷ chỉ đạo gắn liền với đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII.

Nhận thức được tầm quan trọng của Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII đối với công tác xây dựng Đảng, Ban Thường vụ Huyện uỷ tổ chức Hội nghị nghiên cứu, học tập nội dung Nghị quyết cho cán bộ chủ chốt từ huyện đến cơ sở, tiếp đó, triển khai học tập cho cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ. 71/71 tổ chức cơ sở đảng hoàn thành việc tiếp thu tinh thần Nghị quyết. Do triển khai nghiêm túc ngay từ đầu nên tỉ lệ đảng viên tham gia học tập cao, đạt gần 90%. Đặc biệt, đối với Đảng ủy quân sự,

trong quá trình thực hiện học tập, các đơn vị còn xây dựng được chế độ ngày thứ 5 hàng tuần là ngày học tập của cán bộ, đảng viên về nội dung các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên.

Sau khi học tập, quán triệt Nghị quyết, các Đảng bộ, chi bộ cơ sở lập và hoàn chỉnh báo cáo, hồ sơ kiểm điểm, chương trình hành động báo cáo Ban Thường vụ Huyện uỷ. Sau khi được xét duyệt, các cơ sở thực hiện kiểm điểm nghiêm túc, khách quan. Đảng bộ Liêm Sơn trước khi xây dựng chương trình hành động cụ thể đã tổ chức nhiều cuộc họp cốt cán, cán bộ, đảng viên toàn Đảng bộ, đặc biệt là tổ chức lấy ý kiến của các cán bộ trung, cao cấp, cán bộ chủ chốt xã đã nghỉ hưu nhằm tập trung cao nhất trí tuệ, kinh nghiệm công tác xây dựng Đảng vào chương trình hành động. Sau khi tổng hợp, sàng lọc, kết tinh những ý tưởng hay, chương trình hành động của Liêm Sơn đã được Đảng bộ huyện nhanh chóng chuẩn y, trở thành một trong những điểm sáng về thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

Đến cuối năm 2000, về cơ bản, toàn Đảng bộ hoàn thành phần kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Qua đợt kiểm tra tự phê bình và phê bình, các tổ chức cơ sở đảng được củng cố, chất lượng hoạt động được nâng lên. Năm 2000, có 49 đơn vị đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh, tăng 21,3% so với năm 1995, số tổ chức cơ sở đảng yếu kém giảm 0,7% so với năm 1995. Tổng số đảng viên trong đảng bộ là 5.799 đồng chí, trong đó có 4.228 đảng viên đủ tư cách, tăng 50,9% so với năm 1995. Cùng với chăm lo bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đảng viên về mọi mặt, Đảng bộ đồng thời xử lý nghiêm những đảng viên vi phạm. Phương châm thực hiện là nghiêm túc xử lý đúng người, đúng việc. Qua kiểm tra, đã phát

hiện và nghiêm khắc xử lý 146 trường hợp đảng viên vi phạm trong đó có 42% là cấp uỷ; thi hành mức kỷ luật cao nhất: tước thẻ đảng, đưa ra khỏi hàng ngũ của Đảng 65 trường hợp; 9 trường hợp có biểu hiện vi phạm pháp luật đã chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra. Qua đây mạnh công tác kiểm tra đã tạo điều kiện cho các tổ chức cơ sở đảng nhận rõ đúng, sai, khắc phục yếu kém vươn lên, góp phần giữ vững kỷ cương, nguyên tắc trong tổ chức sinh hoạt Đảng.

Công tác phát triển đảng được các cấp uỷ quan tâm. Trong nhiệm kỳ đã kết nạp được 413 đảng viên mới, tăng 325% so với nhiệm kỳ trước. Số đảng viên mới kết nạp đảm bảo chất lượng, được trẻ hoá, có trình độ văn hoá, khoa học - kỹ thuật, góp phần quan trọng nâng cao trình độ, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ.

Có được kết quả tích cực trong thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), một trong những nguyên nhân cơ bản là Đảng bộ Thanh Liêm quán triệt và thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, đúng với yêu cầu, nội dung Nghị quyết và các hướng dẫn của cấp trên, đảm bảo chất lượng từng khâu trong triển khai Nghị quyết. Đồng thời luôn bám sát tình hình thực tế ở từng loại hình, từng tổ chức cơ sở đảng để thực hiện kiểm điểm hiệu quả, vừa nêu bật được những thành tích, ưu điểm, đồng thời làm rõ khuyết điểm của tập thể, cũng như từng cá nhân một cách nghiêm túc với phương châm đoàn kết, tình đồng chí và trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân. Đặt tinh thần xây dựng lên trên hết, các tập thể và cá nhân đã nghiêm túc tự phê bình và phê bình, phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, phấn đấu tiến bộ, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, góp phần đắc lực trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện

thắng lợi chủ trương, đường lối đổi mới của Đảng trên quê hương Thanh Liêm. Triển khai Nghị quyết Trung ương 6 lần 2 đã góp phần quan trọng tạo ra không khí sinh hoạt trong Đảng bộ cởi mở, dân chủ hơn, chất lượng hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng được nâng lên rõ rệt. Đây là yếu tố quyết định việc thực hiện thành công các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của huyện, tạo điều kiện thuận lợi đẩy nhanh, đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

Thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW ngày 18-12-1998 của Bộ Chính trị (khoá VIII) về việc "Xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở" và Chỉ thị số 03-CT/TU ngày 27-10-1998 của Tỉnh uỷ Hà Nam, Ban Thường vụ Huyện uỷ đã tổ chức Hội nghị quán triệt, triển khai tới cán bộ chủ chốt trong toàn huyện về các Chỉ thị của Bộ Chính trị và các Nghị định 29, 71, 07 của Chính Phủ, từ đó thống nhất tổ chức triển khai thực hiện. Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ được thành lập từ huyện đến cơ sở. Huyện uỷ chọn 3 cơ sở làm điểm gồm các xã Liêm Tiết, Liêm Cần và Công ty Vật liệu xây dựng, từ đó rút kinh nghiệm triển khai trong toàn huyện. Huyện uỷ chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện, các xã, thị trấn, các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, doanh nghiệp tiến hành xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai trực tiếp tới đội ngũ cán bộ chủ chốt, Ban chấp hành các đoàn thể, bí thư chi bộ, trưởng các thôn xóm, đồng thời triển khai tới cán bộ, đảng viên và nhân dân bằng nhiều hình thức như họp chi bộ, họp thôn xóm, sinh hoạt đoàn thể, hội nghị công nhân viên chức và thông qua hệ thống truyền thanh... Cùng với việc triển khai thực hiện, các cấp uỷ đảng và Ban chỉ đạo thường xuyên kiểm tra, tổ chức sơ tổng kết nhằm đánh giá, rút kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ

chức thực hiện tốt hơn. Thông qua việc tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, nhận thức của cán bộ và nhân dân về dân chủ được nâng lên, dân chủ trong Đảng được thực hiện tốt hơn, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy và mở rộng cả trong nhận thức và hành động. Quần chúng nhân dân, công nhân viên chức lao động thẳng thắn tham gia đóng góp ý kiến với cán bộ đảng viên, cấp uỷ đảng và chính quyền các cấp, nhân dân được biết và quyết định nhiều hơn trong việc đóng góp xây dựng và giám sát các công trình phúc lợi phục vụ sinh hoạt, đời sống, sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội. Nhờ vậy, các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ngày càng có hiệu quả cao, mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và nhân dân ngày càng gắn bó mật thiết.

Công tác củng cố và phát triển các tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ Quốc và các tổ chức quần chúng gắn với thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở có tiến bộ vượt bậc. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tiếp tục đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, tập hợp được đông đảo hội viên, đoàn viên tham gia, đóng vai trò nòng cốt trong việc thực hiện các chương trình xã hội: xoá đói, giảm nghèo, đền ơn, đáp nghĩa, phụng dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, giúp nhau làm kinh tế gia đình, xây dựng nếp sống văn hoá ở khu dân cư, các hoạt động từ thiện nhân đạo, các phong trào thi đua yêu nước, giữ gìn trật tự an ninh, chống các tệ nạn xã hội... Mặt trận Tổ quốc đã vận động nhân dân ủng hộ đồng bào miền Trung và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long số tiền là 695.054.000 đồng, hoàn thành nhiều cuộc vận động nhân đạo, từ thiện khác...

Công đoàn huyện duy trì và đẩy mạnh các phong trào thi đua, thực hiện tốt việc chăm lo, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công nhân, viên chức lao động. Phong trào xanh, sạch, đẹp được tất cả các đơn vị thực hiện. Đến năm 2000, có hơn 90% cán bộ, công nhân viên chức đạt tiêu chuẩn thi đua lao động giỏi. Các tổ chức công đoàn trong huyện đã phối hợp với chính quyền chăm lo quyền lợi hợp pháp của người lao động, điển hình là Công ty may Bắc Hà đã đóng bảo hiểm xã hội cho 60% công nhân lao động, 100% người lao động có sổ bảo hiểm y tế, đồng thời thực hiện tốt chế độ ngày công lao động, đảm bảo thời gian nghỉ ngơi đúng luật định. Đại hội công nhân viên chức, Hội nghị dân chủ cơ quan hàng năm đã tạo điều kiện thuận lợi để người lao động và tổ chức công đoàn tham gia xây dựng kế hoạch sản xuất, quản lý nhà nước, quản lý cơ quan, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội của huyện. Các hoạt động nhân đạo của công nhân viên đạt kết quả cao. Công đoàn đã quyên góp ủng hộ đồng bào đồng bằng sông Cửu Long 36 triệu đồng, ủng hộ quỹ tình nghĩa 148 triệu đồng, xây dựng quỹ vì trẻ thơ 40 triệu đồng.

Sau 10 năm thành lập, Hội cựu chiến binh đã được củng cố từ huyện đến cơ sở. Với truyền thống tốt đẹp của bộ đội Cụ Hồ và thấm nhuần lời dạy của Bác về thi đua yêu nước, cán bộ, hội viên cựu chiến binh luôn đoàn kết thống nhất phấn đấu xây dựng tổ chức Hội trong sạch, vững mạnh trên cả 3 mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức, trong đó đặt giáo dục chính trị, tư tưởng lên hàng đầu, xây dựng củng cố đội ngũ cán bộ là trung tâm, xây dựng chi hội, phân hội là then chốt. Số hội viên đã tăng từ 2.834 (năm 1994) lên 4.895 hội viên (năm 1999). Thực hiện phong trào thi đua *"Xây dựng tổ chức hội trong sạch, vững mạnh, hội viên*

cụu chiến binh gương mẫu, gia đình cụu chiến binh tiến bộ" do Trung ương hội phát động, Hội cụu chiến binh huyện đã tích cực hoạt động chính trị, xã hội thể hiện vai trò nòng cốt trong phong trào bảo vệ an ninh, quốc phòng, tăng cường cơ sở chính trị ở địa bàn dân cư. Đến năm 1999, có 90% tổ chức hội trong sạch, vững mạnh, 81% hội viên gương mẫu và 80% gia đình hội viên cụu chiến binh tiến bộ. Nhằm duy trì tốt các hoạt động tình nghĩa và giúp nhau xoá đói, giảm nghèo, các cấp hội luôn làm tốt việc vận động xây dựng quỹ hội. Đến năm 2000, quỹ của hội đạt bình quân 100.000 đồng/hội viên, riêng chi hội thôn Trung Hiếu (xã Thanh Hải) đạt bình quân 300.000 đồng/hội viên, bình quân mỗi năm cho 1.200 lượt hội viên nghèo vay, giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động là người thân của hội viên.

Hội Phụ nữ các cấp đã động viên hội viên mạnh dạn ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào trồng trọt, chăn nuôi, chủ động tìm tòi tạo thêm nhiều nghề mới, phát huy thế mạnh của các làng nghề truyền thống, phát triển tiểu thủ công nghiệp. Toàn huyện thành lập 17 tổ hợp sản xuất mây giang đan, thêu ren, sản xuất vật liệu xây dựng... thu hút 1.450 lao động, hơn 60% gia đình hội viên, tạo việc làm lúc nông nhàn, đem lại thu nhập từ 200.000-300.000 đồng/tháng. Sau 4 năm thực hiện 2 phong trào và 5 chương trình công tác của Hội đã có trên 90% cán bộ, hội viên đăng ký thực hiện. Phong trào *"Giỏi việc nước, đảm việc nhà"* đã phát huy được tài năng, trí tuệ và chất lượng hoạt động của hội viên nữ công nhân, viên chức. Trong 5 năm, Hội đã huy động được 86 triệu đồng, 43.500kg lúa giống, 31.500 con giống các loại và 31 công lao động, giúp đỡ 9.660 chị gặp khó khăn vươn lên trong cuộc sống. Phong trào *"Ngày tiết kiệm vì phụ nữ"*

nghèo" có 17.500 cán bộ, hội viên, nữ công nhân, viên chức, các tổ chức xã hội ủng hộ, giúp cho 2.563 hội viên nghèo vay 406.839.00 đồng.

Đoàn Thanh niên tăng cường kiện toàn, củng cố tổ chức đoàn, đội. Tình trạng chi đoàn trống được khắc phục triệt để, 12 chi đoàn yếu được củng cố đi vào hoạt động khá. Từ năm 1996-2000, đã có hơn 3.000 thanh niên được kết nạp vào Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, hơn 8.000 thiếu nhi kết nạp vào Đội Thiếu niên tiền phong. Hai phong trào lớn của Đoàn là "*Thanh niên lập nghiệp*" và "*Tuổi trẻ giữ nước*" tiếp tục được duy trì và phát triển. Lực lượng đoàn viên thanh niên trong huyện phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, ngày càng có nhiều điển hình tiên tiến trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đã và đang hình thành một lớp lao động trẻ, khỏe, có kiến thức, năng lực và trình độ, phát huy tốt vai trò xung kích, góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Thực hiện Nghị quyết liên tịch số 02 ngày 1-8-1998 giữa Trung ương đoàn và Bộ Công an về "Phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm và tệ nạn xã hội trong thanh thiếu nhi", Huyện đoàn đã xây dựng chương trình hành động bằng nội dung, biện pháp cụ thể: tổ chức thi tìm hiểu tác hại ma tuý và luật phòng chống (có 60.785 bài dự thi); tháng phòng chống ma tuý hàng năm đã thu hút 3.000 đoàn viên, thanh thiếu niên tham gia. Ban Chấp hành Huyện đoàn tham mưu kiện toàn đội thanh niên xung kích ở các xã, thị trấn với 720 đoàn viên, thanh niên, 5 đội thanh niên cờ đỏ trong các trường phổ thông trung học, 46 đội sao đỏ. Hàng năm có từ 40-50 đoàn viên ưu tú được vinh dự kết nạp vào Đảng.

Chặng đường 5 năm (1996-2000), dù sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá chỉ mới bắt đầu nhưng Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm đã khởi động thành công với những bước tiến vững chắc. Nền nông nghiệp được quan tâm phát triển toàn diện, cơ cấu vùng sản xuất, cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng vật nuôi và tỉ suất hàng hoá được chú trọng đồng bộ, kết hợp với chuyển đổi hợp tác xã, chuyển đổi ruộng đất và phát triển giao thông nông thôn đã làm thay đổi một cách cơ bản, rõ rệt diện mạo nền nông nghiệp, nông thôn Thanh Liêm. Lộ trình phát triển kinh tế nông nghiệp cơ bản định hình rõ nét, cùng với đó là sự khởi sắc trong lĩnh vực kinh tế công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, hàng năm đóng góp lớn vào GDP của huyện - kết quả của việc chuyển dịch cơ cấu ngành đúng hướng như tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXV đề ra. Cùng với những chương trình phát triển kinh tế, công tác đổi mới hệ thống chính trị có những dấu ấn đậm nét với việc triển khai thành công Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Nghị quyết Trung ương 3 khoá VIII. Các mặt văn hoá, y tế, giáo dục, an ninh quốc phòng đều có sự phát triển vượt bậc gắn với việc thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở. Đó là nguồn động lực to lớn để Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm bước tiếp trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá quê hương.

2. Vững bước trên con đường đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá (2001-2005)

Sau 5 năm tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đạt được nhiều thành tựu to lớn, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, nền độc lập dân tộc và chế độ xã hội chủ nghĩa được củng cố vững chắc, vị thế quốc gia ngày càng nâng cao trên trường quốc tế. Tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, đẩy mạnh

công nghiệp hoá, hiện đại hoá là nội dung căn bản của sự nghiệp đổi mới của nước ta trong những thập niên đầu của thế kỷ XXI. Từ ngày 19-4-2001 đến ngày 22-4-2001, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã xác định đường lối phát triển kinh tế trong những năm tiếp theo là: phát triển kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá- hiện đại hoá là nhiệm vụ trung tâm; phát triển kinh tế nhiều thành phần là chính sách nhất quán; tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường, đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước; giải quyết tốt các vấn đề xã hội.

Thực hiện Chỉ thị số 54-CT/TW ngày 22-5-2000 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 21-KH/TU ngày 20-6-2000 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Hà Nam về tiến hành đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, ngày 16-10-2000, Đảng bộ huyện Thanh Liêm tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ XXVI, nhiệm kỳ 2000-2005. Đại hội đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXV, khẳng định những thành tích đạt được trong chặng đường đầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá là rất quan trọng, góp phần làm thay đổi diện mạo quê hương, là tiền đề thuận lợi cho bước phát triển tiếp theo. Đại hội cũng thẳng thắn chỉ ra những khuyết điểm, hạn chế trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ trong 5 năm qua: Công tác lãnh đạo phát triển kinh tế còn thiếu nhạy bén, chưa chuyển hướng kịp với sự biến động của kinh tế thị trường, do đó kinh tế tăng trưởng chưa cao, tỷ suất hàng hoá và tích lũy từ nội bộ nền kinh tế còn thấp; trong nông nghiệp, tình trạng độc canh cây lúa vẫn chưa hoàn toàn được xoá bỏ, cơ sở vật chất - kỹ thuật chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn; các phong trào của huyện còn

trầm lắng, chưa phát huy cao độ tinh thần cách mạng, nhiệt huyết của quần chúng, nhất là trong các phong trào sản xuất. Công tác xây dựng Đảng, tổ chức bộ máy cán bộ còn bộc lộ những yếu kém, chưa đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đổi mới.

Từ đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội nhiệm kỳ XXV và xuất phát từ những yêu cầu mới, Đại hội thông qua phương hướng chung là: *"Tích cực phát huy nội lực, khắc phục khó khăn, tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Tích cực đổi mới cơ cấu ngành và cơ cấu lao động. Tập trung phát triển nông nghiệp toàn diện, giữ vững an ninh lương thực, đáp ứng đời sống nhân dân. Phát triển ngành nghề công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp dịch vụ và xuất khẩu với tốc độ tăng trưởng nhanh. Tăng cường các hoạt động kinh tế dịch vụ, thương mại. Thực hiện tiết kiệm, tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng. Nâng cao chất lượng công tác văn hoá, xã hội, y tế, giáo dục. Coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên và tổ chức Đảng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Xây dựng Đảng bộ huyện trong sạch vững mạnh. Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội"¹.*

Các mục tiêu kinh tế cụ thể đến năm 2005 được Đại hội đề ra là: Phần đầu tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 85.000 tấn, bình quân 582kg/người/năm. Giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích đạt 25 - 27 triệu đồng/ha/năm, đến năm 2005 đạt 29 triệu

¹ Huyện ủy Thanh Liêm: *Báo cáo của Ban chấp hành Đảng bộ Huyện Thanh Liêm lần thứ XXVI*, tr.15.

đồng/ha; sản lượng thịt hơi xuất chuồng hàng năm đạt 4.500 tấn. Giá trị công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 70 tỷ đồng/năm. Doanh số xuất khẩu đạt 4,5 tỷ đồng. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch với tỷ trọng: nông nghiệp 46%, công nghiệp - xây dựng 28%, dịch vụ thương mại 26%. Phần đầu thu nhập bình quân đạt 3,0 - 3,5 triệu đồng/người/năm, đến năm 2005 đạt 3,5 - 4,0 triệu đồng/người. Duy trì sự ổn định dân số tự nhiên 1,02%. Giảm tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2005 còn dưới 5%. Mở rộng ngành nghề và tạo việc làm tại chỗ, phần đầu 5 năm tới tạo việc làm cho 7.000 - 9.000 lao động. Về công tác xây dựng Đảng, phần đầu 75 - 80% tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh, không còn cơ sở yếu kém.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Huyện uỷ khoá XXVI (nhiệm kỳ 2000-2005) gồm 31 uỷ viên. Đồng chí Nguyễn Mạnh Hùng được bầu giữ chức vụ Bí thư Huyện uỷ, các đồng chí Hoàng Nam và Vũ Thị Tuyết được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư¹.

Phương hướng và những mục tiêu phần đầu cụ thể mà Đại hội Đảng bộ huyện Thanh Liêm lần thứ XXVI (nhiệm kỳ 2000-2005) đề ra thể hiện sự nhất quán về tư tưởng, hành động trên con đường đưa sự nghiệp đổi mới và công cuộc kiến thiết quê

¹ Tháng 12-2000, đồng chí Nguyễn Mạnh Hùng - Bí thư Huyện uỷ được điều động về Tỉnh bổ sung Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Trưởng Ban dân vận Tỉnh uỷ; đồng chí Nguyễn Đức Bình - Phó Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ được điều động về giữ chức vụ Bí thư Huyện uỷ. Năm 2003, đồng chí Vũ Thị Tuyết - Phó Bí thư Huyện uỷ, Chủ tịch UBND huyện nghỉ hưu; đồng chí Hoàng Nam kiêm Chủ tịch UBND; đồng chí Trịnh Văn Thực - Phó Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo được điều động về giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện uỷ. Đến tháng 8-2005, đồng chí Nguyễn Đức Bình được điều động lên tỉnh giữ chức vụ Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, đồng chí Trịnh Văn Thực được điều động lên tỉnh giữ chức vụ Phó ban Tổ chức Tỉnh uỷ, đồng chí Hoàng Nam được bầu giữ chức vụ Bí thư Huyện uỷ.

hương Thanh Liêm đi lên mạnh mẽ. Tuy nhiên, thực trạng kinh tế - xã hội ở nông thôn đang đặt ra những khó khăn, thách thức không nhỏ cho công tác lãnh đạo của Đảng bộ: điểm xuất phát về kinh tế còn thấp, nông nghiệp cơ bản vẫn là thuần nông, tiểu thủ công nghiệp chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao, thị trường giao lưu chưa mở rộng, nguồn thu ngân sách hạn hẹp... Về nhận thức, vẫn còn tư tưởng bảo thủ trì trệ, việc quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước chưa sâu rộng, tổ chức thực hiện chưa triệt để và đồng bộ nên hiệu quả kinh tế - xã hội chưa tương xứng với vị thế, tiềm năng của huyện. Vì vậy, phải tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới, trọng tâm là xây dựng nông thôn mới, nhưng với mô hình như thế nào? bắt đầu từ đâu, bước đi ra sao, giải pháp và tổ chức thực hiện như thế nào để phát triển nhanh, đồng bộ và ổn định?... là hàng loạt những câu hỏi lớn, những vấn đề cấp bách, đòi hỏi Đảng bộ phải nắm vững lý luận, những quan điểm, chủ trương của Trung ương, của Tỉnh uỷ, bám sát sự vận động của thực tiễn, nhạy bén với cái mới để tìm ra hướng đi, giải pháp thích hợp huy động mọi nguồn lực, khai thác tốt tiềm năng của huyện, phát triển kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, xây dựng nông thôn mới theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Bước vào triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Đảng bộ tiếp tục coi trọng phát triển kinh tế nông nghiệp, trong đó vấn đề hàng đầu cần tập trung giải quyết là ruộng đất. Theo tinh thần Chỉ thị số 15, ngày 4-5-2000 của Tỉnh uỷ Hà Nam "*Về chuyển đổi ruộng đất nông nghiệp, khắc phục tình trạng manh mún phân tán ruộng đất*", huyện đã bước đầu triển khai thực hiện song hiệu quả chưa thực sự rõ nét. Trong nhiệm kỳ XXVI, huyện xác định

đây là nhiệm vụ trọng tâm phải tập trung hoàn thành, nhằm hướng tới mục tiêu phát triển nền nông nghiệp quy mô lớn, các sản phẩm nông nghiệp mang tính hàng hoá cao.

Trong quá trình chỉ đạo thực hiện, công tác tuyên truyền được đặc biệt chú trọng, nhằm nêu cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ và nhân dân, chấp hành nghiêm túc Chỉ thị. Huyện uỷ thường xuyên kiểm tra uốn nắn, quan tâm chỉ đạo sát sao từng cơ sở, giải quyết kịp thời những vướng mắc nảy sinh, tạo sự thống nhất cao về tư tưởng và hành động. Cùng với sự chỉ đạo chung, rút kinh nghiệm từ các xã thí điểm, Ban chỉ đạo chuyển đổi huyện tập trung chỉ đạo sâu sát về chuyên môn, khảo sát thực tế giúp chính quyền cấp xã xây dựng kế hoạch cụ thể, hướng dẫn quy trình, mở lớp tập huấn cán bộ, thực hiện từng bước vững chắc. Vì vậy, công tác chuyển đổi ruộng đất chuyển biến rất tích cực. Sau 3 năm thực hiện, đến tháng 4-2003, toàn huyện đã hoàn thành bước 2 ở 20 xã, thị trấn, 193 thôn, đội. Đến tháng 6, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ nông dân ở đơn vị cuối cùng. Sau khi chuyển đổi, ruộng đất nông nghiệp đã giảm trung bình từ 8,43 thửa/hộ xuống còn 4,76 thửa/hộ. Mặc dù, trong quá trình thực hiện gặp không ít khó khăn nhưng nhiều xã đã hoàn thành tốt nhiệm vụ như xã Liêm Túc, tổng số thửa trước khi chuyển đổi là 18.923 thửa (trung bình mỗi hộ dân có đến 14 thửa) nhưng với quyết tâm cao, bằng nhiều biện pháp tích cực, sau khi chuyển đổi tổng số thửa là 6.228 thửa (trung bình mỗi hộ dân chỉ còn 4,5 thửa). Liêm Phong, Thanh Hương, Liêm Thuận là những xã đi đầu trong phong trào "dồn điền đổi thửa" của huyện.

Qua thực hiện Chỉ thị số 15 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ "*Về chuyển đổi ruộng đất trong nông nghiệp, khắc phục tình trạng*

manh mún, phân tán ruộng đất", Đảng bộ Thanh Liêm đã rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu. *Thứ nhất là ở đâu, làm gì, dù khó khăn đến mấy, vai trò lãnh đạo của cấp uỷ Đảng là yếu tố đặc biệt quan trọng; công tác xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện của chính quyền là khâu then chốt; phát huy vai trò làm chủ, nêu cao tinh thần trách nhiệm của nhân dân có ý nghĩa quyết định mọi thắng lợi. Thứ hai là trong công tác lãnh đạo tránh tình trạng chủ quan duy ý chí, liên tục tìm tòi các biện pháp mới, phù hợp, bổ khuyết để phong trào đi lên. Đây là kinh nghiệm được Đảng bộ vận dụng qua nhiều phong trào, cuộc vận động lớn như phong trào hợp tác hoá, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, giống cây, con và mô hình hợp tác xã. Công tác đồn điền đổi thửa là nhiệm vụ phức tạp và chưa có tiền lệ, liên quan trực tiếp đến lợi ích kinh tế từng hộ gia đình, từng cá nhân. Trong bước đi ban đầu, công tác lãnh đạo bộc lộ những lúng túng, các mô hình điểm chưa đạt hiệu quả như mong muốn. Những biểu hiện đó lập tức được Đảng bộ tổng kết, họp bàn tìm nguyên nhân và hướng khắc phục. Vấn đề căn bản được rút ra là công tác tư tưởng. Khi nhân dân chưa nhận thức được đầy đủ tác dụng của chuyển đổi, chưa tự giác thực hiện, ý Đảng và lòng dân chưa đồng thuận thì phong trào còn nhiều hạn chế là tất yếu.*

Bước vào triển khai trên diện rộng, công tác tuyên truyền được Đảng bộ đặt lên hàng đầu, huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc, tổ chức hiệu quả các buổi học tập. Hệ thống phát thanh, truyền hình, báo chí kết hợp tuyên truyền, nêu gương những điển hình tốt. Các Ban chỉ đạo thường xuyên gặp gỡ, giải đáp những khúc mắc của nhân dân, huyện tổ chức tập huấn, bổ sung kinh nghiệm chỉ đạo thực hiện cho đội ngũ cán bộ, đảng

viên. Những nỗ lực đó đã làm thay đổi hẳn chất lượng của phong trào ở giai đoạn sau, để đến giữa năm 2003, toàn huyện hoàn thành nhiệm vụ, là một trong những huyện thực hiện chương trình chuyển đổi ruộng đất nông nghiệp đạt hiệu quả cao của tỉnh Hà Nam. Kết quả lớn nhất và lâu dài nhất của chương trình "*dồn điền đổi thửa*" là cơ bản đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn; đảm bảo được lợi ích của người lao động, sản xuất thuận lợi, hiệu quả kinh tế cao, giảm sức lao động và chi phí sản xuất. Việc quản lý đất đai chặt chẽ và hiệu quả hơn, góp phần tích cực thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, mùa vụ, cơ cấu ngành nghề trong nông nghiệp.

Theo sát chương trình "dồn điền đổi thửa", năm 2001, Đảng bộ tiếp tục triển khai *Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp và phát triển ngành nghề, dịch vụ ở nông thôn* theo tinh thần Nghị quyết số 03, ngày 21-05-2001 của Tỉnh uỷ Hà Nam. Với mục tiêu phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, Đảng bộ coi đây là một trong những nội dung hàng đầu để phát triển kinh tế, là bước đột phá quan trọng trong thay đổi cơ cấu ngành. Nội dung chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tiếp tục được đặt ở vị trí trung tâm nhằm tăng nhanh về giá trị, nhưng giảm tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu ngành, đồng thời tăng hiệu quả kinh tế với từng ngành, cả chăn nuôi và trồng trọt.

Đầu tháng 6-2001, từ kinh nghiệm thực hiện chuyển đổi ruộng đất, công tác tuyên truyền được chú trọng và luôn đi trước một bước. Huyện uỷ quán triệt nghiêm túc nội dung Nghị quyết, triển khai học tập trong toàn Đảng bộ nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên. Các cơ quan thông tin, hệ thống đài truyền thanh từ huyện đến cơ sở đưa tin kịp thời, tuyên truyền sâu rộng

để nhân dân nắm bắt tinh thần nghị quyết; Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Mặt trận Tổ quốc huyện tổ chức các chương trình sinh hoạt văn hoá, văn nghệ quần chúng nhằm vận động, thuyết phục nhân dân tham gia. Bước vào triển khai thực hiện, Thường trực Huyện uỷ phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ trực tiếp phụ trách cụm, hướng dẫn các xã xây dựng đề án chuyển dịch trong đó chú trọng ba nội dung chính: chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp; phát triển ngành nghề; phát triển dịch vụ và thương mại. Uỷ ban nhân dân huyện thành lập Ban chỉ đạo gồm 10 thành viên do đồng chí Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện làm Trưởng ban, trực tiếp chỉ đạo Chương trình.

Nét nổi bật trong chỉ đạo thực hiện Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là Đảng bộ chú trọng và đặt lên hàng đầu vấn đề ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chọn giống có năng suất, chất lượng cao, có đặc tính sinh trưởng phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện. Huyện uỷ chỉ đạo mở các lớp tập huấn tiến bộ khoa học - kỹ thuật cho nông dân, vận dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của từng vùng, từng đồng đất nhằm xây dựng những mô hình chuyển dịch đạt kết quả cao. Năm 2001, tổ chức 84 lớp tập huấn với 7.740 học viên, năm 2002 tổ chức được 166 lớp với 12.200 học viên về các mô hình chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Tổ chức tham quan, học tập các hộ nông dân sản xuất giỏi, các chủ trang trại điển hình để rút kinh nghiệm chỉ đạo và nhân ra diện rộng. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, ngân hàng Chính sách xã hội tích cực hỗ trợ nông dân và các hợp tác xã bằng hình thức cho vay vốn dài hạn với lãi suất thấp để phát triển sản xuất. Phòng Nông nghiệp và phát triển

nông thôn huyện phối hợp với Hội Nông dân huyện hướng dẫn, động viên nông dân phát huy vai trò làm chủ, tích cực lao động sản xuất, tiếp thu và áp dụng khoa học - kỹ thuật vào từng thửa ruộng, mảnh vườn, ô chuồng, lô ao của mình bảo đảm đạt hiệu quả kinh tế cao nhất.

Về cơ cấu mùa vụ: Huyện uỷ chỉ đạo chuyển dịch theo phương châm: ngoài cấy lúa chính vụ phải tập trung quỹ đất để trồng các loại cây vụ đông sớm như ngô, đậu tương, khoai lang, bí xanh... Để mở rộng quỹ đất, tăng nhanh vòng quay các loại cây trồng, các xã giảm tối đa diện tích cấy lúa xuân chính vụ, tăng diện tích cấy lúa xuân muộn và lúa mùa sớm để có thêm thời gian tiến hành vụ đông.

Như vậy, cả ba vụ đều được xác định có tầm quan trọng, kể cả vụ đông trước đây chỉ nhằm giải quyết lương thực trong kỳ giáp hạt thì nay được coi là vụ chính, với những sản phẩm mang tính hàng hoá cao như đậu, khoai, lạc... Tuy nhiên, để thực hiện hiệu quả cả ba vụ trong năm, không đơn giản chỉ là thực hiện "mùa sớm, xuân muộn" mà quan trọng là phải chọn ra được giống phù hợp với sự thay đổi của chất đất, của khí hậu khi thời vụ có sự điều chỉnh. Qua thực tế sản xuất, bộ giống chủ yếu được lựa chọn trên đồng đất Thanh Liêm là lúa lai và các giống lúa thuần như DV18, Khang dân 18. Những giống lúa này đã được thử nghiệm qua một số vụ canh tác, bước đầu chứng tỏ được những đặc tính nổi trội về năng suất, khả năng chống chịu sâu bệnh, chịu úng ngập...

Để giúp nông dân đảm bảo đủ giống, chủ động sản xuất, hạ giá thành đầu vào, yên tâm tập trung đầu tư thâm canh, Huyện uỷ, Ủy ban nhân dân chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tổ chức tự

sản xuất giống lúa lai F1. Không chỉ sản xuất giống phục vụ nhu cầu sản xuất trong huyện mà Huyện uỷ còn sớm định hướng việc sản xuất lúa lai F1 trở thành một hoạt động dịch vụ, lúa lai sẽ phải trở thành hàng hoá cung cấp cho thị trường. Đảng bộ có chính sách hỗ trợ và tổ chức đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ khoa học - kỹ thuật, trình độ quản lý sản xuất cho các xã, hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu sản xuất lúa lai F1. Trên cơ sở một số mô hình điểm sản xuất giống lúa lai F1 trong năm 2000 ở các hợp tác xã Bắc Tân, Nam Sơn, Thanh Lưu đạt kết quả tốt (trong vụ đông xuân, với 19 ha lúa lai cho sản lượng 40 tấn, trong vụ mùa với 2 ha cho sản lượng 3,6 tấn), bước sang năm 2001, huyện mở rộng thêm một số điểm sản xuất mới ở Liêm Tiết, Thanh Tâm, với 58 ha canh tác đã cung cấp 125 tấn giống. Đặc biệt, Liêm Tiết là xã mới thực hiện sản xuất lúa lai qua hai vụ, đã thu được kết quả khả quan, vinh dự được chọn là điểm đến tham quan của Bộ trưởng các nước ASEAN. Năm 2002, toàn huyện có 8 hợp tác xã sản xuất lúa lai F1¹, cung cấp 160 tấn lúa giống. Từ đây, phong trào sản xuất giống lúa lai F1 của Thanh Liêm phát triển ổn định, không những chủ động nguồn giống cho huyện mà còn dành được một phần cung cấp cho các huyện và tỉnh lân cận, đem lại lợi ích kinh tế cho người nông dân. Vụ đông xuân 2003-2004, Thanh Liêm tiến hành trình diễn mô hình các giống CV1, MT508-1, Japonica, Bắc thơm số 7... với quy mô trên 500 ha, cả năm 2004 là 800 ha. Thanh Liêm trở thành huyện dẫn đầu tỉnh Hà Nam về phong trào sản xuất lúa lai và góp phần quan trọng đưa Hà Nam trở thành tỉnh đứng thứ

¹ Liêm Sơn, Liêm Tiết, Thanh Lưu, Thanh Tâm, Thanh Bình, Thanh Tân, Thanh Phong, Đống Cầu.

hai toàn quốc về sản xuất giống lúa F1. Ngoài ra, huyện còn chú trọng nhân các giống thuần DV108, Khang Dân 18...; thử nghiệm một số giống cho chất lượng gạo ngon phục vụ nhu cầu người dân và xuất khẩu như CV1, MT508-1, Japonica, Bắc thơm số 7... Việc đưa giống lúa lai F1 vào canh tác trên diện tích rộng và chủ động được nguồn lúa giống là một trong những yếu tố quan trọng thúc đẩy việc tăng nhanh năng suất và sản lượng. Tổng sản lượng thóc năm 2001 đạt 75.307 tấn, giá trị sản lượng đạt 135,6 tỷ đồng; năm 2003 đạt xấp xỉ 79.458 tấn, giá trị sản lượng đạt 143,1 tỷ đồng.

Đồng thời với việc lựa chọn và nhân rộng bộ giống mới, chủ đạo là giống lúa lai F1 sử dụng đại trà trong hai vụ sản xuất chính, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện tập trung chỉ đạo đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, đưa vụ đông trở thành vụ sản xuất hàng hoá. Mặc dù là vụ sản xuất ngắn ngày nhưng vụ đông đã tạo ra nhiều sản phẩm lương thực, thực phẩm, rau quả các loại phục vụ đời sống nhân dân, hậu thuẫn đắc lực cho ngành chăn nuôi, công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Huyện uỷ chỉ đạo các xã rà soát quy hoạch, kế hoạch sản xuất và áp dụng một số công thức luân canh, tăng vụ phù hợp với điều kiện canh tác, tập quán của địa phương nhằm tạo ra bước đột phá mới. Trong thời gian ngắn, Ủy ban nhân dân huyện nhanh chóng tiến hành quy hoạch phân vùng theo nguyên tắc cùng giống, liền vùng, gọn thửa để chủ động tưới tiêu, chăm sóc và bảo vệ cây trồng. Để tạo sức thuyết phục cao, huyện đã tiến hành xây dựng các mô hình, điểm trình diễn và có chế độ, chính sách hỗ trợ khuyến khích người lao động trồng cây vụ đông. Năm 2001, đã hỗ trợ 43.350.000 đồng cho mô hình trồng ngô và dưa chuột xuất khẩu; năm 2002, hỗ trợ 66.251.200 đồng cho mô hình trồng ngô, đậu tương, khoai tây, khoai lang

giống mới. Một số xã điển hình trong thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân trồng cây vụ đông là: Liêm Tiết, Liêm Tuyền, Thanh Nguyên... Năm 2002, xã Thanh Nguyên đã mạnh dạn đưa các giống cây trồng mới như giống khoai lang KB1, KB2, KL5, các giống khoai tây Đức, Hà Lan ngắn ngày, cho năng suất cao vào sản xuất. Từ mô hình Thanh Nguyên, huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền và dần nhân rộng sang các xã khác. Tiếp đó, trong vụ đông năm 2003, huyện tiếp tục thử nghiệm mô hình trồng cây đậu tương bên gốc rạ. Qua thử nghiệm cho thấy, cây đậu tương không khó trồng, chi phí sản xuất thấp, cho thu nhập cao bởi trên thị trường, nhu cầu đậu tương luôn "nóng", đồng thời lại có tác dụng cải tạo đất nên trong các vụ đông mô hình nhanh chóng phát triển trên diện rộng. Tuy nhiên, để diện tích và sản lượng cây đậu tương phát triển tương xứng với tiềm năng đất đai, lao động và lợi ích kinh tế, Đảng bộ tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, thay đổi thói quen canh tác của nông dân, tìm ra hướng đi thuận lợi nhất cho cây đậu tương trong những vụ đông tiếp theo.

Với mục tiêu đưa chăn nuôi thực sự trở thành ngành sản xuất chính, ngoài việc tiếp tục nhân rộng mô hình chăn nuôi lợn hướng nạc xuất khẩu, chăn nuôi bò lai Sin, bò sữa, dê, gà, vịt, ngan siêu trứng... Huyện ủy chủ trương đẩy mạnh nghề nuôi trồng thủy sản vốn là thế mạnh của vùng chiêm trũng, thực hiện và nhân rộng các mô hình sản xuất, chuyển thể độc canh sang đa canh lúa - cá, nuôi tôm càng xanh, nuôi cá chim trắng, cá rô phi đơn tính xuất khẩu. Năm 2001, thực hiện thí điểm ở 4 xã Thanh Lưu, Thanh Hương, Thanh Nghị, Liêm Thuận, sau một năm, chuyển dịch được 63 ha đất trũng sang sản xuất đa canh lúa - cá. Với mô hình sản xuất mới, nhiều hộ gia đình từ nghèo đã vươn

lên thành hộ khá¹. Từ những thành công bước đầu của mô hình sản xuất đa canh ở 4 xã thí điểm, bước sang năm 2002, tiếp tục mở rộng chuyển đổi 251 ha ở các xã Thanh Hà, Thanh Phong, Thanh Nguyên, thị trấn Kiện Khê, Thanh Thủy, Thanh Hương, Thanh Tâm, Thanh Tân. Mô hình mới ngày càng mở rộng, hiệu quả: năm 2003, diện tích chuyển đổi ruộng trồng sang sản xuất đa canh là 314,2 ha, năm 2004 đạt 500,8 ha.

Sự đi lên của các ngành chăn nuôi truyền thống như lợn, trâu bò, dê, thủy sản... tạo ra khối lượng sản phẩm lớn, ổn định, bảo đảm chất lượng, tham gia tích cực vào thị trường hàng hoá. Năm 2005, tổng đàn lợn của Thanh Liêm có 51.894 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 5.050 tấn, đàn trâu có 1.022 con, đàn bò có 9.555 con, đàn dê có 6.900 con, gia cầm 405.034 con, thủy sản năm 2004 đạt 1.199,84 tấn, đặc biệt mô hình chăn nuôi bò sữa cho sản lượng trung bình đạt 130 tấn/năm. Hướng phát triển ngành chăn nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện đã khai thác tối đa tiềm năng sẵn có, huy động mọi nguồn lực, tạo ra nhiều công ăn việc làm, thu hút nhiều lao động nhân rỗi, tăng thu nhập và cải thiện đời sống gia đình. Từ các mô hình kinh tế này, nhiều hộ thoát nghèo, một số giàu lên góp phần làm cho bộ mặt nông thôn Thanh Liêm ngày càng thay da đổi thịt.

Nhằm thực hiện tốt hơn nữa Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, bước sang năm 2004, kết hợp với mô hình đa canh lúa - cá, Đảng bộ phát động phong trào thi đua "*Xây dựng cánh đồng, hộ nông dân đạt 50 triệu đồng/ha/năm*" và đặt

¹ Tiêu biểu như hộ ông Nguyễn (xã Thanh Nghị), ông Bầy (xã Thanh Lư). Theo Báo cáo Đại hội nhiệm kỳ 2003-2008 của Ban chấp hành Hội Nông dân huyện Thanh Liêm.

mục tiêu phấn đấu đến năm 2005, 100% xã, thị trấn xây dựng thành công mô hình này. Qua bước đầu thực hiện đã thu được kết quả tích cực, năm 2004 xây dựng 22 trang trại với diện tích 20 ha; năm 2005, toàn huyện có 43 mô hình gồm 466 ha với 442 hộ nông dân đạt trên 50 triệu đồng/ha/năm.

Đối với các xã miền núi, Đảng bộ tiếp tục chủ trương khuyến khích nhân dân đẩy mạnh trồng rừng, tiếp tục phát động phong trào trồng cây nhân dân nhằm phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, bảo vệ môi sinh, môi trường. Sau khi tiến hành giao đất, giao rừng cho hộ nông dân, ý thức chăm sóc, bảo vệ rừng của người dân đã được nâng cao, đồng thời các hộ đã chủ động hơn trong đầu tư, khai thác khu đất được giao. Nhiều mô hình trồng trọt, chăn nuôi theo hướng kinh tế trang trại vườn đồi kết hợp được thử nghiệm và mở rộng. Các mô hình mới như trồng tre Bát Độ theo phương pháp chiết cành, trồng cây cao sản (keo, bạch đàn, phi lao), trồng cây ăn quả vườn rừng kết hợp (keo, bạch đàn, dứa lai); trồng cây có giá trị kinh tế cao (hồng không hạt, trám, chè đắng)...¹. mở ra hướng đi mới nhằm khai thác tốt vùng đồi núi vốn nhiều khó khăn trước đây.

Để phục vụ Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhất là chuyển dịch kinh tế nông nghiệp, công tác xây dựng cơ bản tập trung vào việc nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng. Huyện uỷ, Uỷ ban nhân dân huyện kết hợp với Mặt trận Tổ quốc, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh... vận động nhân dân

¹ Năm 2002, xã Thanh Hương trồng 10.000 cây trên diện tích 4 ha; Hợp tác xã Thanh Sơn (Thanh Nghị) trồng 15 ha keo, bạch đàn, dứa lai. Năm 2003, xã Thanh Nghị đã bán được 5.500 cây tre giống cho các hộ trong và ngoài tỉnh; Hợp tác xã Thanh Sơn (Thanh Nghị) trồng được 7ha cây chè đắng và trám.

tích cực tham gia đóng góp tiền của, công sức cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các công trình điện, đường, trường, trạm, hệ thống thủy nông, thủy lợi theo hướng đồng bộ, kiên cố hoá, hiện đại hoá, phục vụ tốt hơn nhu cầu sản xuất và đời sống. Việc huy động sức dân được thực hiện dân chủ, công khai, hiệu quả, quản lý chặt chẽ, phát huy quyền làm chủ của người dân. Trong công tác thủy lợi, ngoài việc thường xuyên cải tạo, nạo vét, đào đắp kênh mương, đã xây dựng mới 6 trạm bơm, nổi bật là trạm bơm đầu mối và kênh tiêu chính Võ Giang. Phong trào bê tông hoá, nhựa hoá đường giao thông nông thôn diễn ra sôi nổi ở khắp các xã. Với phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", phong trào vừa thúc đẩy phát triển kinh tế, làm thay đổi bộ mặt nông thôn vừa khơi dậy ý thức tập thể, phát huy tinh thần cộng đồng, tăng cường đoàn kết gắn bó trong nhân dân¹. Mạng lưới thông tin liên lạc không ngừng được hiện đại hoá với việc phát triển mạng cáp quang, nâng cấp tổng đài, xây dựng các điểm bưu điện văn hoá xã, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về thông tin liên lạc trong nông thôn. Ngành Điện lực tích cực cải tạo lưới điện, xây dựng thêm trạm biến áp và đường dây hạ thế, đảm bảo nguồn điện phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân.

Cùng với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, *phát triển ngành nghề* là nội dung trọng tâm thứ hai được Đảng bộ xác định là khâu đột phá để đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế của

¹ Năm 2001, tổng kinh phí 22,7 tỷ đồng, trong đó nhân dân đóng góp 7,9 tỷ đồng; năm 2002, tổng kinh phí là 15,9 tỷ đồng, nhân dân đóng góp 3,98 tỷ đồng; năm 2003, tổng kinh phí là 13,252 tỷ đồng, nhân dân đóng góp 3,7 tỷ đồng. Các hộ người già neo đơn, trẻ em mồ côi, gia đình chính sách, hộ nghèo được miễn giảm.

huyện. Thực hiện tốt nhiệm vụ này không chỉ là sự tiếp tục quán triệt tinh thần Nghị quyết số 03 của Tỉnh ủy mà còn thể hiện sự nhất quán trong chiến lược phát triển kinh tế đã được Đảng bộ xác định qua nhiều nhiệm kỳ đại hội. Trong chỉ đạo thực hiện, dựa trên thực trạng phát triển ngành nghề của địa phương, huyện hướng trọng tâm hàng đầu là khai thác triệt để các tiềm năng sẵn có, từ đó chú trọng khôi phục và phát huy thế mạnh của các làng nghề truyền thống như thêu ren Thanh Hà, khu chế biến lương thực Thanh Hải, chế biến đậu phụ, bánh đa Liêm Tuyền. Bên cạnh đó, những nghề mới như chế biến bột đá trắng, bột đá siêu mịn, may mặc... đạt tốc độ tăng trưởng cao và dần chiếm lĩnh thị trường. Đã hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước theo kế hoạch: Giải thể Công ty thương nghiệp, Công ty vật tư, Công ty giống cây trồng; sắp xếp đổi mới thành công Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng... Một hướng đi mới, mạnh dạn và có tính đột phá của Thanh Liêm là đẩy mạnh xây dựng các cụm công nghiệp, công nghiệp chế biến, xuất khẩu. Bước đầu đã tiến hành quy hoạch cụm tiểu thủ công nghiệp tại Đồng Mít (Thanh Nghị) với diện tích 16ha; 2 cụm tiểu thủ công nghiệp và làng nghề tại xã Thanh Luru, Thanh Hà với diện tích 5ha. Đối với các ngành mũi nhọn như sản xuất xi măng, khai thác và chế biến đá, để tạo được sức bật mạnh mẽ, Huyện thực hiện chính sách thu hút đầu tư, tập trung giải quyết các thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng. Tính đến năm 2003, trên địa bàn huyện có 3 đơn vị sản xuất xi măng, 46 đơn vị khai thác và chế biến đá, các khu khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng tại: Kiện Khê, Thanh Thủy, Thanh Nghị, Thanh Tân đi vào hoạt động ổn định.

Sau 2 năm đầu thực hiện Nghị quyết số 03 về phát triển ngành nghề, huyện đã thu hút được 12 doanh nghiệp, 2 tổ hợp và

85 hộ gia đình đầu tư mới cho sản xuất; 4 doanh nghiệp. 2 hợp tác xã bán chuyên, 6 tổ hợp và 102 hộ gia đình mở rộng quy mô sản xuất và dây chuyền công nghệ, 26 đơn vị thuê ren xuất khẩu, 1 đơn vị sản xuất hàng xuất khẩu mây, giang đan và 720 hộ gia đình chuyên sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn huyện có mức tăng trưởng khá. Năm 2001 đạt 41,5 tỷ đồng, năm 2002 đạt 57,6 tỷ đồng, năm 2003 đạt 65,9 (trong đó giá trị hàng xuất khẩu đạt 5,3 tỷ đồng).

Thành công bước đầu trong thực hiện Nghị quyết số 03 đã tạo tiền đề vững chắc để Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm tiếp tục đẩy mạnh phát triển ngành nghề, coi đây là chiến lược mang tính xuyên suốt và lâu dài. Việc cụ thể hóa Nghị quyết số 03 không chỉ phản ánh tinh thần chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng bộ cấp trên mà hơn thế, thể hiện năng lực nắm bắt và đón đầu xu thế. Xuất phát từ năng lực lao động, thế mạnh tài nguyên, Đảng bộ đã sớm nhận thức phải đẩy mạnh công nghiệp, thủ công nghiệp và cụ thể hoá nhận thức đó bằng các đề án, chương trình hành động. Có được sự khởi động tốt ở chương trình phát triển ngành nghề đã tạo đà để đến năm 2003, Đảng bộ triển khai tốt Nghị quyết số 08-NQ/TU của Đảng bộ tỉnh Hà Nam về "*đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp*". Ngày 24-7-2003, Huyện uỷ Thanh Liêm ra Quyết định số 268/QĐ-HU thành lập Ban chỉ đạo để hướng dẫn, đôn đốc triển khai Nghị quyết¹. Mỗi xã thành lập Ban chỉ đạo do Chủ tịch Uỷ

¹ Ban chỉ đạo gồm 13 đồng chí, đồng chí Vũ Thị Tuyết, Phó Bí thư - Chủ tịch UBND làm Trưởng ban, đồng chí Nguyễn Đức Hiến - Phó Chủ tịch UBND làm Phó ban, Thường trực là đồng chí Nguyễn Mạnh Tiến - Trưởng phòng kinh tế công nghiệp.

ban nhân dân xã làm Trưởng ban. Ban chỉ đạo có nhiệm vụ thường xuyên nắm bắt tình hình, báo cáo kết quả thực hiện và tham mưu giúp Ban Thường vụ chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện và các ngành chức năng xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 08¹. Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp là chủ trương lớn, việc triển khai thực hiện của Đảng bộ sẽ có tác động tích cực, mạnh mẽ đến quá trình phát triển ngành nghề mà huyện đã và đang thực hiện, thậm chí, nếu triển khai tốt, sẽ tạo ra được một lực đẩy lớn, thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giữ vững và ổn định chính trị, tiếp tục cải thiện, nâng cao đời sống nhân dân. Từ nhận thức đó, Huyện uỷ đặt mục tiêu phấn đấu đến năm 2005 tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất công nghiệp đạt 19-20% năm, đưa tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế (GDP) đạt trên 31%.

Với tinh thần chủ động và quyết tâm cao độ, Thường vụ Huyện uỷ cùng với Ban chỉ đạo và các phòng chức năng tiến hành khẩn trương, đồng bộ các biện pháp. Tạo môi trường hành lang pháp lý thông thoáng để khuyến khích, thu hút đầu tư, ngay trong năm 2003, Ủy ban nhân dân chỉ đạo phòng Kinh tế công nghiệp phối hợp với các phòng chức năng (phòng Tài chính - Kế hoạch - Thương mại, phòng Tổ chức lao động - thương binh và xã hội, phòng Địa chính, Ngân hàng, Kho bạc...) xây dựng quy định về cơ chế khuyến khích đầu tư vào cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề; quy định về quản lý các cụm công

¹ Ngày 25-7-2003, Ủy ban nhân dân ra Kế hoạch số 185/KH-UB triển khai thực hiện Nghị quyết 08/NQ-TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 373 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

nghiệp; quy chế lập, sử dụng và quản lý quỹ khuyến công, chế độ hỗ trợ phát triển công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp; quy định về trình tự, thẩm quyền, thời gian giải quyết các thủ tục hành chính với cơ chế "một đầu mối"...

Nguồn nhân lực luôn là yếu tố then chốt, do đó, huyện chỉ đạo phòng Tổ chức lao động thương binh và xã hội khảo sát xây dựng đề án cung cấp lao động cho các doanh nghiệp; xây dựng cơ chế phối hợp đào tạo nghề, công nhân kỹ thuật; xây dựng và ban hành chính sách thu hút, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ khoa học - kỹ thuật giỏi. Đồng thời, chỉ đạo phòng Kinh tế công nghiệp cùng với Phòng Tài chính - Kế hoạch - Thương mại rà soát lại quy hoạch phát triển công nghiệp để điều chỉnh cho phù hợp theo hướng đẩy mạnh khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng, phát triển các ngành sử dụng nhiều lao động như công nghiệp dệt may, thêu ren; điều tra khảo sát nhu cầu đầu tư và căn cứ vào định hướng phát triển công nghiệp để tiến hành xây dựng, quy hoạch mạng lưới các cụm Công nghiệp - Tiêu thủ công nghiệp; Công nghiệp - Tiêu thủ công nghiệp - Làng nghề, từ đó lựa chọn địa điểm xây dựng, quy hoạch chi tiết, lập dự án và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Trên cơ sở đề án đã được duyệt, Ban chỉ đạo tập trung chỉ đạo quyết liệt công tác giải phóng mặt bằng, xây dựng dứt điểm cơ sở hạ tầng các cụm Công nghiệp đã quy hoạch tại Đồng Mít (Thanh Nghị) và cụm Tiêu thủ công nghiệp - Làng nghề tại Thanh Lưu, Thanh Hà.

Trong quá trình triển khai Nghị quyết, nhằm tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động, Thường vụ Huyện uỷ chỉ đạo các cấp uỷ kết hợp với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức xã hội, các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh công tác tuyên

truyền vận động, giáo dục tới cán bộ, đảng viên và nhân dân về tầm quan trọng của phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Công tác tuyên truyền không chỉ dừng lại ở các lớp tập huấn, các hội nghị mà còn được lồng ghép vào trong các phong trào thi đua như thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, phong trào sản xuất kinh doanh giỏi... Qua đó, kịp thời biểu dương, tôn vinh các doanh nghiệp, doanh nhân, nghệ nhân giỏi¹, góp phần tạo nên sức mạnh tổng hợp, giành thắng lợi toàn diện.

Bước sang năm 2004, huyện hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng giai đoạn I cụm Tiểu thủ công nghiệp - Làng nghề Thanh Lưu với 2,5 ha; hoàn thành đề án cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Thanh Hải (16,3 ha); khảo sát sơ bộ khu Công nghiệp Thanh Liêm của tỉnh với quy mô khoảng 250 ha... thu hút nhiều dự án đầu tư trên địa bàn, nổi bật là 2 dự án: sản xuất xi măng Hoàng Long và xi măng Thanh Liêm cùng hàng chục công ty trách nhiệm hữu hạn khác. Sau hơn một năm triển khai Nghị quyết số 08, tháng 10-2004, Ban Thường vụ tiến hành kiểm tra, đánh giá kết quả đạt được, kịp thời phát hiện và khắc phục những hạn chế nhằm đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở các cơ sở. Về ưu điểm, Ban Thường vụ Huyện uỷ nhận định: Đảng uỷ các xã tiến hành nghiêm túc, tích cực, chủ động tổ chức hội nghị quán triệt tới cán bộ, đảng viên², bước đầu nâng cao nhận thức về đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; Uỷ ban nhân dân xã đã tiến hành khảo sát và xây dựng kế

¹ Như chị Nguyễn Thị Vượng, Giám đốc Công ty vận chuyển vật liệu xây dựng thị trấn Kiện Khê, Chủ nhiệm Câu lạc bộ nữ doanh nhân. Năm 2004, làng nghề Thanh Hà có 3 nghệ nhân, 5 thợ giỏi được Uỷ ban nhân dân tỉnh Hà Nam công nhận.

² Tỷ lệ đảng viên tham gia học tập Nghị quyết đạt 71% đến 87%.

hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết một cách nghiêm túc, phù hợp. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn những tồn tại: công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở một số cấp uỷ còn hạn chế, tính chủ động chưa cao, còn bộc lộ tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào cấp trên; việc tuyên truyền chưa thật sự sâu rộng; một số xã chưa nghiêm túc thực hiện Nghị quyết¹... Từ kết quả kiểm tra, Ban Thường vụ yêu cầu Đảng uỷ, Uỷ ban nhân dân các xã, thị trấn phải tăng cường hơn nữa công tác lãnh đạo, chỉ đạo; đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đầy đủ, tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 08-NQ/TU.

Chiến lược phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của Đảng bộ Thanh Liêm vừa nằm trong tổng thể chiến lược phát triển kinh tế, trong đó mấu chốt là chuyển dịch cơ cấu ngành, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn, vừa là sự tiếp tục tinh thần Nghị quyết 03 và cụ thể hoá Nghị quyết 08 của Tỉnh uỷ, thổi luồng sinh khí mới vào công cuộc xây dựng, kiến thiết quê hương. Đảng uỷ, Uỷ ban nhân dân các xã, thị trấn thành lập Ban chỉ đạo triển khai thực hiện nghị quyết, tích cực, khẩn trương xây dựng các kế hoạch. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể đẩy mạnh tuyên truyền vận động nhân dân thực hành tiết kiệm, đầu tư vốn, công sức, trí tuệ phát triển ngành nghề, làng nghề, mở các lớp dạy nghề cho nhân dân². Không khí thi đua lao động sản xuất diễn ra sôi nổi khắp huyện. Với phương châm "ly nông bắt ly hương",

¹ Thanh Nghị, Thanh Hải, thị trấn Kiện Khê tới thời điểm kiểm tra vẫn chưa thành lập Ban chỉ đạo, chưa khảo sát thực trạng, tiềm năng địa phương để xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết.

² Hội Phụ nữ đã chủ động phối hợp với trung tâm dạy nghề của tỉnh và của huyện, tổ chức 18 lớp học nghề cắt may và may giang đan cho phụ nữ nghèo.

nhiều hộ nông dân đã đầu tư mở rộng nhà xưởng, mua phương tiện vận chuyển, phát triển tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ... Hàng chục nghề truyền thống được khôi phục và phát triển như đan tre (Hạ Trang), khâu nón (Khoái, Quán), bánh đa (Kiện Khê), mộc (Thanh Lưu), nê (Liêm Thuận), đúc nhôm (Liêm Càn), đúc thép (Cầu Gừng), thu hút hàng ngàn lao động, đem lại thu nhập cao. Đặc biệt, hai nghề truyền thống mũi nhọn của huyện là nghề thêu ren xuất khẩu và khai thác đá đã tạo việc làm, tăng thu nhập cho hàng ngàn hộ nông dân. Nghề thêu ren xuất khẩu không chỉ bó hẹp ở xã Thanh Hà mà dần được nhân rộng ra toàn huyện. Năm 2005, trên địa bàn huyện có 15 công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thêu ren, tiêu biểu như Công ty Thanh Hùng, Hoà An và nhiều tổ hợp ở các thôn xóm, tạo việc làm cho hơn 10.000 tay kim, thu nhập từ 350 - 450 ngàn đồng/người/tháng. Riêng làng nghề Thanh Hà có 11.000 nhân khẩu thì có hơn 6.500 tay kim làm nghề thêu ren, sản phẩm chủ yếu xuất khẩu đi các nước Châu Âu, Bắc Á, đã được tặng giải thưởng Quả cầu vàng tại Festival Huế năm 2004. Nghề khai thác, chế biến đá vôi có 5 hợp tác xã, 8 công ty trách nhiệm hữu hạn và 46 tổ hợp, đưa lại mức thu nhập cho người lao động từ 600 - 800 ngàn đồng/người/tháng... Công nghiệp vật liệu xây dựng phát triển nhanh, trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của huyện. Các mặt hàng mới ngày càng thâm nhập sâu, khẳng định vị trí của mình trên thị trường. Năm 2005, tỷ lệ lao động trong ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chiếm 11% trong các ngành kinh tế. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 19,45%. Bình quân vốn đầu tư đạt 47 tỷ đồng/năm, tăng 150% so với năm 2001. Giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 102,7 tỷ đồng, vượt chỉ tiêu Đại hội đề ra là 32,7 tỷ đồng/năm.

Nông - công nghiệp phát triển đúng hướng là điều kiện tốt để huyện tiếp tục hoàn thành nội dung Nghị quyết 03, đưa đến sự chuyển biến tích cực trong ngành thương mại - dịch vụ, đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Với chủng loại hàng hoá ngày càng phong phú, số lượng nhiều như giống lúa lai F1, dưa xuất khẩu, cây cảnh, đá cảnh, đá các loại, vôi, bột nhẹ, bột đá siêu mịn, hàng thêu ren xuất khẩu, hàng thủ công mỹ nghệ... đòi hỏi việc đáp ứng về trao đổi, lưu thông ngày càng cao hơn. Huyện đã chú trọng nâng cấp, cải tạo và xây dựng mới cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển dịch vụ thương mại; hình thành các trung tâm dịch vụ thương mại như khu vực Động (Liêm Cần), Tân (Thanh Hương), phố Cà (Thanh Nguyên), cầu Gừng (Thanh Hà), Non (Thanh Lưu), Nga (Liêm Thuận), thị trấn Kiện Khê... Nhiều doanh nghiệp trong huyện lập văn phòng đại diện ở các tỉnh, các khu dân cư để giới thiệu mặt hàng, bán hàng và mua nguyên vật liệu. Nhiều hộ gia đình mạnh dạn bỏ vốn đầu tư tham gia kinh doanh các dịch vụ mà trước đây tư nhân ít hoạt động như dịch vụ vận chuyển, dịch vụ khai thác...¹. Hoạt động thương mại dịch vụ phát triển, các khu thị trấn, thị tứ sầm uất hình thành, đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng và sinh hoạt của nhân dân. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ bình quân đạt 226,25 tỷ đồng, tăng 20,75%/năm. Xuất khẩu từ 8,18 triệu USD năm 2003 tăng lên 8,50 triệu USD năm 2004. Tỷ trọng ngành dịch vụ từ 22%/năm 2001 tăng lên 29,68% năm 2004.

Trong nhiệm kỳ XXVI, sự lãnh đạo phát triển kinh tế của Đảng bộ đã đạt được những thành tựu khá cơ bản, đặc biệt là

¹ Điển hình là gia đình ông Nguyễn Văn Lợi (Thanh Tân) đã đầu tư mua phà làm dịch vụ vận chuyển đá cho các cơ sở sản xuất và nhu cầu nhân dân.

trong chuyển dịch cơ cấu ngành. Để khai thác hết tiềm năng kinh tế của huyện, xây dựng nền kinh tế cơ cấu vùng hợp lý, tạo ra sự phát triển đồng bộ giữa miền núi và đồng bằng, đòi hỏi Đảng bộ phải tập trung trí tuệ, kinh nghiệm và sự sáng tạo để tìm ra những hướng đi mới. Từ những trăn trở đó, sau nhiều phiên họp lấy ý kiến tham mưu của các ban, ngành chức năng, ngày 02-02-2004, Ban Chấp hành Đảng bộ mở hội nghị và ra Nghị quyết số 18-NQ/HU về "*Phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Đáy đến năm 2010*".

Khu vực nằm ở phía Tây sông Đáy (gồm các xã Thanh Thủy, Thanh Tân, Thanh Hải, Thanh Nghị và thị trấn Kiện Khê) là vùng đồi núi, đất đai rộng lớn chiếm 33,27% diện tích toàn huyện, trong đó đất nông nghiệp là 1.538,15 ha, đất lâm nghiệp là 4.057,3 ha, trữ lượng đá hàng tỷ mét khối, đa dạng về chủng loại, có nhiều tiềm năng để phát triển các ngành kinh tế công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. Công cuộc khai phá vùng đất Tây Đáy được huyện tiến hành từ nhiều thập niên mà thành công đạt được gần nhất là *Dự án xây dựng vùng kinh tế dân cư mới Tây Đáy (1992)* với việc đưa dân từ nơi khác đến "khai hoang phục hóa", tiến hành đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (thủy lợi, giao thông, điện lực, các công trình phúc lợi công cộng) nhằm khai thác tiềm năng kinh tế của vùng. Trong những năm gần đây, huyện đã có nhiều chủ trương, biện pháp cụ thể tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Trung ương, tỉnh và địa phương, các tổ chức và cá nhân tham gia đầu tư sản xuất, kinh doanh, bước đầu thu được kết quả tích cực, đóng góp đáng kể cho sự phát triển của huyện. Tuy nhiên, quá trình khai thác và sử dụng tiềm năng vùng Tây Đáy còn bộc lộ nhiều bất cập: công tác quản lý chưa có sự phân cấp cụ thể, chồng chéo, bởi vậy, chuyển dịch kinh tế chậm; tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn ở

mức thấp; hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch chưa phát triển; kinh tế trang trại đồi rừng chưa phát huy đúng tiềm năng; chính sách giao đất, giao rừng chưa phù hợp nên các hộ nông dân chưa thực sự yên tâm đầu tư sản xuất. Tỷ lệ hộ nghèo còn chiếm tới 17% (năm 2003); trình độ dân trí còn thấp, bộ mặt nông thôn chậm đổi mới so với mặt bằng trong huyện. Đây là một trong những vấn đề được nhiều hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ đề cập nhưng chưa có hướng giải quyết thoả đáng.

Qua phân tích, đánh giá tình hình, Huyện uỷ xác định nguyên nhân của hạn chế trên là do xuất phát điểm của vùng này thấp hơn so với mặt bằng chung của huyện, địa hình tự nhiên bị chia cắt, giao thông đi lại khó khăn, đầu tư của Nhà nước chưa thoả đáng, chưa có quy hoạch vùng tổng thể. Bên cạnh đó, công tác điều hành của các bộ phận chức năng về đổi mới, phát triển nâng cao hiệu quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế, sản xuất hàng hoá còn chậm và lúng túng; sự chỉ đạo, lãnh đạo của cấp uỷ cơ sở chưa thực sự chặt chẽ. Bởi vậy, để thực sự đưa Tây Đáy trở thành khu vực kinh tế phát triển cần tập trung cao độ sự thống nhất hành động của cả hệ thống chính trị, trong đó nòng cốt là sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ. Mục tiêu hướng đến là phải khai thác triệt để mọi nguồn lực nhằm phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông, lâm, ngư nghiệp. Mũi nhọn được xác định là sản xuất vật liệu xây dựng, kinh tế trang trại, trồng trọt và chăn nuôi gắn với phát triển du lịch sinh thái. Quan điểm phát triển là: tăng trưởng kinh tế gắn liền với giữ gìn môi trường sinh thái; phát triển kinh tế đi đôi với củng cố quốc phòng, đảm bảo an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; đảm bảo công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, chú trọng giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo, phát triển văn hoá, giáo dục, y tế.

trong chuyển dịch cơ cấu ngành. Để khai thác hết tiềm năng kinh tế của huyện, xây dựng nền kinh tế cơ cấu vùng hợp lý, tạo ra sự phát triển đồng bộ giữa miền núi và đồng bằng, đòi hỏi Đảng bộ phải tập trung trí tuệ, kinh nghiệm và sự sáng tạo để tìm ra những hướng đi mới. Từ những trăn trở đó, sau nhiều phiên họp lấy ý kiến tham mưu của các ban, ngành chức năng, ngày 02-02-2004, Ban Chấp hành Đảng bộ mở hội nghị và ra Nghị quyết số 18-NQ/HU về "*Phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Đáy đến năm 2010*".

Khu vực nằm ở phía Tây sông Đáy (gồm các xã Thanh Thủy, Thanh Tân, Thanh Hải, Thanh Nghị và thị trấn Kiện Khê) là vùng đồi núi, đất đai rộng lớn chiếm 33,27% diện tích toàn huyện, trong đó đất nông nghiệp là 1.538,15 ha, đất lâm nghiệp là 4.057,3 ha, trữ lượng đá hàng tỷ mét khối, đa dạng về chủng loại, có nhiều tiềm năng để phát triển các ngành kinh tế công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. Công cuộc khai phá vùng đất Tây Đáy được huyện tiến hành từ nhiều thập niên mà thành công đạt được gần nhất là *Dự án xây dựng vùng kinh tế dân cư mới Tây Đáy (1992)* với việc đưa dân từ nơi khác đến "khai hoang phục hóa", tiến hành đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng (thủy lợi, giao thông, điện lực, các công trình phúc lợi công cộng) nhằm khai thác tiềm năng kinh tế của vùng. Trong những năm gần đây, huyện đã có nhiều chủ trương, biện pháp cụ thể tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Trung ương, tỉnh và địa phương, các tổ chức và cá nhân tham gia đầu tư sản xuất, kinh doanh, bước đầu thu được kết quả tích cực, đóng góp đáng kể cho sự phát triển của huyện. Tuy nhiên, quá trình khai thác và sử dụng tiềm năng vùng Tây Đáy còn bộc lộ nhiều bất cập: công tác quản lý chưa có sự phân cấp cụ thể, chồng chéo, bởi vậy, chuyển dịch kinh tế chậm; tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn ở

giá trị kinh tế cao như lạc, ngô lai, đậu tương, tre Bát Độ, hồng không hạt, nhãn... Chuyên 356 ha đất trũng sang sản xuất đa canh, nuôi trồng thủy sản. Xây dựng một số trang trại quy mô 0,5 đến 1,5 ha, đạt giá trị bình quân từ 60 đến 80 triệu đồng/ha trở lên. Phát huy tối đa lợi thế vùng đồi núi với thảm thực vật phong phú để phát triển chăn nuôi theo mô hình trang trại, trọng tâm là trâu, bò thịt, dê, lợn hướng nạc, gà, vịt siêu trứng... để đến năm 2010 sản lượng thịt lợn đạt 2.310 tấn, trâu - bò đạt 1.280 tấn, dê đạt 200 tấn, gia cầm đạt 556 tấn. Phân đấu đến năm 2010, cơ cấu giá trị sản phẩm nông - lâm - ngư nghiệp đạt 16,3% tổng giá trị nông - lâm - ngư nghiệp toàn huyện.

Về khai thác tiềm năng du lịch, thương mại: Xây dựng các tuyến du lịch gắn với các di tích lịch sử như Chùa Châu, Hang Gióng Lở, Kẽm trồng... kết hợp với du lịch sinh thái nhà vườn để thu hút khách du lịch. Đầu tư củng cố chợ miền núi Thanh Nghị, xây dựng thêm chợ mới, bến xe ở Thanh Nghị, Kiện Khê đảm bảo giao lưu trao đổi hàng hoá.

Về phát triển văn hoá xã hội: Tập trung xây dựng cơ sở vật chất trường học đáp ứng yêu cầu học tập của học sinh tiểu học và trung học cơ sở, củng cố 5 trường mầm non bán công, xây dựng 2 trường cao tầng khối tiểu học (Thanh Hải B, Thanh Nghị B), 2 trường trung học cơ sở đáp ứng tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia, phấn đấu 100% trẻ em trong độ tuổi vào tiểu học, 95% vào mẫu giáo. Phân đấu đến năm 2010 mỗi khu dân cư có 1 nhà văn hoá; quy hoạch một số sân vận động, sân vui chơi cho trẻ em; nâng cấp đường điện, hệ thống truyền thanh, xây dựng bưu điện, cung cấp báo chí phục vụ nhu cầu của nhân dân trong vùng. Củng cố nâng cấp trạm y tế tại Thanh Nghị, Thanh Thủy, Kiện Khê và xây dựng 4 phân trạm tại Tây Hải, Đồng Ao, La Mát,

Nam Công; xây dựng hệ thống cung cấp nước đảm bảo 100% hộ dân được dùng nước đảm bảo vệ sinh. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, giảm tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2010 xuống dưới 5%.

Chủ trương phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Đáy vừa là việc làm mang tính cấp bách, vừa là chiến lược xuyên suốt lâu dài, trải rộng trên tất cả lĩnh vực. Ngay sau khi Nghị quyết ra đời, Ban Thường vụ Huyện uỷ ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Đáy, do đồng chí Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện làm Trưởng ban, hai đồng chí Phó Chủ tịch huyện làm Phó ban và các đồng chí trong các ban, ngành, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân 5 xã Tây Đáy làm uỷ viên. Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ tổ chức triển khai Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ, xây dựng kế hoạch cụ thể, chỉ đạo các ngành chuyên môn, hướng dẫn các xã, thị trấn thực hiện Nghị quyết. Đồng thời, để triển khai Nghị quyết một cách triệt để từ cấp huyện đến cơ sở, Huyện uỷ chỉ đạo thành lập Ban chỉ đạo cấp xã do các đồng chí Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã làm Trưởng ban, có nhiệm vụ phối hợp với Ban chỉ đạo huyện tổ chức thực hiện.

Trong những năm đầu thực hiện, Ban Thường vụ Huyện uỷ chỉ đạo Uỷ ban nhân dân huyện và các ban, ngành chức năng tập trung vào công tác xây dựng các kế hoạch, dự án quy hoạch. Với tinh thần khẩn trương, tập trung cao độ, Huyện uỷ chỉ đạo Uỷ ban nhân dân huyện và các ngành chức năng của huyện phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng của tỉnh sớm lập quy hoạch tổng thể và các đề án, dự án quy hoạch cụ thể cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; dự án xây dựng kết cấu hạ tầng phân lũ, chắn lũ; dự án đầu tư di dân nội địa; dự án chuyển đổi sản xuất từ vùng trũng sang sản xuất đa canh theo hướng trang trại; dự án

trồng rừng; dự án phát triển chăn nuôi bò sữa, bò thịt, dê, chuyên giao khoa học - kỹ thuật vào sản xuất; các dự án du lịch nhà vườn tại Thanh Nghị; giải phóng mặt bằng, xây dựng các cơ sở hạ tầng. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện, Ban chỉ đạo huyện thường xuyên bám sát cơ sở, đôn đốc, kiểm tra thực hiện. Yếu tố đồng thuận của nhân dân, sự phối hợp nhịp nhàng, ăn khớp của cả hệ thống chính trị từ huyện đến xã được đặc biệt chú trọng. Công tác tuyên truyền được Mặt trận Tổ quốc huyện và các đoàn thể triển khai tốt trong quá trình khởi động và thi công các dự án. Đội ngũ cán bộ trong Ban chỉ đạo, trong các ban, ngành trực tiếp thực thi dự án được chú ý bồi dưỡng năng lực quản lý Nhà nước, bên cạnh việc phát huy tính tự chủ, năng động của các chủ thể sản xuất kinh doanh. Những nỗ lực đó đã đưa đến kết quả bước đầu khả quan: Năm 2005, hoàn thành công trình nước sạch Kiện Khê; xây dựng trạm y tế đạt chuẩn quốc gia ở Thanh Thủy, Thanh Tân, Kiện Khê; xây dựng biển quảng cáo đầu tư vào cụm công nghiệp Thanh Hải; đền bù giải phóng mặt bằng các dự án Nhà máy Xi măng Hoàng Long, đường vành đai cầu Kiện Khê; kiểm kê, xây dựng phương án bồi thường hỗ trợ dự án đường di dân lánh nạn kết hợp chắn nước núi vùng Tây Đáy Kiện Khê đi Thanh Hải; xây dựng hồ sơ dự án đường cứu hộ Hữu Đáy.

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động của các ngành tài chính, tín dụng cũng có chuyển biến tích cực, đồng bộ với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Kho bạc, Ngân hàng nông nghiệp luôn tích cực tạo nguồn vốn đáp ứng yêu cầu ngày càng tăng của các cơ sở sản xuất, đơn vị và cá nhân để phát triển sản xuất kinh doanh, xoá đói giảm nghèo. Thành lập Ban đại diện Ngân hàng chính sách xã hội của huyện, tạo điều kiện cho nông

dân vay vốn thuận lợi, phục vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển ngành nghề dịch vụ, cung ứng tiền tệ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Quyết định số 67 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách tín dụng mới được thực hiện nghiêm túc. Năm 2005, số dư nợ của huyện đạt trên 115 tỷ đồng, trong đó Ngân hàng chính sách xã hội đạt 25 tỷ đồng; vốn tín dụng huy động hàng năm từ 27% tăng lên 34 %.

Từ năm 2001, mặc dù thực hiện chính sách giảm, miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp theo quy định của Nhà nước, nhưng nhờ kinh tế nông - công nghiệp phát triển, cùng với trình độ nghiệp vụ của các ngành quản lý được nâng cao, nên nguồn thu ngân sách của huyện vẫn tiếp tục tăng. Với tinh thần "thu đúng, thu đủ, nộp kịp thời vào ngân sách Nhà nước", năm 2001 huyện thu được 9,772 tỷ đồng, đến năm 2005 số thu tăng lên 20 tỷ đồng, bình quân đạt 13,687 tỷ đồng/năm, tăng 70,5% so với 5 năm trước. Chi ngân sách đáp ứng nhu cầu vốn xây dựng cơ bản và chi thường xuyên, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

Nhờ có chủ trương đúng và biện pháp chỉ đạo hiệu quả, cùng sự nỗ lực của các cấp, các ngành, hầu hết các chỉ tiêu kinh tế của huyện đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Cơ cấu kinh tế dịch chuyển đúng hướng: giảm dần tỷ trọng nông nghiệp từ 51,8% năm 2001 xuống còn 31,8% năm 2005, công nghiệp và xây dựng từ 26,1% tăng lên 37,2%, thương mại dịch vụ từ 22% tăng lên 31%. Giá trị sản xuất đạt 34 triệu đồng/ha năm 2005. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 4.520 tấn/năm. Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp bình quân đạt 102,7 tỷ đồng/năm. Giá trị xuất khẩu năm 2004 đạt 8,5 triệu USD, năm 2005 năm là 9 triệu USD. Thu nhập bình quân theo đầu người năm 2005 đạt 4,109 triệu đồng. Mặc

dù, do chuyển đổi một số diện tích trồng lúa sang sản xuất đa canh lúa - cá, xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông thủy lợi khiến đất sản xuất nông nghiệp bị thu hẹp, sản lượng lương thực quy thóc và lương thực bình quân đầu người không đạt chỉ tiêu đề ra¹, nhưng vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước.

Về lãnh đạo phát triển văn hoá - xã hội: Đảng bộ tiếp tục thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) *"Về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc"*. Mục tiêu Đảng bộ hướng tới là nâng cao hơn nữa chất lượng công tác văn hóa - xã hội, đẩy mạnh phong trào xây dựng làng văn hóa, gia đình, cơ quan văn hóa. Dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện ủy, nội dung các nghị quyết, chỉ thị được phổ biến sâu rộng đến các cấp ủy, chính quyền, các ngành, đoàn thể và nhân dân. Bằng cách đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tổ chức học tập, phát động các phong trào thi đua ở cơ sở², phong trào *"Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"* luôn được duy trì và mở rộng trong đời sống xã hội.

Bên cạnh đó, nhằm bảo đảm phong trào đạt chất lượng cả về chiều rộng lẫn bề sâu, công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý các hoạt động văn hoá luôn được Huyện uỷ, Ủy ban nhân dân huyện đặc biệt quan tâm chỉ đạo tới các cấp, các ngành có liên quan

¹ Sản lượng lương thực quy thóc chỉ đạt 90,5%, lương thực bình quân đầu người chỉ đạt 97,5%

² Phong trào thi đua xây dựng làng văn hoá, gia đình văn hoá, cơ quan đơn vị văn hoá, phong trào xây dựng làng xóm, khu dân cư không có tội phạm và tệ nạn xã hội, phong trào xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội...

thường xuyên tiến hành kiểm tra định kỳ để ngăn chặn kịp thời những sản phẩm văn hoá không lành mạnh xâm nhập vào địa bàn huyện. Nhiều đảng bộ cơ sở đưa ra tiêu chuẩn chi bộ lãnh đạo xây dựng làng văn hoá là một trong những tiêu chuẩn quan trọng để xét công nhận chi bộ trong sạch, vững mạnh. Với tất cả sự nỗ lực đó, phong trào xây dựng đời sống văn hoá của huyện đã có chuyển biến tích cực, góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng quê hương ngày một văn minh giàu đẹp. Cơ sở hạ tầng được đầu tư nâng cấp, 100% số xã có đài truyền thanh, tỷ lệ phủ sóng phát thanh, truyền hình trên địa bàn đạt 85%. Thiết chế văn hóa được xây dựng và củng cố. Tính đến năm 2005, 100% thôn, làng xây dựng được hương ước, trong đó có 80% hương ước đạt chất lượng tốt, được huyện phê duyệt, phù hợp với quy định của hiến pháp và pháp luật. Toàn huyện đã xây dựng được 56 làng, 52 cơ quan và 55% số gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa cấp tỉnh và cấp huyện¹. Công tác bảo tồn các giá trị truyền thống và tôn tạo các di tích lịch sử được thực hiện tốt. Đẩy mạnh thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội theo hướng tiết kiệm, không phô trương hình thức được nhân dân đồng tình hưởng ứng tích cực, các hủ tục lạc hậu dần bị loại trừ. Lễ hội truyền thống được tổ chức trang trọng, tôn nghiêm. Phần hội được tổ chức với nhiều trò chơi truyền thống kết hợp hiện đại như: kéo co, bóng đá, cầu lông, bóng

¹ Trong phong trào xây dựng làng văn hoá, nhiều xã điển hình như Liêm Tiết có 6/6 làng đạt tiêu chuẩn làng văn hoá cấp tỉnh; Thanh Hà có 5/7 làng, Thanh Thủy có 7/9 làng, Thanh Bình 6/7 làng đạt làng văn hoá.

chuyên, cờ người. Hiệu tượng mê tín dị đoan giảm dần, an ninh trật tự đảm bảo hơn. Các hoạt động trong lễ hội có tác dụng giáo dục truyền thống quê hương, lòng nhân ái, tính cộng đồng trong nhân dân; khơi dậy vốn văn hóa, văn nghệ dân gian, đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí, sinh hoạt văn hóa, tâm linh, đẩy mạnh phát triển tham quan du lịch.

Thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thông tri số 19-TT/TU của Tỉnh uỷ Hà Nam về công tác thể dục thể thao trong giai đoạn mới, huyện chỉ đạo ngành thể dục thể thao đẩy mạnh các mặt hoạt động. Đây là bộ phận quan trọng trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội, nhằm bồi dưỡng, nâng cao sức khỏe cộng đồng, phát huy nhân tố con người trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phong trào "*Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ*" được đông đảo nhân dân tham gia, đã khơi dậy và phát huy các môn thể thao truyền thống vốn là thế mạnh của địa phương như vật Liễn Đồi, bơi chải Thanh Thủy. Số người tham gia tập luyện thể thao thường xuyên đạt tỷ lệ 18,5%, từ học sinh đến cán bộ, công nhân viên chức và một bộ phận quần chúng nhân dân. Xuất hiện nhiều nhân tố mới trong phong trào tập luyện thể dục thể thao như câu lạc bộ, điểm nhóm tập luyện, các gia đình thể thao tiêu biểu. Công tác thể dục thể thao ngày càng được xã hội hoá sâu rộng. Thanh Liêm được đánh giá là một trong những huyện có phong trào thể dục thể thao quần chúng mạnh của tỉnh Hà Nam.

Công tác y tế được quan tâm toàn diện, cơ sở hạ tầng y tế được đầu tư nâng cấp từ huyện đến cơ sở, 100% trạm y tế xã, thị trấn có bác sỹ, 7 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Công tác y tế dự phòng và các chương trình quốc gia về y tế được thực hiện tốt,

tiêm chủng mở rộng cho trẻ em trong độ tuổi đạt 98-100% kế hoạch; các bệnh xã hội và các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm đã kịp thời bị khống chế và dập tắt như dịch cúm Typ A H5N1 tại Thanh Hà; chất lượng khám, điều trị bệnh được nâng cao hơn. Thực hiện tốt việc khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ em dưới 5 tuổi và người nghèo, triển khai Bảo hiểm tự nguyện rộng rãi trong nhân dân, quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế được bảo đảm.

Chương trình dân số gia đình và trẻ em được huyện triển khai hiệu quả, hàng năm đều vượt kế hoạch. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên bình quân 0,99%/năm; giữ vững tỷ lệ giảm sinh 0,04% - 0,06%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi giảm từ 30% năm 2001 xuống 23,5% năm 2005.

Dưới sự quan tâm chỉ đạo của cấp uỷ các cấp, sự nghiệp giáo dục của huyện tiếp tục vươn lên đạt nhiều kết quả cao. Đảng bộ, chính quyền phối hợp cùng Mặt trận Tổ quốc và các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) của Đảng *Về chiến lược phát triển giáo dục đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, làm chuyển biến mạnh mẽ nhận thức của nhân dân về vai trò, ý nghĩa của giáo dục và đổi mới công tác giáo dục. Các địa phương đã huy động 100% số trẻ em dưới 5 tuổi đến trường mầm non, giữ vững phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Cuộc vận động xã hội hóa giáo dục được duy trì và phát triển, toàn xã hội cùng tham gia chăm lo sự nghiệp giáo dục, tạo môi trường giáo dục gắn kết giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Việc thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 50-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) *về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Hội khuyến học Việt Nam* (24-8-1999), Hội khuyến học Thanh Liêm được thành lập và đi

vào hoạt động nề nếp ở 20 xã, thị trấn, 174 chi hội khuyến học thôn xóm, 245 chi hội ở cơ quan, dòng họ và hàng trăm ban khuyến học, với gần 16.000 hội viên tham gia, góp phần tích cực thúc đẩy và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng xã hội học tập. Nhiều chi hội hoạt động tích cực, đạt kết quả tốt; có 2.560 gia đình được công nhận là gia đình hiếu học các cấp. Hội khuyến học Thanh Liêm đã được Trung ương Hội khuyến học Việt Nam 2 lần tặng cờ thi đua xuất sắc. Tính đến năm 2005, 20/20 xã, thị trấn có Trung tâm học tập cộng đồng. Hoạt động của các Trung tâm học tập cộng đồng đã đáp ứng nhu cầu học tập của đông đảo đối tượng là cán bộ và nhân dân. Với phương châm cần gì học nấy, không phân biệt tuổi tác, thành phần, giới tính, Trung tâm học tập cộng đồng đã tạo điều kiện cho người học hiểu biết, phổ cập kịp thời những thông tin về thời sự, chính trị, xã hội, pháp luật, khoa học - kỹ thuật. Nhiều Trung tâm học tập cộng đồng đã được đầu tư tốt về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ học tập, thực sự trở thành nơi để mọi người có điều kiện học tập, tiếp thu, áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Trung tâm dạy nghề - giới thiệu việc làm của huyện được đầu tư xây dựng khang trang, kiên cố, đào tạo nghề và giới thiệu cho nhiều thanh niên. Nhiều xã, nhiều dòng họ xây dựng quỹ khuyến học, khuyến tài để khuyến khích, động viên học sinh giỏi, học sinh nghèo vượt khó¹, khơi dậy tinh thần hiếu

¹ Xã Liêm Cần có 100% các dòng họ thành lập được Ban khuyến học, hàng năm mỗi hộ gia đình đóng góp 2kg thóc vào quỹ khuyến học, khuyến tài. Xã Thanh Hải giành 3km đường giao thông liên thôn cho Hội khuyến học trồng “Đường cây hiếu học” với 32 ngàn cây lấy gỗ. Xã Liêm Sơn, Thanh Bình, Liêm Thuận giành 1 phần ruộng công ích của xã cho các chi hội cấy xây dựng quỹ. Năm 2003, quỹ khuyến học toàn huyện đạt 127 triệu đồng.

học, kích lệ thanh thiếu niên phấn đấu vươn lên học tập tốt. Nhờ đó, chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao. Hưởng ứng phong trào thi đua "*Hai tốt*", hầu hết các chỉ tiêu giáo dục của huyện đều được Sở giáo dục xếp loại A¹; tỷ lệ thi tốt nghiệp năm sau cao hơn năm trước: Năm học 2000-2001, thi tốt nghiệp tiểu học đạt 99,6%, trung học cơ sở đạt 99,12%, phổ thông trung học đạt 98,3%. Năm học 2002-2003, thi tốt nghiệp tiểu học đạt 100%, trung học cơ sở đạt 99,44%, phổ thông trung học đạt 99,5%. Các kỳ thi được tổ chức đảm bảo đúng quy chế, số học sinh vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp đạt 30%. Toàn huyện có 22/66 (đạt 33%) trường đạt chuẩn quốc gia.

Trong công tác lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị trọng tâm, Đảng bộ Thanh Liêm luôn coi trọng phát triển kinh tế đi đôi với an sinh xã hội, chú trọng giải quyết việc làm và xóa đói giảm nghèo. Hàng năm, huyện giải quyết việc làm cho trên 2.500 lao động. Thường xuyên tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho những người có công với cách mạng, người nghèo, tàn tật. Thực hiện kịp thời, đầy đủ mọi chế độ, chính sách cho các đối tượng. Vận động đông đảo người dân tham gia cuộc vận động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn với số quỹ gây được trên 300 triệu đồng. Đặc biệt, đã hoàn thành xây dựng đền tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ của huyện ở trung tâm huyện lỵ. Bên cạnh đó, huyện liên tục phát động các phong trào phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng, tặng sổ tiết kiệm tình nghĩa, xây dựng nhà tình nghĩa, xóa nhà tranh tre cho các gia đình chính sách khó khăn và hộ nghèo. Bước đầu đã xây dựng được 15 nhà tình nghĩa, tặng 2.700 sổ tiết kiệm. Năm 2004, huyện vinh dự được Ủy ban nhân dân

¹ Năm 2003, có 11/11 chỉ tiêu, năm 2004 có 10/11 chỉ tiêu được xếp loại A.

ting, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tặng Bằng ghi công xây dựng nhà đại đoàn kết, xóa xong nhà dột nát cho hộ nghèo. Những việc làm thiết thực đó đã góp phần cải thiện đời sống của người dân thuộc đối tượng chính sách. Giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 21,52% năm 2001 xuống còn 7% năm 2005. Tỷ lệ hộ có tivi tăng 15%, có xe máy tăng 32%, có nhà mái bằng tăng 24,4% so với năm 2001.

Công tác thi đua khen thưởng được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo. Đảng bộ đã tổ chức bình xét thành tích, đề nghị và được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực Lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ chống Pháp cho Đảng bộ và nhân dân huyện Thanh Liêm (2002), Đảng bộ và nhân dân các xã Liêm Sơn (2004), Thanh Tâm (2004), Thanh Nghị (2005), Thanh Hà (2005), Thanh Lưu (2005); danh hiệu Anh hùng lực Lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ chống Mỹ cho Đảng bộ và nhân dân xã Thanh Hải (2002). Huyện và các xã đã tổ chức lễ đón nhận danh hiệu anh hùng trang nghiêm và long trọng, khơi dậy lòng tự hào của Đảng bộ và nhân dân, tiếp tục phát huy truyền thống của huyện anh hùng ra sức xây dựng quê hương Thanh Liêm ngày càng văn minh, giàu đẹp.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) và Nghị quyết 8 của Bộ chính trị (khóa XI) về *Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*, trong nhiệm kỳ 2001-2005, Đảng bộ đã lãnh đạo, chỉ đạo kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế với củng cố an ninh, quốc phòng. Trong đó xác định rõ nhiệm vụ quốc phòng, bảo vệ an ninh quốc gia, chống âm mưu "diễn biến hòa bình" là nhiệm vụ trọng yếu. Hướng đến mục tiêu xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng huyện thành khu vực phòng thủ vững chắc, Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ đạo thực

hiện nghiêm túc chế độ thường trực sẵn sàng chiến đấu, nâng cao chất lượng chính trị và huấn luyện của lực lượng thường trực, dự bị động viên, dân quân tự vệ; quán triệt thực hiện nghiêm túc Luật nghĩa vụ quân sự, Pháp lệnh Dân quân tự vệ, Pháp lệnh Dự bị động viên. Công tác tuyển quân hàng năm luôn đạt kết quả tốt. Trong 5 năm đã giao 1.435 tân binh, đạt 100% chỉ tiêu, đảm bảo dân chủ, công bằng, đúng Luật và chất lượng tốt. Công tác giáo dục quốc phòng toàn dân và bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh cho cán bộ, đảng viên và các chức sắc tôn giáo được chú trọng. Để đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn, huyện đã đẩy mạnh xây dựng lực lượng công an từ huyện đến cơ sở, các đơn vị luôn đạt trong sạch vững mạnh. Lực lượng công an đã chủ động phòng ngừa và mở nhiều đợt tấn công trấn áp các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, giải quyết tốt các vụ trọng án, không để điểm nóng xảy ra trên địa bàn. Giải quyết nhanh chóng các đơn thư tố cáo, khiếu nại của người dân, cấp huyện đạt tỷ lệ 85 - 90%, cấp xã đạt 85%. Hướng các hoạt động tôn giáo gắn với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm đúng pháp luật, tham gia củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Nhờ những biện pháp đó, huyện đã hình thành thể trận an ninh nhân dân kết hợp với quốc phòng toàn dân, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới. Lực lượng vũ trang của huyện nhiều năm liền được công nhận là đơn vị dẫn đầu lực lượng vũ trang của tỉnh.

Quán triệt quan điểm phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, Đảng bộ Thanh Liêm luôn triển khai nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của tỉnh về công tác xây dựng Đảng trên cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức

chiến đấu của các tổ chức đảng và đảng viên. Đảng bộ thường xuyên đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đúng đắn, sâu sắc về công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới. Triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 23 của Ban Bí thư Trung ương về tăng cường nghiên cứu học tập tư tưởng Hồ Chí Minh. Quá trình tổ chức, triển khai học tập chỉ thị, nghị quyết của Đảng được tỉnh đánh giá là đơn vị có nhiều đổi mới về phương thức học tập, hình thức tuyên truyền, coi trọng chất lượng sinh hoạt chính trị nên hiệu quả đạt được cao hơn. Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị luôn được các cấp ủy đảng quan tâm chỉ đạo, đã tiến hành bồi dưỡng cho 8.100 lượt cán bộ, đảng viên và quần chúng. Ngoài ra, huyện còn tổ chức tốt các cuộc thi tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh, tìm hiểu 75 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 60 năm nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hoàn thành biên soạn cuốn Lịch sử Đảng bộ huyện giai đoạn 1975-2000, đã có 5 xã, thị trấn biên soạn và xuất bản Lịch sử Đảng bộ giai đoạn 1930-2000. Qua các đợt tuyên truyền, học tập đã tăng cường giáo dục truyền thống, lòng yêu quê hương, đất nước cho nhân dân, nhất là thế hệ trẻ. Đội ngũ cán bộ đảng viên thêm tin tưởng vào công cuộc đổi mới, kiên định thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, giữ gìn khối đoàn kết trong Đảng và trong nhân dân.

Thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW, Quyết định 85-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Kế hoạch số 38-KH/TU ngày 1-11-2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Nam về việc đổi Thẻ đảng viên, Ban Thường vụ Huyện ủy đã chủ động xây dựng kế hoạch hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện và thành lập Ban Chỉ đạo đổi Thẻ đảng viên. Đảng bộ xã Thanh Thủy được chọn

làm điểm để rút kinh nghiệm chỉ đạo trong toàn Đảng bộ. Huyện uỷ chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng quán triệt tới từng đảng viên về ý nghĩa, mục đích của việc đổi Thẻ đảng viên, đồng thời gắn công tác đổi thẻ đảng với việc kiểm tra đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên và cuộc vận động xây dựng chính đồn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII, Nghị quyết Đại hội IX của Đảng nhằm củng cố tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên. Quá trình đổi Thẻ đảng viên được chỉ đạo theo từng bước chặt chẽ, đảm bảo đúng quy trình, tiêu chuẩn, tổ chức lễ đổi thẻ đảm bảo chu đáo, trang trọng. Qua 6 đợt tổ chức, đến 2-9-2005, công tác đổi thẻ được hoàn thành. Đã đổi Thẻ, phát Thẻ đảng viên cho 5.972 đảng viên (trong đó đổi thẻ là 5.743 đảng viên và phát Thẻ cho 229 đảng viên), đạt 100% tổng số đảng viên trong toàn huyện¹. Thông qua

¹ - Đợt 1: nhân dịp kỷ niệm 114 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-2004), tổ chức đổi Thẻ cho 1.383 đảng viên, đạt 23%. Trong đó có 750 đảng viên được tặng Huy hiệu đảng, 458 đảng viên đủ tư cách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, 175 đảng viên được miễn sinh hoạt đủ tư cách.

- Đợt 2: nhân dịp kỷ niệm 59 năm Ngày Quốc khánh nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2-9-2004), tổ chức đổi Thẻ cho 1.370 đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ và phát Thẻ đảng viên cho 22 đảng viên dự bị được công nhận chính thức.

- Đợt 3: nhân dịp kỷ niệm 87 năm Cách mạng Tháng 10 Nga (7-11-2004), tổ chức đổi Thẻ cho 2.690 đảng viên và phát Thẻ cho 32 đảng viên.

- Đợt 4: nhân dịp kỷ niệm 75 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-2005), tổ chức đổi Thẻ cho 232 đảng viên và phát Thẻ cho 39 đảng viên.

- Đợt 5: nhân dịp kỷ niệm 115 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-2005), tổ chức đổi Thẻ cho 59 đảng viên và phát Thẻ cho 88 đảng viên.

- Đợt 6: nhân dịp kỷ niệm 60 năm Ngày Quốc khánh nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2-9-2005), tổ chức đổi Thẻ cho 9 đảng viên và phát Thẻ cho 48 đảng viên.

việc đổi thế đảng viên đã tạo sự chuyển biến trong nhận thức tư tưởng của cán bộ, đảng viên, nâng cao tinh thần trách nhiệm và hiệu quả công tác, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, củng cố và nâng cao chất lượng lãnh đạo của các tổ chức đảng yếu kém, hạn chế số đảng viên vi phạm khuyết điểm. Đồng thời qua đó cũng tạo sự phấn khởi, niềm tự hào của đảng viên, tạo sự đoàn kết thống nhất trong Đảng và không khí thi đua sôi nổi, phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, góp phần tích cực vào thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị.

Việc bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị luôn được chú trọng. Trong nhiệm kỳ đã có 1.164 lượt cán bộ bao gồm bí thư, cấp uỷ chi bộ, trưởng thôn xóm, 568 đại biểu Hội đồng nhân dân xã, thị trấn được học các chương trình bồi dưỡng về công tác Đảng và công tác quản lý nhà nước. Có 229 đồng chí hoàn thành chương trình trung cấp lý luận chính trị và trung cấp quản lý Nhà nước, 18 đồng chí hoàn thành chương trình cao cấp lý luận chính trị, 21 đồng chí hoàn thành chương trình Đại học tại chức, 1.168 quần chúng ưu tú được bồi dưỡng để kết nạp vào Đảng.

Công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh thường xuyên được các cấp uỷ quan tâm. Trong sinh hoạt đảng, luôn giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, đẩy mạnh đấu tranh phê bình và tự phê bình, qua đó, vai trò lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng được nâng lên. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII tiếp tục được thực hiện nghiêm túc kết hợp với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khoá IX). Các cấp uỷ đảng chỉ đạo

chính quyền và các cơ quan chức năng giải quyết kịp thời những vụ việc phức tạp, tăng cường chống quan liêu, tham nhũng, tiêu cực, bảo đảm sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ. Năm 2005, số đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 30,5%, đảng viên đủ tư cách, hoàn thành nhiệm vụ đạt 67,9%, đảng viên vi phạm tư cách chiếm 1,6%; tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh 86,71%, tổ chức cơ sở đảng hoàn thành nhiệm vụ là 13,89%, không có tổ chức cơ sở đảng yếu kém. Công tác phát triển Đảng được chú trọng, đã kết nạp được 822 đảng viên mới, tăng 115,6% so với nhiệm kỳ trước.

Công tác quy hoạch, tuyển dụng, quản lý, sử dụng và luân chuyển cán bộ được Đảng bộ triển khai thực hiện tốt, đúng hướng dẫn của cấp trên. Quy hoạch cán bộ đáp ứng tốt nhu cầu nhân sự cho bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ba cấp, bổ sung vào cấp uỷ các cấp.

Đảng bộ đã triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Chi thị 29 của Bộ chính trị (khoá VIII) *Về tăng cường công tác kiểm tra*. Ủy ban kiểm tra các cấp chủ động, tích cực xây dựng kế hoạch kiểm tra theo kế hoạch của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ. Tiến hành kiểm tra và xử lý kỷ luật 3 tổ chức đảng (trong đó có 2 Ban Thường vụ Đảng uỷ và 1 Ban Chi uỷ); 193 đảng viên (trong đó có 72 đảng viên bị khiển trách, 92 đảng viên bị cảnh cáo, 9 đảng viên bị cách chức, 20 đảng viên bị khai trừ). Công tác kiểm tra đã góp phần quan trọng xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng, đồng thời giữ nghiêm kỷ luật trong Đảng, phòng ngừa, ngăn chặn đảng viên vi phạm...

Công tác lãnh đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tiếp tục đạt được kết quả tốt. Huyện uỷ tiếp tục tổ chức học tập, quán triệt các chỉ thị về tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở như Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 28-3-2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Pháp lệnh 34 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị định 79/2003/NĐ-CP... Các Ban chỉ đạo từ huyện đến xã phối kết hợp chặt chẽ với chính quyền và phát huy vai trò của các đoàn thể quần chúng trong việc tổ chức thực hiện, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc, sơ tổng kết rút kinh nghiệm. Huyện uỷ tổ chức tổng kết 5 năm (1998-2003), sơ kết 3 năm (2003-2005) thực hiện Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị, hằng năm từ huyện đến cơ sở đều tổ chức sơ kết 6 tháng và tổng kết năm theo quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo. Qua tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, nhận thức của cấp uỷ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng về dân chủ và dân chủ trực tiếp của nhân dân có nhiều chuyển biến rõ rệt; cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong toàn bộ hệ thống chính trị ở cơ sở nhận thức sâu sắc hơn về quyền làm chủ và vai trò của nhân dân trong sự nghiệp đổi mới. Hoạt động của chính quyền cơ sở đã chủ động, tích cực hơn trong việc đối thoại và lắng nghe ý kiến của nhân dân. Các cấp uỷ đảng không ngừng đổi mới phương thức hoạt động theo hướng dân chủ; chính quyền các cấp hoạt động hiệu quả hơn, phong cách, lề lối làm việc của công chức có bước chuyển biến rõ rệt theo hướng gần dân, tôn trọng ý kiến của nhân dân. Mặt trận và các đoàn thể quần chúng không ngừng đổi mới về tổ chức và hoạt động theo hướng thiết thực, hiệu quả và có trách nhiệm với nhân dân; nhân dân được cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời hơn và nhận thức rõ hơn về quyền lợi và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật nên tích cực hơn trong

việc tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể trong sạch, vững mạnh. Qua tổng kết việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở đã có nhiều đơn vị và cá nhân thực hiện tốt, góp phần quan trọng trong việc phát triển cơ sở ổn định và phát triển như: Ban Dân vận, Ban Tổ chức, Mặt trận Tổ quốc huyện, Phòng Nội vụ... và các xã như: Liêm Tiết, Thanh Thủy, Kiện Khê, Liêm Sơn, Liêm Tuyên, Liêm Thuận, Thanh Tâm,... Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: Một số cơ quan, đơn vị chưa nhận thức hết tầm quan trọng của việc thực hiện Quy chế dân chủ nên việc triển khai thực hiện còn mang tính hình thức, thiếu cụ thể; một số nơi thực hiện chưa tốt, chưa nghiêm, nhất là trong công khai tài chính, quản lý sử dụng đất đai;... một số cán bộ, công chức chưa thực sự đề cao trách nhiệm của mình trong việc tự phê bình và phê bình, ý thức thực hành tiết kiệm, đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực; một bộ phận nhân dân còn hạn chế về nhận thức quyền làm chủ của mình...

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, Hội đồng nhân dân các cấp không ngừng cải tiến chương trình hoạt động, đảm bảo dân chủ, công khai, phát huy trí tuệ tập thể, thực hiện tốt chức năng quyết định và giám sát. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân đã thể chế hoá nghị quyết của cấp uỷ Đảng, sát với thực tiễn địa phương. Tháng 5-2004, Hội đồng nhân dân phối hợp với các thành tố trong hệ thống chính trị tổ chức tốt cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội khoá XI, đại biểu Hội đồng nhân dân 3 cấp nhiệm kỳ 2004-2009, đảm bảo dân chủ và đúng luật. Hội đồng nhân dân thực hiện tốt chương trình giám sát, tiếp xúc cử tri. Trong năm 2005, Hội đồng nhân dân đã thực hiện chương trình giám sát đối với 24 các cơ quan, đơn vị; tổ chức 21 hội nghị tiếp xúc cử tri với các

đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân tỉnh và huyện. Các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, xã, thị trấn cũng thực hiện tốt kế hoạch tiếp xúc cử tri và tham dự đầy đủ các kỳ họp.

Công tác quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp đạt nhiều kết quả quan trọng. Thực hiện Nghị định 172 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân huyện đã bố trí sắp xếp lại 13 phòng, ban; cán bộ, công chức xã, thị trấn được sắp xếp bố trí theo Nghị định 121 của Chính phủ, trách nhiệm quyền hạn của từng tổ chức, cá nhân được nâng cao. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, cải tiến lề lối, tác phong làm việc, mở rộng dân chủ đi đôi với giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương được tăng cường. Chất lượng quản lý Nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá - xã hội, an ninh trật tự ngày càng được nâng cao.

Nhằm tăng cường hơn nữa mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết, phấn đấu thi đua xây dựng quê hương giàu mạnh, các cấp uỷ Đảng không ngừng chăm lo, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân chấp hành đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Mặt trận và các đoàn thể quần chúng đổi mới phương thức hoạt động linh hoạt, phong phú, hướng mạnh về cơ sở, cộng đồng dân cư và từng gia đình, triển khai hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của cấp uỷ, tích cực tham gia thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Mặt trận Tổ quốc tích cực thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư"; Hội Liên hiệp phụ nữ với cuộc vận động "Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc"; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ chí Minh với phong trào "Thanh niên

lập nghiệp", "Tuổi trẻ giữ nước", "Thi đua tình nguyện xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"; Hội Nông dân với phong trào "Nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi", "Giúp nhau xoá đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới"; Hội Cựu chiến binh với phong trào "Cựu chiến binh gương mẫu", "Giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ"... Các phong trào đã thu hút đông đảo đoàn viên, hội viên và quần chúng đồng tình ủng hộ, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Mặt trận và các đoàn thể tổ chức tốt các cuộc thi, hội thi, sinh hoạt câu lạc bộ, tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đẩy mạnh các hoạt động nhân đạo, từ thiện, đặc biệt là phong trào xoá đói giảm nghèo, xoá nhà tranh vách đất cho các hộ nghèo đạt kết tốt; quản lý tốt nguồn vốn cho hội viên vay với 47,3 tỷ đồng. Ngoài ra, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng còn tích cực phối hợp với chính quyền trong việc giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai, tôn giáo.

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXVI, các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đều đạt và vượt kế hoạch. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt khá; cơ cấu kinh tế dịch chuyển tích cực theo hướng giảm dần tỷ trọng nông, lâm nghiệp, thủy sản, tăng tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ; văn hoá - xã hội có nhiều chuyển biến tiến tích cực; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, công tác quốc phòng địa phương đạt kết quả tốt; công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể đạt được nhiều thành tích. Những thành tích đó tạo nên cơ sở vững chắc để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở địa phương, nhất là công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đã đạt được là cơ bản, công tác chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng bộ vẫn còn bộc lộ một số mặt hạn chế: tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa ngang tầm với tiềm năng của huyện; chuyển dịch cơ cấu kinh tế mặc dù có chuyển biến tích cực nhưng còn chậm; giá trị thu nhập lao động thấp; chất lượng hoạt động văn hoá - xã hội chưa cao; công tác xây dựng Đảng chưa đáp ứng kịp yêu cầu của sự nghiệp đổi mới; một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu; một số tổ chức cơ sở đảng chưa phát huy tốt vai trò lãnh đạo; công tác dân vận còn nặng tính hình thức, việc tập hợp quần chúng chưa đi vào chiều sâu... Những yếu kém đó được Đảng bộ nghiêm túc rút kinh nghiệm, từ đó hoàn thiện hơn công tác lãnh đạo trong nhiệm kỳ sau.

Thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW của Bộ Chính trị về tổ chức đại hội các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, ngày 27-10-2005, Đảng bộ huyện Thanh Liêm tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ XXVII, nhiệm kỳ 2005-2010.

Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, cả những thành tựu và tồn tại của nhiệm kỳ XXVI, căn cứ vào tình hình mới và quán triệt đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu chung đến năm 2010. Về phương hướng chung, Đại hội nhấn mạnh: Quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng: phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, phát triển văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội. Tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới và cuộc vận động xây dựng chính đồn đảng; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Khai thác có hiệu quả mọi tiềm năng thế mạnh của huyện; đặc biệt là vùng kinh tế Tây sông Đáy. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề.

Tiếp tục phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng sản xuất hàng hoá, trên cơ sở đảm bảo an ninh lương thực. Tiếp tục phát triển kinh tế trang trại và kinh tế hộ gia đình, nâng cao giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích canh tác. Phấn đấu đến năm 2010, cơ cấu kinh tế của huyện chuyển dịch theo hướng tăng mạnh tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ thương mại. Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, gắn phát triển kinh tế với giải quyết tốt các vấn đề xã hội. Xây dựng đời sống văn hoá, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực, giải quyết tốt việc làm, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, giảm tỷ lệ hộ nghèo, người nghèo, bảo vệ môi trường sinh thái. Xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể thật sự trong sạch vững mạnh. Xây dựng huyện giàu về kinh tế, đẹp về lối sống văn hoá, mạnh về quốc phòng an ninh, vững bước cùng cả nước đi vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2010 được Đại hội xác định: Tốc độ tăng trưởng kinh tế từ 13 - 14%/năm. GDP bình quân đến năm 2010 đạt 8 triệu đồng/người. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế đến năm 2010: công nghiệp - xây dựng 46%, dịch vụ 30%, nông, lâm nghiệp, thủy sản 24%. Tốc độ tăng trưởng bình quân: giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản từ 4 - 4,5%, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng 20%/năm, dịch vụ tăng 15%/năm. Tổng sản lượng lương thực có hạt bình quân 75.400 tấn/năm. Giá trị sản xuất canh tác đạt 40 triệu đồng/1ha/năm. Giá trị xuất khẩu đạt bình quân 10 triệu USD/năm. Thu ngân sách tăng bình quân từ 13 - 14%/năm. Số lao động được giải quyết việc làm mỗi năm trên 3.000 người. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên bình quân hàng năm dưới 1%. Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2010 còn 6%. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đến năm 2010 giảm xuống còn 18%. Tỷ lệ hộ dùng

nước hợp vệ sinh đến năm 2010 đạt trên 85%. Số tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh từ 80 - 85%/năm.

Để thực hiện đúng phương hướng và đạt được những mục tiêu đề ra, không chỉ cần đến sự quyết tâm của Đảng bộ và nhân dân trong huyện mà điều quan trọng là cần phải xây dựng được những giải pháp đồng bộ, khoa học, mang tính thực tiễn cao. Đại hội đã dành nhiều thời gian để thảo luận và thống nhất cao về các nhóm giải pháp lớn:

Nhóm giải pháp về phát triển kinh tế: Một là, tập trung quy hoạch đầu tư, xây dựng phát triển 2 vùng kinh tế Tây Đáy và Đông Đáy¹, trong đó vùng phía Tây Đáy là hướng đột phá trong tăng trưởng kinh tế. *Hai là*, tiếp tục đẩy mạnh phát triển các ngành nghề. Đối với công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng: tiếp tục xây dựng cụm Tiểu thủ công nghiệp - làng nghề tại xã Thanh Lưu, Thanh Hà, cụm Tiểu thủ công nghiệp của huyện tại xã Thanh Hải; xây dựng khu Công nghiệp Thanh Liêm; mở rộng các mặt hàng mới, nghề mới, trọng tâm là các sản phẩm từ đá, thêu ren, may mặc xuất khẩu. Đối với sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản: tiếp tục chuyển dịch cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ, áp dụng khoa học - kỹ thuật thâm canh tăng năng suất cây trồng; chuyển mạnh sang sản xuất hàng hoá phục vụ nội địa và

¹ *Vùng Tây Đáy*: Tập trung khai thác thế mạnh về công nghiệp khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng và kinh tế đồi rừng, chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch. Đến năm 2010, phần đầu tỷ trọng của vùng chiếm từ 60-70% GDP của huyện.

Vùng Đông Đáy: Ưu tiên đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp thâm canh - xây dựng trang trại, áp dụng mô hình sản xuất hàng hoá nông nghiệp, thủy sản và chăn nuôi; phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp làng nghề và dịch vụ thương mại.

xuất khẩu; tăng nhanh diện tích lúa lai; xây dựng và nhân rộng mô hình cánh đồng, hộ nông dân đạt giá trị 50 triệu đồng/ha/năm ở tất cả các xã, thị trấn; tiếp tục thực hiện mô hình đa canh lúa - cá; cải tạo vườn tạp thành vườn cây ăn quả; mở rộng diện tích cây vụ đông với các loại cây có giá trị kinh tế cao; tiếp tục chăm sóc, bảo vệ và trồng rừng, đảm bảo đến năm 2010 độ che phủ đạt 25-27%; phát triển đàn gia súc, gia cầm theo hướng trang trại, tiếp tục phát triển đàn bò sữa, đưa ngành chăn nuôi, nuôi trồng thuỷ sản chiếm tỷ trọng cao trong ngành nông nghiệp; tập trung làm tốt công tác thuỷ lợi nội đồng, nạo vét kênh mương, tu bổ hệ thống đê kè, cống, chủ động các phương án phòng chống bão lụt. Tập trung khai thác thế mạnh dịch vụ bằng cách tăng mức luân chuyển hàng hoá trên địa bàn, nâng cấp chợ nông thôn, đầu tư xây dựng chợ mới; xây dựng trung tâm dịch vụ thương mại tại khu dân cư huyện lỵ; phát triển bưu chính viễn thông, xây dựng thêm các điểm Bưu điện; khuyến khích phát triển các ngành nghề dịch vụ đảm bảo hoạt động theo đúng pháp luật; tạo điều kiện thu hút đầu tư xây dựng các tuyến du lịch, đẩy mạnh khai thác các điểm du lịch văn hoá lịch sử, du lịch sinh thái trên địa bàn huyện.

Nhóm giải pháp phát triển văn hoá - xã hội: Tiếp tục thực hiện tốt các nghị quyết của Trung ương và của tỉnh về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Làm tốt công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao chất lượng hoạt động của nhà văn hoá thôn. Thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu là xây dựng tư tưởng, đạo đức, lối sống và đời sống văn hoá lành mạnh trong toàn huyện. Đẩy mạnh giáo dục - đào tạo, nâng cao dân trí, bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài. Phát triển phong trào thể dục thể thao, chăm lo sức khoẻ nhân dân, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ người dân. Giải quyết kịp thời mọi chế

độ xã hội cho các đối tượng chính sách. Thực hiện tốt các dự án giải quyết việc làm, chương trình dạy nghề, xuất khẩu lao động, phân đấu bình quân mỗi năm thêm 3.000 người có việc làm.

Nhóm giải pháp về quốc phòng - an ninh, nội chính: Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững an ninh chính trị, an ninh văn hoá, kinh tế, tôn giáo và trật tự an toàn xã hội. Duy trì nề nếp và nâng cao chất lượng công tác tiếp dân. Thực hiện cải cách hành chính, sắp xếp đội ngũ cán bộ công chức của huyện, cán bộ chuyên trách xã, thị trấn theo hướng gọn nhẹ, chất lượng, hiệu quả.

Nhóm giải pháp về tăng cường năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng: Nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ, lấy chất lượng hiệu quả công việc làm thước đo đánh giá và sắp xếp tổ chức bộ máy đội ngũ cán bộ. Xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh. Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng. Coi trọng giáo dục lý tưởng cách mạng, chủ nghĩa yêu nước, tinh thần quyết tâm xây dựng huyện thành đơn vị vững mạnh toàn diện.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khoá XXVII gồm 31 đồng chí, trong đó Ban Thường vụ có 9 đồng chí. Đồng chí Hoàng Nam được bầu giữ chức vụ Bí thư Huyện uỷ, đồng chí Phạm Văn Đồng được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Nguyễn Đức Hiền được bầu giữ chức vụ Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện¹.

¹ Tháng 12-2006, đồng chí Hoàng Nam được điều động lên tỉnh giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh uỷ, đồng chí Trịnh Văn Thực được tỉnh điều động về giữ chức vụ Bí thư Huyện uỷ Thanh Liêm.

Bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XXVII, Thanh Liêm có nhiều thuận lợi căn bản: công cuộc đổi mới của đất nước nói chung và của huyện Thanh Liêm nói riêng đã giành được nhiều thành tựu quan trọng, tạo thêm niềm tin và động lực phát triển cho địa phương. Được rèn luyện, thử thách qua hai thập kỷ đổi mới đã tích lũy những kinh nghiệm tốt để Đảng bộ và nhân dân huyện Thanh Liêm vượt qua những khó khăn trong chặng đường phát triển tiếp theo. Ban Chấp hành Đảng bộ quyết tâm phát huy hơn nữa những thành tựu đã đạt được, tăng cường khối đại đoàn kết, phấn đấu giành nhiều thành tích cao hơn, toàn diện hơn, xây dựng quê hương Thanh Liêm giàu mạnh, văn minh, vững bước trên con đường đổi mới.

Năm năm đầu của thế kỷ XXI (2001-2005), trên con đường công nghiệp hóa - hiện đại hóa quê hương, Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm đã đoàn kết phấn đấu đạt được nhiều thành công to lớn. Đó là sự chuyển biến rõ rệt về kinh tế - xã hội theo hướng tích cực xuất phát từ hiệu quả của chương trình chuyển đổi ruộng đất, đặc biệt là việc thực hiện tinh thần Nghị quyết số 03 của Tỉnh ủy về chuyển dịch cơ cấu kinh tế; Nghị quyết số 08 về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Trên đà thắng lợi về kinh tế, Đảng bộ đã quyết định triển khai Dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Đáy. Đây không chỉ đơn thuần là một chiến lược phát triển kinh tế, khai thác mọi tiềm năng của vùng đồi núi mà còn mang mục tiêu đầy tính nhân văn, đó là phát triển văn hoá - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân vùng Tây Đáy. Xét cho đến cùng, mọi chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ Thanh Liêm đều hướng đến tiêu chí vì con người. Bên cạnh đó, công tác xây dựng Đảng, chính quyền,

đoàn thể không ngừng được đổi mới và nâng cao nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu của tình hình mới... Mặc dù còn nhiều khó khăn, thử thách, nhưng những thành tựu mà Đảng bộ đạt được trong các chặng đường đã qua cho thấy con đường đi lên xây dựng quê hương Thanh Liêm là đúng hướng và rất tích cực. Với bản lĩnh chính trị vững vàng, năng động, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo, Đảng bộ huyện sẽ cùng với nhân dân Thanh Liêm viết tiếp những trang sử cách mạng vẻ vang của mình bằng những thành tựu ngày càng to lớn hơn, rực rỡ hơn.



Đại hội Đảng bộ huyện Thanh Liêm lần thứ XXII (9/1986).



Đại hội Đảng bộ huyện Thanh Liêm lần thứ XXVI (10/2000).



Công ty cổ phần xi măng Hoàng Long - xã Thanh Nghị
khởi công xây dựng năm 2003 (ảnh chụp năm 2005).



Làng nghề thêu ren An Hòa - xã Thanh Hà (ảnh chụp năm 2000).



Đền liệt sỹ huyện Thanh Liêm xây dựng năm 2003
(ảnh chụp năm 2004).



Trụ sở Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Thanh Liêm,
xây dựng năm 1996 (ảnh chụp năm 2005).

KẾT LUẬN

Chặng đường hơn bảy mươi năm cùng nhân dân cả nước tiến bước qua các thời kỳ cách mạng đầy thăng trầm, sóng gió, Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm đã giành được những thành tựu to lớn. Thành tựu đó được bồi đắp qua từng giai đoạn cách mạng, là kết quả của quá trình phát triển liên tục, dù có những khúc gấp, khúc quanh song mạch chủ đạo vẫn là xu thế đi lên. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Thanh Liêm vùng lên thoát khỏi kiếp nô lệ, làm chủ cuộc đời, làm chủ quê hương. Những giá trị trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc tiếp tục được chuyển hoá thành kinh nghiệm, thành sức mạnh trong sự nghiệp xây dựng quê hương, để nhân dân Thanh Liêm vĩnh viễn thoát khỏi nạn "chiêm khê, mùa thôi", chiến thắng đói nghèo. Giá trị tiếp nối giá trị khi Thanh Liêm chuyển từ cơ chế kế hoạch hoá, tập trung, bao cấp sang cơ chế thị trường, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần; chuyển hóa tiềm năng và nội lực của địa phương để kết nối với nguồn ngoại lực trong quá trình phát triển; chuyển hóa những giá trị văn hóa truyền thống, bản sắc vùng đồng chiêm trũng với những lễ hội rộn ràng, tinh thần thượng võ vào thời kỳ hội nhập. Đó là nền tảng để Thanh Liêm tiếp tục tiếp thu những giá trị mới, hiện đại.

Trong hơn bảy thập niên qua, những thắng lợi của Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm là kết quả của sự giằng co, đấu tranh giữa cái mới, tiên tiến với sự trì trệ, tư tưởng bảo thủ, ngại thay đổi vốn đã ăn sâu bén rễ. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ, Thanh Liêm luôn có hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện; hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch tuyển gọi thanh

niên nhập ngũ; là địa phương luôn giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, quốc phòng vững chắc; có lực lượng vũ trang nhân dân anh hùng; là địa bàn có truyền thống đoàn kết, nhất là đoàn kết tôn giáo... Những thành quả ấy đã thấm thấu vào năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ; vào nếp nghĩ, lối ứng xử của nhân dân; đã chuyển hoá vào chất lượng cuộc sống mà mỗi người dân đang được thụ hưởng; chuyển hoá thành đặc trưng văn hoá và những giá trị truyền thống đang được gìn giữ, phát huy bền vững, lâu dài. Có thể khái quát những thành tựu, những dấu mốc lớn trong gần tám thập kỷ qua ở Thanh Liêm trên những mặt cơ bản sau đây:

Những thành công nổi tiếp cho đến thắng lợi cuối cùng trong đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc. Từ những năm 1930 của thế kỷ XX, đi theo tiếng gọi của Đảng, nhân dân Thanh Liêm một lòng tin tưởng, bảo vệ, chở che các cơ sở cách mạng, để rồi cùng với nhân dân cả nước vùng lên tiến hành cuộc khởi nghĩa long trời lở đất, đập tan ách thực dân phong kiến để sống một cuộc đời mới, trở thành những con người mới, công dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, lúc là vùng tự do, khi là khu vực tạm chiếm, nhân dân Thanh Liêm vẫn vững vàng chiến đấu, sản xuất, góp công cùng quân và dân cả nước đánh Pháp đến thắng lợi cuối cùng. Hoà bình lập lại, Thanh Liêm vừa xây dựng quê hương, vừa hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chi viện tối đa sức người, sức của cho chiến trường và chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Để lãnh đạo phong trào cách mạng đi đến thành công, Đảng bộ luôn quan tâm tập hợp và đoàn kết nhân dân, đề cao và phát huy sức mạnh của nhân dân. Sức mạnh vô tận và vô địch của nhân dân là xuất phát điểm của cao trào "phá kho thóc Nhật"

cứu đói cho hàng vạn dân; đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế đồng thời phá tề, trừ gian trong điều kiện bị địch chiếm đóng; chuyển hướng chỉ đạo từ thời bình sang thời chiến, kịp thời hạn chế thiệt hại về con người; thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội...

Những thành tựu vượt bậc trong phát triển kinh tế. Từ một huyện thiếu đói triền miên bởi mùa màng thất bát, đất đai trũng ngập, chưa mưa đã úng, chưa nắng đã hạn, Đảng bộ phải thường trực với nỗi lo chống đói cho dân, nhưng với những nỗ lực không ngưng nghỉ của Đảng bộ và nhân dân trong huyện trong công tác thủy lợi nên Thanh Liêm từng bước thoát khỏi cảnh thường xuyên mất mùa, diện tích lúa "ăn chắc" đã đạt gần 80%. Đó là sức bật, tạo đà cho cuộc cách mạng về cơ giới hoá, về giống cây, con, về chuyển đổi mùa vụ... Để đến nay, dù trước mắt còn nhiều khó khăn, nhu cầu cuộc sống ngày càng tăng, thì với người dân Thanh Liêm, những chuyển biến trên quê hương mà họ đang chứng kiến, những điều kiện vật chất mà họ đang thụ hưởng, là điều nằm ngoài sự tưởng tượng. Trên nền tảng kinh tế - xã hội khá phát triển là cơ sở vững chắc để Đảng bộ định hình hướng phát triển chiến lược, vươn xa hơn, cao hơn, đồng bộ hơn theo hướng văn minh, hiện đại.

Đối với Đảng bộ, để có được thành tựu này là sự chuyển biến liên tục trong sự vận động của cơ chế, chính sách. Từ lối sản xuất cá thể, nhỏ lẻ tiến lên xây dựng hợp tác xã, từ nếp nghĩ, cách làm xơ cứng của thời kỳ bao cấp sang tư duy năng động, sáng tạo gắn với cơ chế thị trường. Đó là quá trình thích ứng nhanh chóng, phù hợp, đón trước được xu hướng để chuyển hướng lãnh đạo. Cơ chế quản lý kinh tế mới được xác lập trong tư duy của Đảng

bộ mang tính tiệm tiến, với quá trình phát triển từ thấp lên đến cao, bắt đầu từ nông nghiệp; từ những vấn đề cơ bản của khai thác tiềm năng, thế mạnh từng đồng đất, từng cây con. Sự định hình tư duy quản lý kinh tế mới không phải là sự thực thi một cách máy móc các chủ trương chung về "cho sản xuất bung ra", "khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động" (khoán 100), "khoán 10", "chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá", mà thực sự là quá trình *thực tiễn hoá* những chủ trương chung vào điều kiện cụ thể của đồng đất, thổ nhưỡng, sinh quyển, khí hậu, thủy văn, tập quán cư dân,... Là quá trình hàm chứa vô vàn những yếu tố nội sinh và ngoại sinh chi phối, nếu thiếu những sáng tạo về tư duy kinh tế, thiếu những cách làm linh hoạt, uyển chuyển và quyết tâm cao,... rất dễ dẫn tới thất bại. Cơ chế quản lý kinh tế mới đã tìm được động lực cách mạng từ quần chúng, phát lộ những tiềm năng, sức mạnh vốn bị che khuất bấy lâu trong cơ chế cũ, khơi nguồn cho sự phát tán và lan toả các giá trị văn hoá truyền thống.

Thành tựu về kinh tế còn thể hiện ở sự chuyển dịch về cơ cấu theo hướng tích cực gồm cơ cấu kinh tế ngành, cơ cấu thành phần và cơ cấu vùng. Cơ cấu kinh tế được dịch chuyển theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá với sự gia tăng tỷ lệ công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, tiêu thủ công nghiệp trong GDP, với những chuyển dịch cơ cấu ngay trong nội ngành, với những gia tăng tỷ lệ cơ cấu nông sản có giá trị thương phẩm. Kinh tế nhiều thành phần được thừa nhận, phát huy mạnh mẽ vai trò trong giải phóng sức sản xuất, khai thác các tiềm năng, thế mạnh của Thanh Liêm. Điều đó không chỉ mở ra khả năng xoá đói giảm nghèo, nâng cao đời sống của đại bộ phận nhân dân, mà còn xuất hiện những nhân tố mới có khả năng cấu trúc lại nền sản xuất theo cung cách mới

của mô hình trang trại, gia trại, doanh nghiệp, công ty cổ phần,... để tạo ra khả năng cạnh tranh lớn hơn, cho phép áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật tốt hơn và đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Cơ cấu vùng được quy hoạch và dành được sự quan tâm lãnh đạo của Đảng bộ, vì nó quyết định đến phát huy các nguồn lực tự nhiên, con người và hoá giải những khó khăn, thách thức đối với đời sống con người. Qua nhiều thập niên tìm tòi, mỗi vùng kinh tế trên địa bàn huyện đã tìm được hướng đi phù hợp, nhiều vùng trước đây còn là tiềm năng thì nay phát lộ và bắt đầu vượt lên trên những vùng kinh tế khác như Tây Đáy. Điều đó tạo ra khả năng tương hỗ của toàn bộ nền kinh tế để tất cả cùng chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Những chuyển biến quan trọng của văn hoá, giáo dục, y tế, thể dục - thể thao. Phong trào xây dựng làng văn hoá, gia đình văn hoá phát triển sâu rộng trong huyện, vừa bảo tồn, phát huy các giá trị, bản sắc truyền thống tốt đẹp và đặc trưng văn hóa của địa phương đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa tiến bộ và hiện đại của các dân tộc trên thế giới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Đặc trưng văn hoá của quê hương như truyền thống "khoa bảng", hiếu học, tinh thần thượng võ, yêu nước, bản chất cần cù, sáng tạo trong lao động... được phát huy lên một trình độ mới để tạo nên xung lực mới. Không chỉ biểu hiện ở bề nổi qua số lượng các xóm làng, gia đình được công nhận tiêu chuẩn "văn hoá" mà quan trọng hơn là sự chuyển hoá các giá trị văn hoá đó thành ý thức tự giác của mỗi người dân Thanh Liêm về bút phá thoát khỏi đói nghèo, làm giàu chính đáng, nâng cao năng lực làm chủ tri thức, ý chí đấu tranh với những trở lực trên con đường đi tới. Các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế có những bước phát triển mới gắn với

hàng loạt chủ trương như: xã hội hoá giáo dục, mở rộng y tế cộng đồng, phát triển thể thao quần chúng kết hợp với thể thao nâng cao,... Kết quả đó có tác động tích cực đến nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, cải thiện chất lượng nguồn nhân lực để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá¹.

Giải quyết thành công nhiều mục tiêu xã hội, mà bao trùm lên trên hết là nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế, đời sống của nhân dân đã có những cải thiện rất căn bản từ nhu cầu về ăn, mặc, ở, đi lại, học hành. Các vấn đề xã hội đã được lồng ghép, giải quyết trong mục tiêu kinh tế, nổi bật là kết quả của xoá đói giảm nghèo. Các chính sách đền ơn đáp nghĩa, hậu phương quân đội, lao động và việc làm, an sinh xã hội và an toàn xã hội,... có nhiều tiến bộ vượt bậc. Đặt trong bối cảnh một huyện vốn còn mông về tiềm lực kinh tế nhưng có số lượng lớn đối tượng chính sách, thì những chính sách xã hội được thực thi tốt có ý nghĩa vô cùng quan trọng, thể hiện sự quan tâm đặc biệt của cả hệ thống chính trị cũng như những cố gắng to lớn của quần chúng nhân dân.

Thực tiễn từ nhiều địa phương khác cho thấy, sự phát triển kinh tế không phải lúc nào cũng đồng hành với phát triển văn hóa, với tiến bộ và công bằng xã hội. Với Thanh Liêm, cùng với việc tập trung phát triển kinh tế, Đảng bộ sớm quan tâm đúng mức đến vấn đề văn hóa, xã hội, đến chiến lược con người; gắn kết kinh tế với văn hóa - xã hội, chuyển hóa những thành tựu

¹ Đến 2008, toàn huyện có 784 gia đình có 2 thế hệ học đại học, 2490 gia đình có một con học đại học, 1311 gia đình có 2 con học đại học trở lên; 5399 người có học vấn trên đại học, trong đó có 155 phó tiến sỹ, 63 tiến sỹ, 7 phó giáo sư tiến sỹ, 118 cao học.

kinh tế vào đời sống văn hóa - xã hội, phát huy những giá trị văn hóa, sự ổn định xã hội vào công cuộc phát triển kinh tế. Đó là động lực khởi phát chương trình khai phá đồi nương từ những năm 1960, một chương trình không chỉ vì mục tiêu kinh tế, mà sâu xa hơn là để miền núi tiến kịp miền xuôi, để sự đủ đầy của đời sống dân sinh đến được với mọi người dân, mọi vùng của huyện. Đó là vấn đề giải quyết việc làm cho lao động dôi dư ở các khu công nghiệp mới được xây dựng. Sự thành công của chương trình xoá đói, giảm nghèo trở thành sự gắn bó giữa phát triển kinh tế với đảm bảo hài hoà các vấn đề xã hội, là bí quyết đưa đến sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, xây dựng một xã hội công bằng, đời sống văn minh ngày nay ở Thanh Liêm.

Không ngừng tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, làm thất bại mọi âm mưu chống phá trên địa bàn huyện, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Từ lực lượng vũ trang nhỏ bé những ngày đầu cách mạng đến lực lượng bộ đội địa phương luôn đảm bảo bổ sung cho chiến trường, những đội dân quân du kích được trang bị và có khả năng chiến đấu không hề thua kém lực lượng chính quy. Từ "pháo đài cấp huyện" đến những chủ trương xây dựng khu vực phòng thủ chiến lược những năm đổi mới, Thanh Liêm đều giành được những thành tích xuất sắc. Các lực lượng vũ trang, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ, dự bị động viên,... được quan tâm chăm lo, xây dựng củng cố, phối hợp tốt với bộ đội chính quy trong huấn luyện, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu. Cuộc diễn tập HN 99 thành công gây được tiếng vang lớn trong tỉnh là một ví dụ. Lực lượng công an nhân dân và thể trận an ninh nhân dân được củng cố trở thành nhân tố quyết định đảm bảo giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

trên địa bàn huyện, đảm bảo công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế diễn ra thuận lợi. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc trở thành một chỗ dựa vững chắc trong thiết lập trật tự trị an nông thôn. Từ phát hiện của quần chúng nhân dân đối với những kẻ tình nghi, những người lạ mặt xuất hiện trên địa bàn trong thời chiến đến phong trào chống trộm cắp, chống gây rối trong thời bình đã hỗ trợ đắc lực cho các ngành, các cấp thực thi luật pháp, làm gắn kết hơn mối liên kết giữa quần chúng và chính quyền, với lực lượng vũ trang. Đặc biệt, phong trào "thôn xóm bình yên, gia đình hoà thuận" là phong trào điển hình của Thanh Liêm.

Hệ thống chính trị từ huyện đến xã không ngừng được xây dựng củng cố, phát triển vững mạnh toàn diện. Kể từ khi chế độ mới ra đời, cùng sự vận động của cách mạng, hệ thống chính trị không ngừng được xây dựng củng cố để kịp thời thích ứng với sự lãnh đạo trong điều kiện luôn thay đổi. Trong những năm kháng chiến, hệ thống chính trị được xây dựng phù hợp, đan xen giữa vùng tự do và vùng địch hậu, tranh chấp quyết liệt giữa một bên là Đảng, chính quyền cách mạng, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng của ta, với một bên là bộ máy tề nguỵ của địch, nhưng trong mọi hoàn cảnh, hệ thống chính trị cách mạng vẫn đứng vững trong nhân dân, bảo đảm lãnh đạo và tổ chức thực hiện thành công cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện. Hoà bình lập lại, hệ thống chính trị được củng cố toàn diện, thực sự là trụ cột của phong trào cách mạng, của toàn thể nhân dân, trong điều kiện hoà bình cũng như khi đế quốc Mỹ đánh phá quyết liệt, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội trên quê hương, vừa chống chiến tranh phá hoại, đồng thời chi viện cao độ cho chiến trường. Cùng cả nước xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nhất là từ khi thực hiện công cuộc đổi mới, chuyển cơ chế kế hoạch hoá tập trung

quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường, sự vận hành của hệ thống chính trị không những đáp ứng được sự thay đổi mà đã đi trước một bước: Cải cách, đổi mới phương thức hoạt động, tạo ra năng lực lãnh đạo cao hơn, điều hành quản lý năng động hơn, phát huy quyền dân chủ nhân dân rộng mở hơn. Đến nay, mối quan hệ giữa các thành tố của hệ thống chính trị, giữa cấp huyện với cấp xã đã được xử lý hài hoà theo hướng làm rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, chức trách của từng thành tố, từng cấp, đồng thời phối kết hợp chặt chẽ, tạo nên sức mạnh tổng hợp của toàn hệ thống trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Những kết quả tích cực của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Ngay từ những ngày còn hoạt động bí mật, lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền, Đảng bộ Thanh Liêm coi công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Sau ngày đất nước thống nhất, nhận thức vấn đề mang tính quyết định đến năng lực lãnh đạo, Đại hội Đảng bộ Thanh Liêm qua các nhiệm kỳ đều nhấn mạnh đến yêu cầu, nhiệm vụ và đề ra các biện pháp xây dựng Đảng. Trong thời kỳ đổi mới, với mỗi bước chuyển biến của cách mạng, Đảng bộ huyện đều coi trọng xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nhất là gắn với các cuộc vận động thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII), thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hiện Nghị quyết Trung ương sáu lần 2 (khoá VIII). Nhờ coi trọng công tác xây dựng Đảng mà năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ được tăng cường, bảo đảm vai trò lãnh đạo của mình trên địa bàn. Huyện phải thường xuyên đối mặt với khó khăn của lũ lụt, thiên tai, của trình độ kinh tế thấp kém mà nhu cầu đòi hỏi phải tăng tốc, của nhiều vấn nạn xã hội nảy sinh trong quá trình chuyển biến của đời sống kinh tế - xã hội, của những rào cản tư duy cũ không còn phù hợp với thời kỳ kinh tế

thị trường và hội nhập mà chưa dễ gì đoạn tuyệt. Có thể nói, những thành tựu đạt được trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh đều gắn liền với vai trò, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Nhìn lại chặng đường hơn bảy thập kỷ xây dựng và phát triển, với những kết quả đã đạt được trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và cả những yếu kém, thiếu sót còn tồn tại, Đảng bộ đã rút ra những bài học kinh nghiệm chủ yếu sau:

Một là: Phải nắm vững và vận dụng sáng tạo các chủ trương, đường lối của Đảng, các Nghị quyết của Tỉnh uỷ vào điều kiện thực tế địa phương để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn cách mạng, khơi dậy những tiềm năng sáng tạo của địa phương.

Ở từng giai đoạn lịch sử, trước mỗi nhiệm vụ cách mạng, tùy theo hoàn cảnh cụ thể, Đảng ta có những chỉ thị, nghị quyết chỉ đạo phong trào chung trong cả nước. Mỗi Đảng bộ phải có trách nhiệm quán triệt nghiêm túc, vận dụng sáng tạo, linh hoạt đường lối, chính sách của Đảng phù hợp với điều kiện thực tế địa phương. Nhận thức rõ điều đó, không chỉ trong những năm kháng chiến trước đây, mà cả trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ Thanh Liêm đã vận dụng sáng tạo các quan điểm, đường lối của Đảng để lãnh đạo nhân dân tiến hành thắng lợi công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế, củng cố quan hệ sản xuất mới ở địa phương, thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, tham gia bảo vệ Tổ quốc. Đặt vào cấp độ lãnh đạo của Đảng bộ cấp huyện, *quán triệt* là yêu cầu trước hết đảm bảo sự thành công trong lãnh đạo trên tất cả các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức,

là cơ sở để vận dụng sáng tạo. Dĩ nhiên, đó không phải là sự quán triệt thụ động, máy móc, mà là sự nghiên cứu nghiêm túc những quan điểm, những định hướng lớn, đối chiếu so sánh với thực tiễn, lấy thực tiễn địa phương để nhận thức sáng rõ thêm lý luận. Cùng với quán triệt là phải vận dụng sáng tạo, đúng đắn, phù hợp tình hình thực tế, đảm bảo mỗi chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh phải được địa phương hoá. Có như vậy mới làm cho đường lối của Đảng có sức sống lâu bền, có khả năng thâm nhập thực tiễn và có giá trị cải tạo thực tiễn. Từ thực tiễn cách mạng của Thanh Liêm trong gần tám thập kỷ qua đã khẳng định, nếu không có sự vận dụng sáng tạo, đúng đắn thì không thể có những thắng lợi rực rỡ trong đấu tranh giành chính quyền, trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, trong phong trào hợp tác hoá, phong trào thủy lợi, quy hoạch phát triển vùng, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi... Trong mọi phong trào, Đảng bộ luôn đứng tại mảnh đất của chính mình, xuất phát từ lợi thế so sánh của địa phương mình để tìm tòi suy nghĩ, vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của cấp trên. Rồi chính trong quá trình *địa phương hoá* mỗi chủ trương, nghị quyết mà kiểm nghiệm lý luận bằng thực tiễn. Bởi không hẳn mọi nghị quyết của Trung ương, của tỉnh đã hoàn thiện ngay từ khi mới ban hành, luôn cần được bổ sung, hoàn thiện dần theo thời gian. Ở đó, những phản hồi từ cấp huyện và cơ sở có tầm quan trọng đặc biệt. Thực tiễn quá trình triển khai, thực hiện nhiều chủ trương, nghị quyết của Thanh Liêm đã bổ sung thêm những nhận thức mới cho Tỉnh uỷ Hà Nam về lãnh đạo phát triển thủy lợi kết hợp giao thông nông thôn, lãnh đạo theo tình huống, về chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo đồng đất, phát triển cây màu, phát triển kinh tế gia đình VAC, hướng gia tăng giá trị trên mỗi diện tích gieo trồng, cơ cấu vùng kinh tế.

Thực tế cho thấy, trong quá trình triển khai nếu thiếu sự vận dụng sáng tạo, thì việc chỉ đạo thực hiện sẽ xơ cứng, không phát huy được cao nhất tiềm năng, lợi thế của địa phương. Ngược lại, khi đường lối của Đảng, nghị quyết của Tỉnh uỷ được đưa xuống cơ sở thông qua việc tiếp thu và vận dụng sáng tạo của Đảng bộ thì đều nhanh chóng đi vào cuộc sống, tạo được chuyển biến mạnh mẽ, thực chất. Việc quy hoạch và chỉ đạo khai phá vùng đồi núi những năm 1960, tiếp đó là chương trình di dân lên vùng kinh tế mới nội địa, chọn mũi đột phá là khâu thuỷ lợi, cơ giới hoá nông nghiệp, đổi mới cơ cấu cây, con, mùa vụ, cơ cấu vùng kinh tế, phát triển kinh tế vùng Tây Đáy, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá... là những minh chứng điển hình cho tinh thần chủ động, sáng tạo của Đảng bộ trong quán triệt, cụ thể hoá đường lối của Đảng vào thực tiễn địa phương.

Khi đã có nghị quyết, chủ trương đúng, vấn đề quyết định thành công là khâu tổ chức thực hiện bằng những mô hình, công cụ, biện pháp, bước đi phù hợp. Quan tâm đến công tác tư tưởng để tạo sự đồng thuận từ trước khi triển khai và thường xuyên kiểm tra, kịp thời điều chỉnh biện pháp, đúc rút kinh nghiệm. Tiêu biểu là Dự án vùng Tây Đáy không phải đến những năm đầu của thế kỷ XXI mới được lập mà từ hàng chục năm trước đây, đã được Đảng bộ chú ý. Nhưng qua mỗi giai đoạn, với điều kiện cơ chế, kinh tế, nhân lực, Đảng bộ có các biện pháp triển khai phù hợp, từ thấp đến cao. Ban đầu là tiến quân khai phá đồi nương, tiếp đó cuối những năm 1960 đẩy mạnh tập thể hoá vùng đồi. Khi đất đai đã thuộc tập thể, huyện thực hiện chương trình di dân lớn qua nhiều năm nhằm bổ sung nguồn lao động đủ sức khai phá vùng đồi. Những khu dân cư mới đầu tiên vừa sản xuất vừa tiến hành làm thuỷ lợi, giao thông, cơ bản hình thành hệ thống tưới

tiêu, các trục đường cơ giới. Tiếp đó đưa điện vào Tây Đáy những năm 1980 để điện khí hóa vùng đồi, từ chuyển dịch cơ cấu cây trồng đến phát triển kinh tế trang trại theo mô hình VACR, từ phát triển nông nghiệp tiến tới chú trọng công nghiệp và dịch vụ là những bước đi tiếp nối, liên tục, bền bỉ và đúng hướng...

Hai là: Xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh là nhân tố quyết định thắng lợi, không ngừng chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết toàn, phát huy tinh thần làm chủ, tính năng động, sáng tạo của quần chúng nhân dân để hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Đảng bộ luôn xác định muốn hoàn thành nhiệm vụ chính trị, không thể không đổi mới và nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng. Công việc này thậm chí phải đi trước một bước và tiến hành thường xuyên liên tục. Kinh nghiệm chỉ ra rằng nếu không có Đảng bộ vững mạnh, thống nhất tư tưởng và hành động, thì không thể củng cố niềm tin của nhân dân vượt qua khó khăn của thời kỳ bị địch khủng bố trắng, bị càn quét để lập tề, rồi những thăng trầm của khủng hoảng kinh tế - xã hội, đói kém lũ lụt triền miên những năm 1971, 1978; vượt qua những sự biến chính trị thế giới những năm 1989, 1990, 1991... Ngược lại, lòng tin và sự ủng hộ của nhân dân đối với Đảng chỉ được tăng cường khi họ thấy rõ sự cống hiến và được thụ hưởng những thành tựu kinh tế - xã hội nhờ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng bộ. Nếu kinh tế khó khăn, xã hội thiếu ổn định thì chẳng những là biểu hiện mà còn là nguyên nhân từ sự yếu kém của tổ chức đảng. Nhận thức sâu sắc bài học này, Đảng bộ luôn coi trọng xây dựng Đảng trên cả 3 mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức theo đường lối đổi mới của Trung ương Đảng. Các cấp ủy Đảng thường xuyên làm tốt

công tác tuyên truyền, giáo dục, tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập, thảo luận các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy và Huyện ủy. Huyện ủy thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng chính trị để nâng cao nhận thức, trau dồi phẩm chất đạo đức cách mạng; đưa sinh hoạt chi, đảng bộ vào nề nếp, đổi mới cả về nội dung và phương thức lãnh đạo. Hàng năm, Đảng bộ đều tiến hành bình xét những đơn vị trong sạch, vững mạnh để biểu dương, khen thưởng; đồng thời kiên quyết xử lý các tổ chức và cá nhân vi phạm kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đảng bộ luôn khẳng định được vai trò lãnh đạo, động viên nhân dân tham gia thực hiện thắng lợi các phong trào cách mạng ở địa phương.

Đề củng cố khối đoàn kết toàn dân trước hết phải củng cố sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, nhất là trong đội ngũ cán bộ chủ chốt. Đoàn kết chỉ có được khi mọi cán bộ, đảng viên biết chia sẻ, mạnh dạn phê bình và tiếp thu sự phê bình, tạo điều kiện cho nhau làm việc; bằng công việc để đoàn kết, quy tụ; qua thực tế công việc để gần gũi nhau hơn và củng cố khối đoàn kết. Sẽ không có đoàn kết bền vững trong hệ thống chính trị và trong toàn dân nếu chính trong đội ngũ cán bộ chủ chốt không đoàn kết. Và cũng không có đoàn kết lâu bền, vững chắc nếu không thẳng thắn, kể cả có những tranh luận. Vào những thời điểm nhạy cảm như chia tách, hợp nhất huyện, tổ chức thực hiện Khoán 100, Khoán 10, triển khai Luật đất đai, chuyển trụ sở huyện, chuyển đổi hợp tác xã... đã có những ý kiến trái chiều, nhưng Đảng bộ đã làm tốt công tác tư tưởng để mỗi đảng viên, mỗi người dân thông suốt, chung sức thực hiện nhiệm vụ chính trị của toàn Đảng bộ. Đề củng cố khối đoàn kết toàn dân gắn với địa bàn Thanh Liêm còn phải đặc biệt chú ý đến đoàn kết các tôn giáo,

đoàn kết giữa các nhóm cư dân cũ và mới, giữa vùng trong và vùng ngoài, vùng cao và vùng thấp; phải không ngừng tăng cường liên minh công nhân, nông dân và đội ngũ trí thức.

Xác định rõ "Sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp vĩ đại của quần chúng", Đảng bộ đã chăm lo, củng cố phát triển mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với quần chúng. Ở mỗi thời kỳ lịch sử cụ thể, các cấp ủy Đảng luôn đi sâu, đi sát cơ sở, lắng nghe ý kiến và tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của quần chúng, từ đó có biện pháp hợp lý, đem lại quyền lợi cho nhân dân. Vì vậy, dù phải trải qua những thời điểm lịch sử với nhiều biến cố, gian nan, thử thách nhưng Đảng bộ huyện Thanh Liêm vẫn vững vàng, duy trì được khối đoàn kết nhất trí cao. Sức mạnh của Đảng bắt nguồn từ sức mạnh của nhân dân, phải thực sự tin vào khả năng cách mạng to lớn của quần chúng, dám phát động và biết phát động quần chúng thì sẽ giải quyết được tất cả mọi khó khăn. Nhưng muốn như thế, đảng viên phải luôn là người nêu gương và dẫn đầu trong mọi phong trào, khi dân đã nghe, đã tin thì mọi gian khó sẽ bị đập bằng. Đó là bài học của việc "*xuất của nhà ra trước*" khi chiến trường kêu gọi. Luôn là huyện đi đầu trong tuyển quân, hầu hết cán bộ trong cấp ủy huyện và cơ sở đều xung phong đưa con em mình ra chiến trường, kể cả nữ chiến sĩ, cả những cấp ủy chỉ có một con trai. Để từ đó, việc được tuyển quân ra chiến trường thành niềm ao ước của mỗi thanh niên, niềm tự hào của mỗi gia đình Thanh Liêm. Có những bà mẹ đã bồi dưỡng cho con mình liền nhiều tháng để đủ chuẩn yêu cầu được lên đường. Đó là bài học của việc gác bỏ niềm riêng để lo việc chung, hy sinh lợi ích cục bộ cho đại cục trong chống bão lũ, khi nước trắng đồng không thể cứu cùng một lúc, đảng viên phải làm gương, không

chú ý khu vực của chi bộ mình, thôn mình trước mà phải vì cái chung, khoanh vùng cứu những ruộng cao, đấu thuỷ chống úng. Trong những trận lũ lịch sử như năm 1971, dân tin, dân theo để chấp nhận phương án xả lũ, chấp nhận mất trắng mùa vụ để cứu vãn những vùng ruộng cao hơn.

Đảng bộ huyện thường xuyên chăm lo củng cố và xây dựng chính quyền cấp huyện, cấp xã vững mạnh, thực sự là chính quyền "của dân, do dân và vì dân". Trong quá trình lãnh đạo, Đảng bộ huyện luôn quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhất là cán bộ cấp cơ sở. Qua đào tạo, trình độ, năng lực quản lý và điều hành của cán bộ chính quyền được nâng lên. Huyện uỷ luôn chú trọng nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước của UBND, vai trò giám sát, kiểm tra của Hội đồng nhân dân các cấp; xây dựng, củng cố quy chế làm việc, tăng cường vai trò quản lý, điều hành của chính quyền trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng. Quan tâm, làm rõ mối quan hệ Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, điều hành; làm rõ cơ chế giữa Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân; giữa huyện và xã; xã và trường thôn, trường khu. Hoạt động của chính quyền cần triệt để thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", phát huy vai trò chính quyền đi liền với các thiết chế tự quản, chủ động của cơ sở.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đã bám sát nhiệm vụ chính trị của huyện, động viên các tầng lớp nhân dân chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân; đẩy mạnh phong trào "Chính quyền giới toàn diện"; Đoàn Thanh niên với phong trào "Ba sẵn sàng" phát huy vai trò tiên phong trong xây

dựng và phát triển kinh tế, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong nông nghiệp; Hội Phụ nữ có phong trào "*Ba đảm đang*"; Mặt trận Tổ quốc đẩy mạnh phát động phong trào "*Ba giỏi*"; thiếu niên nhi đồng thi đua "*Làm nghìn việc tốt*"... Đảng bộ thường xuyên củng cố tổ chức, tập hợp, thu hút các lực lượng trong nhân dân tham gia sinh hoạt đảng; tôn trọng quyền làm chủ tập thể của quần chúng, đề quần chúng luôn là mục tiêu hướng tới trong mọi quyết sách của Đảng bộ, đồng thời cũng chính là động lực thực hiện những quyết sách đó.

Ba là: Thường xuyên quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ đủ về số lượng và không ngừng nâng cao năng lực, trình độ, đáp ứng yêu cầu cách mạng ở mọi thời kỳ.

Một trong những nguyên nhân chủ yếu đưa đến những thành quả của sự nghiệp cách mạng ở Thanh Liêm là nhờ có một đội ngũ cán bộ luôn trung thành tuyệt đối với Đảng, hết mình phấn đấu vì lợi ích của nhân dân, có tinh thần hy sinh, chịu đựng gian khổ, gần gũi với quần chúng, dám nghĩ dám làm. Những cán bộ "cùng ăn, cùng ở, cùng làm" với nhân dân, gương mẫu đi đầu làm gương cho đồng bào noi theo; những cán bộ tiên phong trong phong trào khai hoang phục hoá ở vùng đồi núi; những cán bộ xả thân cùng nhân dân chống lũ lụt; những cán bộ đi đầu trong xoá đói giảm nghèo, trong làm giàu bằng những mô hình mới;... đã góp thành hình tượng người cán bộ, đảng viên của Thanh Liêm, được nhân dân ghi nhận và noi theo.

Một đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, có năng lực trình độ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chỉ có thể có được qua một quá trình lâu dài, từ tạo nguồn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng hợp lý. Nói một cách khác, phải có một

chiến lược cán bộ đúng đắn của tập thể Ban Chấp hành Đảng bộ qua các thời kỳ, trong đó vai trò của Ban Thường vụ Huyện uỷ, của người đứng đầu cấp uỷ là rất quan trọng. Ngoài ra, việc tính toán hợp lý cơ cấu vùng miền, giới tính, luân chuyển cán bộ giữa các vùng, thu hút nhân tài, bảo đảm tính kế thừa, cũng được lưu ý, trên cơ sở lấy đạo đức, tài năng là tiêu chuẩn hàng đầu. Xuất phát từ đặc thù của huyện, trong hệ thống tiêu chuẩn cán bộ, Đảng bộ đặc biệt coi trọng tiêu chuẩn tôn trọng nhân dân, gần gũi với nhân dân, tuyên truyền, vận động nhân dân; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên phải thực sự là người hiểu được "*dân tâm, dân tình, dân sinh, dân ý*" như yêu cầu của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Lịch sử Đảng bộ Thanh Liêm nhiều thập kỷ qua đã cho thấy: nhiều giai đoạn, phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ, có tính đột phá bắt đầu từ công tác cán bộ. Phong trào cách mạng là kết quả lãnh đạo của tập thể cấp uỷ, những cán bộ chủ chốt có "tâm", có "tầm", có "tài" đã để lại nhiều dấu ấn sâu đậm. Nhờ làm tốt chiến lược cán bộ nên không những huyện luôn có đội ngũ cán bộ đảm bảo đưa phong trào cách mạng địa phương phát triển mạnh mẽ, liên tục, mà còn đóng góp cho tỉnh và Trung ương nhiều cán bộ có năng lực tốt; nhiều cán bộ trưởng thành từ Thanh Liêm hoặc rèn luyện qua thực tiễn lãnh đạo phong trào ở Thanh Liêm đã trở thành cán bộ chủ chốt của tỉnh và của các cơ quan Trung ương.

Bốn là: Chú trọng tìm tòi các hình thức, phương pháp phù hợp để phát huy nguồn lực tại chỗ và lợi thế so sánh địa phương.

Thực tế cho thấy cùng dưới sự lãnh đạo của Đảng nhưng không ít địa phương có nhiều tiềm năng lại không được phát huy tốt, ngược lại nhiều địa phương ít lợi thế so sánh, nhưng nhờ có định

hướng đúng, biện pháp phù hợp đã tạo nên động lực phát triển mạnh mẽ. Điều này phụ thuộc vào trí tuệ, bản lĩnh, sự nhạy bén của từng Đảng bộ và mang đậm dấu ấn vai trò lãnh đạo của từng Đảng bộ, của đội ngũ cán bộ chủ chốt trong từng giai đoạn lịch sử.

Kinh nghiệm thực tiễn quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Thanh Liêm cũng xác nhận rằng, một vùng quê giàu tiềm năng, có lợi thế so sánh, nhưng nếu không có định hướng đúng, hoặc có định hướng đúng nhưng thiếu những hình thức, phương pháp, cách làm phù hợp, thì tiềm năng vẫn mãi mãi vẫn chỉ ở dạng tiềm tích, không thể biến thành hiện thực. Muốn lợi thế so sánh được chuyên hoá thành sức mạnh vật chất, thì vấn đề cốt yếu là trong lãnh đạo, chỉ đạo phải nhận diện đúng từng khâu, từng dạng tiềm năng và tìm ra hình thức, phương pháp tác động phù hợp. Nhờ thấy rõ lợi thế của nguồn lực tài nguyên, thổ nhưỡng, thủy văn, nhân văn, phân biệt rõ những nguồn lực có thể phát huy nhanh chóng và có thể khai thác lâu dài mà Đảng bộ đã biết *lựa chọn những hướng đi thích hợp* để phát huy. Đó là dồn toàn lực để cải tạo đồng chiêm trũng bằng hai mũi thủy lợi và giao thông trong nhiều thập kỷ để biến vùng đất quanh năm bùn lầy nước đọng thành đồng đất phù hợp cho cây lúa, gây dựng "vốn liếng" đầu tiên, cải thiện đời sống nhân dân, hoàn thành nghĩa vụ đối với nhà nước. Từ đồng chiêm trũng đi lên nhưng không đứng mãi ở đó, vùng đồi đất, núi đá với biết bao tiềm năng, tiếp tục là sự lựa chọn của huyện trong chiến lược phát triển kinh tế. Khi nguồn vốn, nhân lực, vật tư, cơ chế, kinh nghiệm đã được chuẩn bị, huyện dồn sức thực hiện để rồi ở đây, hình thành những vùng nguyên liệu rộng lớn cho nhiều ngành kinh tế, tiến tới hình thành

các khu công nghiệp, dịch vụ có vốn đầu tư của cả trong nước và nước ngoài... Điều đó minh chứng cho bước tìm lối đi thích hợp trong quá trình đổi mới tại địa phương.

Trong số các nguồn lực tại chỗ, nguồn lực tự nhiên là yếu tố trước hết cần tính toán để khai thác hợp lý. Nhận thức rõ nguồn lực tự nhiên chỉ là hữu hạn, nên Đảng bộ đã tìm mọi cách để tổ chức khai thác phù hợp, làm cho mỗi tấc đất, mỗi mảnh vườn phải vận hành theo nếp nghĩ của con người, phải tạo ra các giá trị sản phẩm ngày càng cao hơn vì mưu sinh của quần chúng. Trong mô hình kinh tế cũ, người dân lam lũ quanh năm, chưa đến kỳ giáp hạt, từ cấp uỷ huyện đến cơ sở phải phân công nhau lên Tây Bắc, vào Nam mua lương thực cứu đói cho dân. Cũng đồng đất ấy, con người ấy nhưng với lối tư duy và cách làm mới thì không những đảm bảo lương thực cho dân cư mà hơn thế, có thể làm giàu trên quê hương, bản quán. Đảng bộ giờ đây không còn phải nghĩ chuyện chạy bữa cho dân, mà nghĩ cách tăng giá trị trên mỗi đơn vị diện tích gieo trồng, tăng tính thương phẩm của nông sản, tạo nhiều mô hình kinh tế gia trại, trang trại, công ty cổ phần... Phát huy điều kiện tự nhiên không phải chỉ ở khai thác tầng nổi của thổ nhưỡng, khí hậu, đồng đất, thủy văn,... mà căn bản hơn là đặt quá trình khai thác các điều kiện, và nguồn lợi tự nhiên trong tổng thể với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, chuyển đổi mô hình tổ chức sản xuất, cấu trúc lại nghề nghiệp, tổ chức lại đời sống xã hội nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Suy cho cùng, vai trò, tầm lãnh đạo của một Đảng bộ chính là ở trên phương diện đó và người dân trông chờ trí tuệ của Đảng chính là trông chờ ở những định hướng, tư duy mà mỗi cá nhân đơn lẻ

không thể nghĩ được, không thể làm được. Với vai trò, thẩm quyền, chức trách của một Đảng bộ cấp huyện, những đổi mới và sáng tạo không thể vượt khỏi quỹ đạo chung đường lối của toàn Đảng. Nhưng vấn đề là trong đường lối, quỹ đạo chung đó nếu biết lựa chọn những phương hướng, cách làm phù hợp thì vẫn phát huy được các nguồn lực tự nhiên và con người.

Thấy rõ tính hữu hạn của nguồn vốn tự nhiên, nên nguồn *vốn văn hoá, vốn xã hội, nhân tố con người* được Đảng bộ hết sức coi trọng phát huy. Đây là nguồn vốn vô hạn, càng phát huy thì càng được bồi đắp, nâng cao giá trị, đảm bảo sự phát triển bền vững cho mai sau. Nó được biểu hiện ở những chủ trương, giải pháp phát huy giá trị văn hoá truyền thống của vùng đất văn vật, "khoa bảng", của những trầm tích tri thức bản địa được tích lũy, đúc kết trong dân gian, trong các thiết chế văn hoá ở cơ sở. Phát huy *nhân tố con người* đã tạo nên *động lực nội sinh* để đưa Thanh Liêm vượt qua những khó khăn thường niên của thiên tai, những lao đao của thời kỳ bao cấp với khủng hoảng kinh tế - xã hội trên bình diện cả nước, những đột phá mạnh mẽ của thời kỳ đổi mới và hội nhập. Vốn văn hoá, vốn xã hội, vốn con người của Thanh Liêm được phát huy không chỉ tại địa phương, mà còn có sức lan toả góp phần tạo nên bản sắc văn hóa Việt Nam, với những những địa danh, xóm làng có nét văn hoá đặc trưng nổi tiếng; với rất nhiều anh hùng dân tộc, nhà yêu nước, chiến sĩ cách mạng, nhà văn hoá - khoa học - chính trị có tên tuổi. Những con người, địa danh ấy không chỉ thuần túy đem lại niềm tự hào cho quê hương, mà tạo ra những nguồn lực hữu hình và vô hình đóng góp vào khả năng phát triển của Thanh Liêm trong tiến trình đổi mới.

Năm là: Thường xuyên xây dựng tác phong hướng về cơ sở, có trách nhiệm với cơ sở, xem cơ sở là địa chỉ cần tìm đến của mọi quyết sách lãnh đạo.

Mọi chủ trương, chính sách dù ban hành ở cấp nào thì địa chỉ cần tìm đến cũng là cấp cơ sở. Cấp uỷ huyện có nhiệm vụ thường xuyên đôn đốc, theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn cơ sở thực hiện đúng chủ trương, chính sách đó. Thực tế, chẳng đường cách mạng xuyên suốt trong hơn bảy thập kỷ ở Thanh Liêm đã cho thấy, nơi nào, lúc nào và công việc nào có sự chỉ đạo sát sao của cấp uỷ huyện thì ở nơi đó, lúc đó và công việc đó đạt được kết quả ở mức cao nhất. Có phong trào, đồng chí Bí thư, Phó Bí thư, các đồng chí trong Thường vụ Huyện uỷ phải lăn lộn với cơ sở, xắn tay giải quyết từng vấn đề nảy sinh trong thực tiễn, mới đảm bảo thành công trong lãnh đạo. Đó là bài học của tinh thần "bám đất, bám dân" trong những năm kháng chiến, của công cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, của nhiệm vụ đôn đốc cơ sở thực hiện tinh thần "thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người" chi viện cho chiến trường. Gần đây là trong xây dựng vùng kinh tế mới Thanh Bông, Ban chỉ đạo gồm nhiều đồng chí chủ chốt trong Thường vụ, Uỷ ban nhân dân huyện đã rời trụ sở, đem mọi đồ dùng sinh hoạt lên trụ lại núi đồi, vừa chỉ đạo chung vừa trực tiếp cùng dân khai phá, đào mương, phát cây, làm đường, xẻ rãnh. Vì thế, Thanh Bông tiến những bước dài một năm bằng nhiều năm cộng lại. Không sâu sát cơ sở, không nắm được những tình huống nảy sinh hàng ngày gắn với từng công việc, không hiểu rõ nguyện vọng của đảng viên và quần chúng ở cơ sở,... thì rõ ràng không thể có quyết sách lãnh đạo chính xác. Muốn vậy, phải xây dựng cho mỗi cấp uỷ viên, mỗi cán bộ lãnh đạo huyện tác phong sâu

sát và có trách nhiệm với cơ sở, nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của dân, phải coi đây là phải một tiêu chí để đánh giá chất lượng cán bộ, đảng viên, một dấu hiệu nhận diện tác phong lãnh đạo của người cán bộ trước yêu cầu đòi hỏi của thời kỳ mới.

Hướng về cơ sở đòi hỏi trong mỗi phong trào, mỗi tổ chức đảng và đảng viên ở cơ sở phải thực sự tiên phong. Mỗi cấp ủy huyện được giao phụ trách từng cơ sở phải bám sát địa bàn, phải thực sự hướng về cơ sở với trách nhiệm cao nhất theo phong cách "xuống đội, lội đồng, tinh thông kỹ thuật, nổi bật điển hình", giúp cơ sở đủ năng lực lãnh đạo thực hiện các quyết sách của huyện. Trong chỉ đạo, Huyện ủy thực hiện rất thành công biện pháp "nắm chắc hai đầu, đẩy mạnh trung gian"; quan tâm đến các đơn vị có phong trào mạnh để làm điểm, nêu gương, thúc đẩy phong trào; chú ý đến những nơi phong trào kém để chỉ đạo, giúp đỡ tháo gỡ khó khăn; động viên các cơ sở có phong trào ở mức trung bình khai thác những thế mạnh của mình vươn lên theo kịp đơn vị điểm. Điều đặc biệt quan trọng, bí quyết góp phần tạo dựng thành công là trong mọi phong trào, phải xây dựng các mô hình điển hình, từ đó tổng kết và nhân ra diện rộng. Bởi thực tiễn quá trình vận động của cách mạng cho thấy ở bất cứ thời điểm, lĩnh vực nào cũng có cá nhân, tập thể xuất sắc, mô hình điển, làm nòng cốt tạo nên các phong trào thi đua sôi nổi. Xây dựng điển hình, nhân rộng điển hình là để tăng thêm sức mạnh cho phong trào cách mạng, nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo của Đảng bộ. Trong xây dựng hợp tác xã, trong hoàn chỉnh thủy lợi nội đồng huyện đã xây dựng điển hình thành công ở xã Thanh Nguyên, Liêm Cần; ở thôn Lại Xá trong làm phân bón, đẩy mạnh thâm canh; ở Chè, Trinh trong chăn nuôi; ở Thanh Lưu trong tập thể

hoá đồi nương, ở Thanh Bồng trong xây dựng kinh tế mới... Từ những thành công thí điểm đã khởi đầu cho những cuộc vận động, những phong trào cách mạng rộng lớn. Trong xây dựng thí điểm, một kinh nghiệm được Đảng bộ đúc kết là đã xây dựng thí điểm phải thành công, như ra trận phải thắng ngay trận đầu, bởi sự thành bại của điển hình nhiều lúc có tác dụng quyết định đến sự thành công, tính triệt để của phong trào. Muốn vậy, cần phải sâu sát cơ sở, chọn đúng đơn vị để Đảng bộ tiến hành làm điển, hợp tác xã toàn xã Thanh Nguyên là một ví dụ điển hình. Từ sự biến đổi rõ rệt trong sản xuất, bởi sớm hoàn thành hệ thống thuỷ nông, làm bùng lên hàng loạt chiến dịch thuỷ lợi quy mô rộng lớn: nghiêng đồng đổ nước ra sông để chống úng, cải tạo hàng nghìn kilômet bờ vùng bờ thửa, hệ thống kênh mương cấp 1,2,3 hình thành giúp toàn huyện chủ động tưới tiêu được trên 80% diện tích lúa. Những xã có độ cao ngang mặt biển, như Thanh Hà, Liêm Cản đến những xã thấp hơn mực nước biển, được coi là "rốn nước" như Thanh Phong, Thanh Hương đã thoát khỏi úng ngập khi mưa bão đến. Qua làm thuỷ lợi, nhiều phương châm đặc thù vùng trũng cũng đã được đúc rút như: "nhất cao, nhì kín, thứ ba vũng vàng".

Xây dựng điển còn cần sự kiên trì, bền bỉ bởi không phải mọi phong trào, mọi chiến dịch đều có cách làm giống nhau. Thông thường, thí điểm thắng lợi thì nhân diện thuận, cũng có khi một điển hình chưa đủ sức thuyết phục, người lãnh đạo thiếu kiên trì, bỏ cuộc thì sẽ mất phong trào... Trong những trường hợp đó, phải tiếp tục thí điểm tiếp để chứng minh chủ trương là đúng. Đơn cử như đó là cách làm trong tiến quân vào đồi nương, tập thể hoá ở hợp tác xã Bồng Lạng (Thanh Nghị) đã hoàn tất từ năm 1966, 1967; nhưng khi nhân diện hết sức khó khăn, các hợp tác

xã vẫn cố níu kéo, trì hoãn nên đến đầu những năm 1970, khu vực đòi nương phần lớn vẫn còn trong tay hộ gia đình. Huyện tiếp tục chỉ đạo làm điếm ở hợp tác xã Thong (Thanh Tâm) thành công. Từ đó, như một hiệu ứng, các hợp tác xã nhất loạt hưởng ứng như Đồi Non, Ba Nhất (Thanh Lưu) sau ba ngày tập thể hoá hoàn toàn, trong khi trước đó mất nhiều năm. Sự kiên trì cũng là yếu tố quyết định thành công trong phong trào giao thông nông thôn. Xác định mỗi giai đoạn thực hiện một mục tiêu phù hợp, huyện có những thí điểm tương ứng để phong trào đạt được những thành công từ thấp đến cao, từ phạm vi một vùng, một xã lan rộng ra toàn huyện.

*

* *

Đảng bộ và nhân dân Thanh Liêm luôn tự hào về những thành tích đã đạt được trong đấu tranh giành chính quyền, trong lao động sản xuất, xây dựng và bảo vệ quê hương, song cũng nhận thấy những mặt yếu kém cần khắc phục. Bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, còn không ít những khó khăn, thách thức. Thực tế đó đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên trong Đảng bộ phải nhận thức rõ về tình hình, nhiệm vụ trong giai đoạn mới, ra sức rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất đạo đức, năng lực lãnh đạo nhằm xây dựng Đảng bộ huyện vững mạnh để lãnh đạo nhân dân thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới của Đảng, vững bước trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá làm giàu mạnh quê hương.

PHỤ LỤC

I. DANH SÁCH BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG HUYỆN THANH LIÊM:

STT	HỌ VÀ TÊN	QUÊ QUÁN	GHI CHÚ
1	Phạm Thị Cát	Liêm Túc	Con độc nhất là liệt sỹ
2	Lê Thị Miên	Liêm Túc	Con độc nhất là liệt sỹ
3	Nguyễn Thị Hìn	Liêm Túc	Con độc nhất là liệt sỹ
4	Nguyễn Thị Khang	Liêm Túc	Con độc nhất là liệt sỹ
5	Vũ Thị Thịnh	Liêm Túc	Con độc nhất là liệt sỹ
6	Nguyễn Thị Mỹ	Thanh Hương	Con độc nhất là liệt sỹ
7	Lê Thị Phân	Thanh Hương	Có 3 con là liệt sỹ
8	Nguyễn Thị Chuốt	Thanh Hương	Con độc nhất là liệt sỹ
9	Trần Thị Hồng	Thanh Hương	Con độc nhất là liệt sỹ
10	Đào Thị Be	Thanh Hương	Con độc nhất là liệt sỹ
11	Nguyễn Thị Giáp	Thanh Thủy	Con độc nhất là liệt sỹ
12	Nguyễn Thị Trừu	Thanh Thủy	Con độc nhất là liệt sỹ
13	Trần Thị Vy	Thanh Thủy	Con độc nhất là liệt sỹ
14	Đặng Thị Đề	Thanh Thủy	Con độc nhất là liệt sỹ
15	Triệu Thị Huệ	Thanh Thủy	Con độc nhất là liệt sỹ
16	Hoàng Thị Hoạt	Liêm Sơn	Con độc nhất là liệt sỹ
17	Hoàng Thị Nghiễn	Liêm Sơn	Con độc nhất là liệt sỹ
18	Nguyễn Thị Cốt	Liêm Sơn	Con độc nhất là liệt sỹ
19	Trần Thị Mên	Liêm Sơn	Chồng và 1 con trai liệt sỹ
20	Nguyễn Thị Cà	Liêm Phong	Con độc nhất là liệt sỹ
21	Nguyễn Thị Hồi	Liêm Phong	Con độc nhất là liệt sỹ
22	Nguyễn Thị Tiệp	Liêm Phong	Con độc nhất là liệt sỹ

23	Nguyễn Thị Dậu	Liêm Phong	Con độc nhất là liệt sỹ
24	Phạm Thị Huệ	Liêm Phong	Con độc nhất là liệt sỹ
25	Đinh Thị Tuyên	Thanh Tân	Con độc nhất là liệt sỹ
26	Đinh Thị Tốt	Thanh Tân	Con độc nhất là liệt sỹ
27	Sử Thị Ứng	Thanh Tân	Con độc nhất là liệt sỹ
28	Nguyễn Thị Ngành	Thanh Tân	Con độc nhất là liệt sỹ
29	Nguyễn Thị Gọn	Thanh Phong	Con độc nhất là liệt sỹ
30	Hà Thị Thiện	Liêm Cần	Con độc nhất là liệt sỹ
31	Đinh Thị Thân	Liêm Cần	Con độc nhất là liệt sỹ
32	Nguyễn Thị Cơn	Liêm Cần	Con độc nhất là liệt sỹ
33	Đào Thị Lua	Liêm Cần	Con độc nhất là liệt sỹ
34	Nguyễn Thị Mẫn	Liêm Cần	Có 3 con là liệt sỹ
35	Nguyễn Thị Xoa	Thanh Tâm	Con độc nhất là liệt sỹ
36	Phạm Thị Ven	Thanh Tâm	Con độc nhất là liệt sỹ
37	Nguyễn Thị Nuôi	Thanh Tâm	Con độc nhất là liệt sỹ
38	Hoàng Thị Tháo	Thanh Tâm	Có 3 con là liệt sỹ
39	Dương Thị Sáu	Thanh Tâm	Con độc nhất là liệt sỹ
40	Phạm Thị Bích	Thanh Hải	Con độc nhất là liệt sỹ
41	Vũ Thị Ổi	Thanh Hải	Có 2 con là liệt sỹ
42	Vũ Thị Lâm (Luỹ)	Thanh Hải	Con độc nhất là liệt sỹ
43	Trịnh Thị Bông	Thanh Hà	Con độc nhất là liệt sỹ
44	Hoàng Thị Bài	Thanh Hà	Con độc nhất là liệt sỹ
45	Nguyễn Thị Bắc	Thanh Hà	Con độc nhất là liệt sỹ
46	Ngô Thị Kỳ	Thanh Hà	Con độc nhất là liệt sỹ
47	Lê Thị Cường	Thanh Hà	Con độc nhất là liệt sỹ
48	Nguyễn Thị Mười	Thanh Tuyên	Con độc nhất là liệt sỹ
49	Đinh Thị Sen	Thanh Nguyên	Con độc nhất là liệt sỹ
50	Nguyễn Thị Cảnh	Thanh Nguyên	Có 3 con là liệt sỹ

51	Lê Thị Thông	Thanh Nguyên	Con độc nhất là liệt sỹ
52	Cù Thị Cổ	Thanh Nguyên	Con độc nhất là liệt sỹ
53	Nguyễn Thị Đoan	Thanh Nguyên	Có 2 con là liệt sỹ
54	Phạm Thị Cô	Thanh Nguyên	Có 2 con là liệt sỹ
55	Lê Thị Là	Thanh Nguyên	Con độc nhất là liệt sỹ
56	Đinh Thị Nhỡ	Thanh Nghị	Con độc nhất là liệt sỹ
57	Nguyễn Thị Nụ	Thanh Nghị	Con độc nhất là liệt sỹ
58	Nguyễn Thị Quỳnh	Thanh Nghị	Con độc nhất là liệt sỹ
59	Trần Thị Hon	Thanh Nghị	Con độc nhất là liệt sỹ
60	Phạm Thị Quán	Thanh Nghị	Con độc nhất là liệt sỹ
61	Nguyễn Thị Đán	Thanh Nghị	Con độc nhất là liệt sỹ
62	Đào Thị Thông	Thanh Nghị	Con độc nhất là liệt sỹ
63	Vũ Thị Nhớn	Thanh Nghị	Con độc nhất là liệt sỹ
64	Nguyễn Thị Tinh	Liên Tiết	Con độc nhất là liệt sỹ
65	Phạm Thị Mẫn	Thanh Bình	Có 3 con là liệt sỹ
66	Nguyễn Thị Chiến	Thanh Bình	Con độc nhất là liệt sỹ
67	Nguyễn Thị Tuất	Liên Thuận	Con độc nhất là liệt sỹ
68	Dương Thị Nhâm	Kiên Khê	Con độc nhất là liệt sỹ
69	Nguyễn Thị Vên	Liên Chung	Con độc nhất là liệt sỹ
70	Lại Thị Tư	Liên Chung	Con độc nhất là liệt sỹ
71	Đào Thị Hợi	Liên Chung	Con độc nhất là liệt sỹ
72	Nguyễn Thị Nhi	Liên Chung	Con độc nhất là liệt sỹ
73	Nguyễn Thị Thạch	Liên Chung	Con độc nhất là liệt sỹ
74	Nguyễn Thị Sinh	Liên Chung	Con độc nhất là liệt sỹ
75	Phạm Thị Xoang	Liên Chung	Con độc nhất là liệt sỹ

II. DANH SÁCH BÍ THƯ HUYỆN ỦY THANH LIÊM QUA CÁC THỜI KỲ:

STT	HỌ VÀ TÊN	THỜI GIAN CÔNG TÁC	QUÊ QUÁN	GHI CHÚ
1	Nguyễn Văn An	1930-1932	Thanh Hải	
2	Đổng chí Phong	1945-1946	Gia Viễn-Ninh Bình	(Bí danh)
3	Đổng chí Mạc	1946-1947	Ý Yên-Nam Định	(Bí danh)
4	Nguyễn Bá Hoạt	1947-1948	-	
5	Phan Hưng	1948-1949	Bình Lục	
6	Tạ Duy Thanh	1949-1950	Kim Bảng	
7	Nguyễn Hữu Nghi	1950-1951	Bình Lục	(Thắng)
8	Trần Hữu Tích	1951-1952	Kim Bảng	(Quang)
9	Lê Hải	1952-1955	Hà Đông	
10	Trịnh Quang Minh	1955-1957	Kim Bảng	
11	Vũ Minh	1957	Mỹ Lộc-Nam Định	
12	Đào Chục	1958-1960	Phủ Lý	
13	Nguyễn Khắc Doanh	1960-1961	Thanh Châu	
14	-	1961-1963	-	
15	Hoàng Diễn	1963-1974	Liên Thuận	
16	Nguyễn Văn Cư	1975	Liên Sơn	
17	Đình Văn Như	1976-1978	Liên Cấn	
18	Nguyễn Chính Thiện	1978-1985	Duy Tiên	
19	Lê Dương Hân	1985-1987	Thanh Bình	
20	Trịnh Xuân Duyên	1987-1988	Thanh Lưu	
21	Bùi Xuân Hoà	1988-1993	Liên Phong	
22	Trần Mạnh Tiến	1993-1997	Lý Nhân	
23	Nguyễn Mạnh Hùng	1997-2000	Thanh Thủy	
24	Nguyễn Đức Bình	2000-2005	Thanh Châu	
25	Hoàng Nam	2005-2006	Thanh Hương	
26	Trịnh Văn Thực	2006-Nay	Thanh Hải	

III. DANH SÁCH PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC HUYỆN ỦY THANH LIÊM QUA CÁC THỜI KỲ:

STT	HỌ VÀ TÊN	THỜI GIAN CÔNG TÁC	QUÊ QUÁN
1	Nguyễn Phan Ngọc	1952	Hà Đông - Hà Nội
2	Nguyễn Văn Dỵ	1957-1960	Thanh Phong
3	Đỗ Khắc Vẽ	1960-1963	Thanh Hương
4	Lê Minh Trị	1963-1971	Lê Hồ - Kim Bảng
5	Đoàn Ngọc Lương	1971-1973	Thanh Phong
6	Đỗ Quốc Long	1973-1974	Thanh Hương
7	Nguyễn Văn Cư	1974-1975	Liên Sơn
8	Đình Văn Nhượng	1975-1976	Liên Cấn
9	Lê Dương Hân	1976-1977 1981-1985	Thanh Bình
10	Trần Thái Hưng	1978-1981	Lý Nhân
11	Bùi Văn Phúc	1985-1987	Thanh Hải
12	Hoàng Đình Phũng	1987	Liên Cấn
13	Vũ Viết Cự	1987-1989	Thanh Tân
14	Trần Xuân Giai	1989-1991	Mỹ Lộc - Nam Định
15	Lê Văn Xế	1991-1996	Liên Tiết
16	Nguyễn Mạnh Hùng	1996-1997	Thanh Thuỷ
17	Bùi Hữu Châu	1997-2000	Thanh Hải
18	Hoàng Nam	2000-2003	Thanh Hương
19	Trịnh Văn Thực	2003-2005	Thanh Hải
20	Phạm Văn Đợng	2005-Nay	Liên Thuận

**IV. DANH SÁCH CHỦ TỊCH UBND HUYỆN THANH LIÊM QUẢ
CÁC THỜI KỲ:**

STT	HỌ VÀ TÊN	THỜI GIAN CÔNG TÁC	QUÊ QUÁN
1	Nguyễn Hữu Đắc	1945-1949	Thanh Tâm
2	Nguyễn Văn Trứ	1949	Thanh Hà
3	Nguyễn Hữu Nghi (Thắng)	1949-1950	Bình Lục
4	Nguyễn Văn Lãm	1950-1953	Ý Yên - Nam Định
5	Lê Minh Hiệp	1953-1955	Thanh Hương
6	Đỗ Trung Trác	1955-1957	Liêm Sơn
7	Nguyễn Khắc Doanh	1957-1960	Thanh Châu
8	Hoàng Diễm	1960-1961	Liêm Thuận
9	-	1961-1962	-
10	Đào Hữu Quy	1963 -1975	Thanh Tân
11	Hoàng Ngọc Quyết	1975-1977	Liêm Thuận
12	Nguyễn Kim Giang	1977-1978	Kim Bảng
13	Vũ Tiệp	1978-1981	Kim Bảng
14	Bùi Văn Phúc	1981-1985	Thanh Hải
15	Trịnh Xuân Duyên	1985-1987	Thanh Lưu
16	Hoàng Đình Phủng	1987-1994	Liêm Cần
17	Nguyễn Văn Hoá	1994-1998	Liêm Phong
18	Vũ Thị Tuyết	1998-2003	Liêm Sơn
19	Hoàng Nam	2003-2005	Thanh Hương
20	Nguyễn Đức Hiển	2005-Nay	Thanh Lưu

V. DANH SÁCH TẬP THỂ, CÁ NHÂN CỦA HUYỆN THANH LIÊM ĐƯỢC NHÀ NƯỚC TRAO TẶNG DANH HIỆU ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN:

1. Danh sách tập thể:

STT	TÊN TẬP THỂ	THỜI KỲ	NĂM XÉT TẶNG
1	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân huyện Thanh Liêm	K/c chống Pháp	8-11-2002
2	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Liêm Sơn	K/c chống Pháp	16-12-2004
3	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Thanh Tâm	K/c chống Pháp	16-12-2004
4	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Thanh Nghị	K/c chống Pháp	23-5-2005
5	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Thanh Hà	K/c chống Pháp	23-5-2005
6	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Thanh Lưu	K/c chống Pháp	23-5-2005
7	Nhân dân và lực lượng vũ trang nhân dân xã Thanh Hải	K/c chống Mỹ	8-11-2002

2. Danh sách cá nhân:

STT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	QUÊ QUÁN	THỜI KỲ	NĂM XÉT TẶNG
1	Khúc Văn Lượng	1945	Thanh Thủy	K/c chống Mỹ	22-12-1969
2	Nguyễn Thị Nhạ	1945	Kiên Khê	K/c chống Mỹ	6-11-1978
3	Nguyễn Văn Tham	1957	Liêm Phong	Bảo vệ Tổ quốc	30-8-1989
4	Phạm Văn Điền	1966	Liêm Sơn	Bảo vệ Tổ quốc	2-11-2001

VI. DANH SÁCH TẬP THỂ CỦA HUYỆN THANH LIÊM ĐƯỢC NHÀ NƯỚC TRAO TẶNG DANH HIỆU ANH HÙNG LAO ĐỘNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI:

STT	TÊN TẬP THỂ	NĂM XÉT TẶNG
1	Trung tâm Điều dưỡng và Phục hồi chức năng thương bệnh binh nặng Hà Nam	24-4-2005

VII. DANH SÁCH CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HOÁ ĐƯỢC XẾP HẠNG CẤP QUỐC GIA VÀ CẤP TỈNH TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THANH LIÊM

1. Di tích cấp Quốc gia:

STT	TÊN DI TÍCH	ĐỊA DANH	NĂM XẾP HẠNG
1	Thắng cảnh Kẽm Trống	Xã Thanh Hải	28-4-1962
2	Di tích đình chùa Châu	Thị trấn Kiện Khê	5-2-1994
3	Di tích đình Đổng Cầu	Xã Liêm Túc	5-9-1994
4	Di tích đình An Xá	Xã Thanh Tuyền	28-6-1996
5	Di tích đình An Hoà	Xã Thanh Hà	7-5-1997
6	Di tích đình Cháy	Xã Liêm Thuận	24-1-1998
7	Di tích đình đền Hoà Ngãi	Xã Thanh Hà	24-1-1998
8	Di tích đền Lãng	Xã Liêm Cần	26-1-1999
9	Di tích đình Cẩm Du	Xã Thanh Lưu	20-4-2001
10	Di tích đình Nguyễn Trung	Xã Liêm Phong	27-12-2001
11	Di tích đình Ô Cách	Xã Thanh Thuỷ	15-12-2004

2. Di tích cấp tỉnh:

STT	TÊN DI TÍCH	ĐỊA DANH	NĂM XẾP HẠNG
1	Di tích đình Đoan Vĩ	Xã Thanh Hải	2-1-1996
2	Di tích chùa Lác Nội	Xã Thanh Hương	10-12-1996
3	Di tích chùa thôn Tháp	Thị trấn Kiện Khê	26-8-1996
4	Di tích đình Gừa	Xã Liêm Thuận	10-12-1996
5	Di tích đền chùa Chanh	Xã Liêm Sơn	10-12-1996
6	Di tích đền Đổng Thượng	Xã Liêm Túc	17-5-2004
7	Di tích đình đền Cửa Rừng, hang Gióng Lở	Xã Thanh Nghị	9-12-2004
8	Di tích chùa Tiên	Xã Thanh Lưu	13-5-2005
9	Di tích đình Mai Lĩnh	Xã Liêm Phong	13-12-2005

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
LỜI GIỚI THIỆU	5
PHẦN MỞ ĐẦU	
THANH LIÊM - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG	7
I. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và dân cư.	7
II. Truyền thống lịch sử và văn hóa.	19
III. Khái quát tình hình Thanh Liêm trước Cách mạng Tháng Tám 1945.	33
PHẦN THỨ NHẤT	
ĐẢNG BỘ THANH LIÊM RA ĐỜI, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1930-1954).	39
Chương I. Chi bộ đảng đầu tiên ra đời, lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền (1930-1945).	39
I. Tiếp thu ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin, chi bộ đảng đầu tiên ra đời.	39
II. Bước đầu xây dựng cơ sở và tổ chức các phong trào cách mạng (1930-1939).	45
III. Tích cực chuẩn bị lực lượng, tập dượt và tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền (1939 - 8/1945).	58
Chương II. Đảng bộ Thanh Liêm lãnh đạo nhân dân xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954).	79
I. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, tham gia cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1946).	79
II. Kiên cường kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, giải phóng quê hương (1946-1954).	103

PHẦN THỨ HAI

**ĐẢNG BỘ THANH LIÊM LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TIỀN LÊN
XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THAM GIA KHÁNG
CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954-1975).**

162

**Chương III. Khôi phục và bước đầu phát triển kinh tế, văn
hóa - xã hội, xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa,
thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1954-1965).**

162

I. Khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa, bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội (1954-1960).

162

II. Thực hiện kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

196

**Chương IV. Tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội, tham gia
chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, tăng cường
chi viện cho cách mạng miền Nam (1965-1975).**

229

I. Vừa sản xuất, vừa chiến đấu, cùng quân và dân miền Bắc đánh bại chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965-1968).

229

II. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ, tăng cường chi viện cho cách mạng miền Nam (1969-1972).

259

III. Khôi phục và đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội; chi viện tối đa cho chiến trường, góp phần vào sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1973-1975).

283

PHẦN THỨ BA

THANH LIÊM CÙNG CẢ NƯỚC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975-2005). 307

Chương V. Cùng cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bước đầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế (1975-1986). 307

- I. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ hai, tham gia đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1975-1980). 307
- II. Bước đầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, Thực hiện kế hoạch nhà nước (1981-1985). 359

Chương VI. Thực hiện công cuộc đổi mới; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1986-2005). 396

- I. Thực hiện đường lối đổi mới toàn diện tại địa phương (1986-1995). 396
- II. Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá (1996-2005). 465

KẾT LUẬN 563

PHỤ LỤC 588

In 1.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm, tại Công ty in Sao Việt.
Giấy phép xuất bản số 278/GP-STTT, cấp ngày 12-8-2009.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 9 năm 2009.